

TRƯƠNG THÌN (biên soạn)
Đại đức THÍCH MINH NGHIÊM (hiệu đính)

NGHI LỄ

Mộ phần người Việt



NGHI LỄ MỘ PHẦN NGƯỜI VIỆT

TRƯƠNG THÌN
(Biên soạn)

NGHI LỄ MỘ PHẦN NGƯỜI VIỆT

Hiệu đính: ĐĐ.Thích Minh Nghiêm

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Lời nói đầu

Tang lễ là một nền văn hóa luôn luôn được người Việt Nam giữ gìn khi gia đình có người qua đời. Bốn phận quan trọng của người con là cung dưỡng song thân khi tuổi già yếu và hoàn tất tang lễ khi quá vãng. Những bốn phận này cần thực hiện đúng nghi thức để tỏ lòng tôn kính, báo đền công sinh thành dưỡng dục và tình cảm thiêng liêng của cha mẹ dành cho con cháu. Vì người Việt Nam tin tưởng rằng sự ra đi tại nhà và được thân nhân bên cạnh là điều may mắn.

Hiện nay một số phong tục, nghi lễ vẫn đặt biệt được cử hành trước và sau khi cha, mẹ lìa trần.

Tang lễ được coi rất quan trọng trong văn hóa của người Việt Nam. Trong thời gian này, con cháu quy tụ đầy đủ dự tang. Mọi tục lệ cưới hỏi, nói thoi, sinh nhật, kỷ niệm đều được ngưng lại chờ sau khi tang xong.

Tang lễ trong gia đình đã có tập tục từ rất lâu. Các phong tục, nghi lễ được truyền từ tổ tiên đời này sang đời khác mang những tính chất huyền bí và bắt nguồn từ gia lễ xưa của phương Đông. Ngày nay các tập tục này đã có nhiều thay đổi nhưng vẫn được áp dụng rộng rãi trong nhân gian. Tang lễ được ảnh hưởng bởi tôn giáo, tùy theo tín ngưỡng của từng tôn giáo mà gia đình có những cách thức tiến hành tang lễ khác nhau. Tang lễ là sự tiêu biểu truyền thống, cách sống của người Việt Nam. Hình thức tang lễ nói lên tình nghĩa của những người cùng chung dòng máu, chia sẻ những gì khi còn sống và sau khi mất họ vẫn ở mãi trong lòng những người thân. Người Việt Nam cho rằng chết không có nghĩa là không còn nữa mà chỉ mất đi. Phần thân xác mất chứ tâm linh không mất. Con người mất đi thì vẫn hiện hữu qua nhiều hình thức khác.

Cũng theo quan niệm của người Việt, con người có 2 phần: Xác và hồn, khi chết, phần hồn sẽ về thế giới bên kia và tiếp tục sống,

chuẩn bị cho sự hồi sinh trong kiếp sau nên người Việt đón nhận cái chết rất bình tĩnh, thanh thản.

Tang lễ và cúng giỗ là những phong tục mang tính nhân văn cao cả của người Việt, nó thể hiện đạo lý tốt đẹp của người Việt Nam uống nước nhớ nguồn và mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trong xã hội.

Theo triết lí âm dương, âm ứng với số chẵn, dương ứng với số lẻ; vì vậy mọi thứ liên quan đến người chết đều phải là số chẵn. Lạy trước linh cửu thì phải lạy 2 hoặc 4 lạy; ở nhà mồ của các dân tộc miền núi, cầu thang phải làm với số bậc chẵn; hoa cúng người chết cũng phải dùng số chẵn. Khác với người sống ở cõi dương, mọi thứ phải theo số lẻ: Lạy người sống phải là 1 hoặc 3 lạy; cầu thang, bậc tam cấp nhà ở phải có số bậc lẻ, hoa cho người sống cũng phải có số bông lẻ. Trừ trường hợp chết coi như sống - ví dụ cúng Phật thập 3 nén nhang, hoặc sống coi như chết - ví dụ con gái lạy cha mẹ trước lúc xuất giá đi lấy chồng 2 lạy).

Cuốn Nghi lễ mộ phần người Việt giới thiệu cùng bạn đọc những nghi lễ về tang lễ từ lúc qua đời đến khi cải táng để có một phần mộ bình an. Vì người Việt khi sống rất coi trọng nơi ở của mình nên khi về với cõi âm những người đương thời cũng chăm lo mộ phần cho người quá cố rất chu tất, cẩn thận.

Phong tục tang lễ phổ biến và chính thống của ta còn thừa kế được cả tinh thần dân chủ truyền thống nên được nhân dân rất coi trọng. Khi đọc cuốn sách bạn sẽ tham khảo được những nghi lễ cần thiết để lo cho những người thân của mình khi qua đời hợp với truyền thống.

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

I. NGƯỜI CHẾT VÀ NHỮNG VIỆC CẦN LÀM

1. Quan niệm về cõi chết của người Việt

Người chết nghĩa là đi về thế giới bên kia, đó là về cõi âm - là cõi vĩnh hằng của con người. Không phải là đi sang cõi âm, mà là về cõi âm. Về - từ này hàm nghĩa một sự trở về và là trở về nơi cũ, trở về nơi gốc gác của con người. Vì con người có quan niệm “sống gửi thác về”. Dù quan niệm nơi cư ngụ của con người sau khi chết là ở đâu thì người Việt bao giờ cũng dùng từ “về” để chỉ sự trở về của con người khi sự sống kết thúc. Người Việt tin rằng chết không phải là hết, mà là bước sang một cuộc đời khác. Ở đó người ta phải tiếp nhận hậu quả của cuộc đời trước đó do bản thân mình tạo ra. Vì thế, trong cuộc đời con người thường muốn sống tử tế với nhau hơn. Đó là tính nhân bản. Đó cũng chính là mảnh đất nuôi dưỡng mọi thứ tôn giáo trên thế giới này.

Xuất phát từ đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam “nghĩa tử là nghĩa tận”, nên mỗi khi có người thân qua đời dù là mới lọt lòng hay đã ở tuổi thượng thượng thọ. Những người trong tang quyến đều xúc động, xót thương, vì đây là nghĩa tình gia tộc “một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”, là sự mất mát không thể bù đắp được. Đối với bà con xóm giềng, hàng phố, bạn hữu gần xa là sự kiện có tác động sâu sắc đến tình cảm của mỗi người.

Cái chết của con người tạo ra sự đoạn tuyệt với các mối quan hệ trong xã hội, gây ra nỗi đau buồn, thương tiếc của những người đang sống, đối với thân thích ruột già, đối với bà con bè bạn... Chính vì vậy, việc tang được đặt trong lĩnh vực tư tưởng và tình cảm, nhằm thoả mãn nhu cầu của những người sống đối với người chết trong giờ phút vĩnh biệt.

Trong đời sống tâm linh của người Việt quan niệm về cái chết rất thiêng liêng. Những thế hệ đi trước đã dùng nhiều danh từ văn hoa để chỉ cái chết: Hai năm mươi về già, về châu tổ, mãn phần, từ trần, đi xa...

Ngoài tính huyết thống gia tộc, việc tang còn mang tính xã hội sâu sắc - không riêng của gia đình, mà chung của xã hội. Dư luận

xã hội là sức mạnh vô hình đưa vấn đề việc tang vào quy phạm đạo đức, xây dựng thành nghi thức và trở thành phong tục tập quán của dân tộc.

Việc tang đặt ra không phải vì người đã chết, không phải vì cuộc sống của những người đã chết được tiếp tục ở “thế giới bên kia”, mà chính là nhu cầu của những người đang sống, vì lợi ích của xã hội đang tồn tại trên trái đất, trong thế giới có thực.

Khi xã hội thay đổi, việc tang cũng thay đổi theo kỷ cương nhất định của xã hội đó. Sự khác nhau ấy nhằm xây dựng việc tang thành một thể chế văn hoá hoàn chỉnh. Nó vừa mang tính phong tục của cộng đồng, của dân tộc vừa thể hiện tính pháp chế của chế độ chính trị - xã hội đương thời. Nó được nền luân lý của xã hội củng cố.

Tang lễ là một nghi thức có tính cách luân lý của mọi xã hội từ Đông sang Tây. Trong bất cứ một tập thể nào, còn chậm tiến hay đã văn minh, vấn đề tang lễ vẫn được coi là nghi thức quan trọng để biểu lộ tình cảm của những người chung quanh đối với kẻ quá cố.

Sinh hoạt xã hội Á Đông nặng tình cảm, coi trọng huyết thống gia đình thân tộc hơn, nên từ hàng ngàn năm trước, vấn đề việc tang đã được đặt ra một cách có quy củ. Rất nhiều sách vở, tư tưởng của các triết gia Á Đông đã đề cập đến bốn phận của người ta trong việc tang ma một cách cẩn thận, chu đáo.

Xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hoá có truyền thống phương Đông thời xưa. Các nghi thức về tang lễ, tang chế đều dựa theo chiều hướng của các nguyên tắc luân lý và đạo đức của nền văn hoá ấy. Lâu ngày, các định lệ này đã thành ra tục lệ với những biến thể phù hợp với nếp sống riêng của người Việt Nam.

Theo quan điểm duy tâm, sẽ dẫn đến cách tổ chức chôn cất người chết phù hợp với thuyết thần bí, dị đoan, lạc hậu. Ngược lại, duy vật có cách xử lý việc tang thiết thực, hợp với chân lý cuộc sống, hợp với lối sống khoa học, văn minh, tiến bộ của xã hội đương đại.

Cho tới ngày nay, nhiều lễ nghi đã được giản tiện, phù hợp với hoàn cảnh sống của thực tế xã hội, đặc biệt là ở các đô thị và các khu công nghiệp. Tuy nhiên, một số những nghi lễ chính có ý nghĩa quan trọng, nhân dân ta vẫn còn giữ và áp dụng. Vì tinh thần báo hiếu vẫn luôn là vấn đề thiết yếu trong đời sống con người Việt Nam, được đặt lên hàng đầu, nên khi cha mẹ chết ai cũng muốn lo cho đủ lễ và chu tất.



2. Viết di chúc khi sắp qua đời

Khi về già, có thể do sức khỏe suy sụp, các cụ đều hiểu được mình còn sống không được bao lâu, nên việc chuẩn bị cho cái chết rất chu đáo. Nhiều người đã viết di chúc trước khi mình đang còn minh mẫn, di chúc có thể được bổ sung khi cần thiết, có người còn bổ sung di chúc đến ba lần.

Di chúc là lời dặn dò con cháu, giao cho con cháu thực hiện những nguyện vọng mà đương thời họ chưa làm được. Di chúc viết về chính cuộc đời của người chuẩn bị ra đi, kể về công lao, hạnh phúc, nguyện vọng của mình đối với bố mẹ, ông bà, con cháu. Di chúc có thể đề cập đến việc chia tài sản cho con cái hoặc người thân. Cũng có thể việc chia tài sản, được viết thành một văn bản riêng, có sự chứng kiến của luật sư để đảm bảo về mặt pháp lý. Có trường hợp chỉ cần sự chứng kiến và ký tên của người hàng xóm có uy tín ở địa phương hoặc đại diện tổ dân phố cũng đủ. Di chúc có thể nói những điều sâu kín nhất diễn ra mà trước đó không tiện nói, ví dụ như nói về lỗi lầm của mình...

Nếu người sắp qua đời đã làm di chúc trước, thì trong giờ phút lâm chung thân nhân gắng hỏi xem có dặn dò gì thêm

không - nếu có dặn dò gì thêm phải được ghi chép đầy đủ để bổ sung vào di chúc.

Nếu người sắp qua đời chưa làm di chúc, thì gia đình, con cháu phải thực hiện làm di chúc. Việc lấy di chúc của người sắp qua đời là công việc hệ trọng đối với gia đình, thân tộc. (Cần chú ý lấy di chúc khi người bệnh còn tỉnh). Khi làm di chúc phải chọn người ghi nhanh. Người con trưởng hỏi, con thứ ghi chép, mọi người thân thích đứng xung quanh nghe và chứng kiến. Khi người bệnh không nói nữa, người con trưởng gắng hỏi 3 lần mới thôi. Cuối di chúc được ghi làm vào ngày, giờ nào, lúc người còn tỉnh. Người con trưởng đọc lại toàn bộ di chúc, người bệnh đồng ý thì ký vào dưới (nếu không ký được thì điểm chỉ). Trong thời đại ngày nay, một số gia đình có điều kiện đã ghi âm lời di chúc của người quá cố (hoặc quay băng hình) để lưu giữ lâu dài cả hình ảnh cũng rất tốt.

Di chúc hoặc những lời trăng trối của người sắp qua đời có ý nghĩa rất quan trọng, có ảnh hưởng sâu xa đến cuộc sống sau này của con cháu. Cho nên con cháu phải luôn luôn bình tĩnh lắng nghe, để sau này thực hiện cho gọn gàng, chu đáo để vong hồn người đã khuất được “ngậm cười nơi chín suối”.

3. Đáp ứng nguyện vọng của người sắp qua đời

Thời xưa, theo cổ lệ, con cháu hỏi xem người bệnh có tự đặt lấy tên thụy (còn gọi là tên hèm), tức là tên sau này dùng để khấn khi cúng cơm (dân ta gọi là tên cúng cơm). Nếu trường hợp người bệnh mê man, không tự đặt lấy tên cúng cơm cho mình, thì con cháu tìm đặt, sau đó báo lại cho người bệnh khi gặp lúc hồi sinh. Tuy nhiên, cổ lệ này thời nay, nhân dân ta hầu như đã bỏ.

Những người sắp qua đời thường có những nguyện vọng mà người sống cho là bất bình thường, ví như: Thêm một thứ gì đó mà ở vùng quê khó có thể kiếm được, hoặc kiếm được cũng không phải ngay sau đó. Hoặc muốn ăn một thứ gì đó rất bình thường, nhưng đối với bệnh tật, dân ta lại cho đồ ăn đó là kiêng kỵ.

Thường những người bỏ làng quê ra thành thị ở với con cháu, hoặc những người đi làm ăn xa (kể cả những kiều bào xa Tổ quốc) khi sắp qua đời thường có những nguyện vọng muốn quay về “quê cha đất tổ” để chết.

Những người ốm đau điều trị ở bệnh viện khi biết mình khó có thể qua khỏi, thường yêu cầu người thân hoặc do chính người thân yêu cầu đưa người ốm nặng về quê để tránh bị mang tiếng là “chết đường, chết chợ”.

Thực tế hiện nay ở đô thị, người dân sống trong những chung cư cao tầng hay những khu nhà tập thể... nhiều ngôi nhà cầu thang chật hẹp rất bất tiện cho việc chuyển dịch linh cữu người chết. Do đó, người thành phố lại làm ngược lại với các vùng quê là đưa người ốm nặng khi có biểu hiện khó qua khỏi đến bệnh viện để họ qua đời ở đó. Khi qua đời, người chết sẽ được quản ở nhà đại thể và đám tang sẽ được tổ chức ở nhà tang lễ của bệnh viện.

Thời xưa ở nông thôn Việt Nam, những người sau khi lên lão, đều sắm cho mình một cỗ áo quan (quan tài) bằng gỗ tốt, cho mình cảm thấy yên tâm, để khi nhắm mắt xuôi tay không phải phiền đến con cháu. Vì thế người ta còn gọi cỗ quan tài là cỗ hậu (dùng nó về sau). Nhiều nơi còn gọi cỗ hậu là cỗ Thọ để chỉ sự sống lâu của các cụ, nên ở đầu áo quan thường có khắc chữ “thọ”.

Các cụ già theo đạo Phật còn chuẩn bị cho mình chiếc áo “lục thù” có đóng dấu nhà Phật, để khi qua đời con cháu mặc cho. Theo quan niệm của nhà Phật đây là trang phục thể hiện người quá cố được “ăn mày” của Phật, đã thành người của nhà Phật, nên khi quy tiên được mặc áo “lục thù” trang bị của nhà Phật ban cho. Áo “lục thù” là loại vải mỏng hoặc vải vuông được may đơn giản. Trên áo có in chữ của đạo Phật.

Đối với các tín đồ theo đạo Công giáo, người sắp qua đời (hấp hối) được cộng đoàn tín đồ đến cầu kinh. Nội dung là thú tội, ăn năn tội. Người thân đón linh mục đến cho người sắp chết xưng tội, họ được chịu phép Minh thánh lấy đó làm “cửa ăn đường”.

Sự chuẩn bị áo “lục thù” cho người sắp qua đời (nếu người đó theo đạo Phật), sự có mặt của người thân, của cộng đồng tín đồ, của chức sắc trong các tôn giáo bên cạnh người sắp qua đời là sự động viên, an ủi để họ “vượt qua” cái nắc đầu khổ cuối cùng của thể xác.

4. Chọn đất làm huyết mộ

Thời xưa, chọn đất làm huyết mộ là một vấn đề quan trọng hàng đầu khi gia đình có người sắp lâm chung, hoặc khi gia đình có người già, ốm yếu đã có triệu chứng khó qua khỏi. Trước đây, mọi người rất kỹ lưỡng trong vấn đề chọn đất làm huyết mộ sao cho tốt, để không ảnh hưởng tới sự phát đạt, hưng thịnh của con cháu, dòng họ về sau. Theo quan niệm về phong thủy của Việt Nam, một ngôi đất có thể làm cho con cháu phát đạt, nhưng cũng có ngôi đất chỉ đem lại sự lụn bại cho huyết thống. Đất có ảnh hưởng sâu xa tới xương cốt của người khuất. Có chỗ xương cốt được bảo tồn và có chỗ xương cốt mau bị hư hại, việc bảo tồn hoặc hư hại này đều có ảnh hưởng tới con cháu.

Dân gian có quan niệm:

Sống về mồ mả, ai sống về cả bát cơm.

Tìm hiểu về nghề địa lý thì tìm đất có thể gọi là một nghệ thuật của người xưa. Tìm đất căn cứ vào hướng gió và mạch đất, do đó địa lý còn gọi là “phong thủy”. Tìm đất làm huyết phải căn cứ vào hướng huyết để đón gió lành vào long mạch để nhận sự mát mẻ. Một ngôi huyết tập trung được đủ yếu tố làm cho đất “vượng” giống như đầu não, hướng nhận mọi long mạch chạy tới, có đủ sơn thủy.

Các thầy địa lý xưa phân biệt ngôi huyết tốt xấu theo các mô đất. Ở đây “thượng nhất thốn vi sơn, hạ nhất thốn vi thủy”, nghĩa là Đất cao hơn một tấc là núi, thấp hơn một tấc là nước.

Ngày nay, trong quan niệm của nhân dân ta về việc chọn đất chôn cất cũng là một việc quan trọng đối với các gia đình tang chủ. Tuy nhiên, không phải theo những thủ tục rườm rà như ngày xưa và cũng không phải nhờ thầy địa lý. Nhưng chọn hướng mộ

vẫn là vấn đề rất cần thiết đối với các vùng nông thôn. Ở thành phố, chôn cất ở nghĩa trang phải theo sự sắp xếp các vị trí trước sau, không thể theo ý mình lựa chọn được.

Sau khi đã hết lòng cứu chữa nhưng người bệnh không hy vọng qua khỏi nếu ở bệnh viện thì mọi công việc chuẩn bị cho người sắp từ trần đã có cán bộ, nhân viên bệnh viện lo liệu. Người bệnh được lưu ở phòng đặc biệt, lúc này thân nhân của người bệnh có thể làm các thủ tục theo truyền thống như: Lấy di chúc, chuẩn bị áo quần mới để thay, lau rửa người bằng nước thơm (ngũ vị)...

Nếu người bệnh ở tại gia đình, khi biết người bệnh không qua khỏi thì phải đưa lên gian nhà chính (tiền sảnh hoặc đại sảnh), mà không nên để người bệnh trong buồng. Vì buồng thường chật hẹp, khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục cho người sắp từ trần.

Khi nào thấy người bệnh ú ớ (hấp hối), thì gia chủ phải chuẩn bị nồi lá thơm (ngũ vị: Lá bạch đàn, tùng, diệp, mộc hoàn...) nấu thành nước để lau rửa. Trường hợp ở những nơi không đủ các loại lá này thì thay bằng lá khác có mùi thơm cũng được. Khi lau, để người bệnh nằm ngửa, dùng tay đỡ luồn vào lau nước thơm khắp người bằng khăn mới, mềm, rửa mặt mũi. Việc làm này mang ý nghĩa là tắm gội cho cha (mẹ) để rũ hết bụi trần. Nếu cha chết thì con trai (hoặc người thân là nam) "tắm". Nếu mẹ chết thì các con gái (hoặc người thân là nữ) "tắm". Dùng lược chải tóc cho sóng, rồi thay quần áo mới (quần áo chỉnh tề như người đi chơi xa). Người ta gọi: Quần áo phải thay cũ đổi mới. Thời xưa nhà nghèo quá không mua sắm được, nhưng thường người ta phải ráng may quần áo mới để mặc cho người chết.

Chuyện mặc áo cho người chết mỗi nơi đều có tục lệ khác nhau. Người chết có quan tước thường được mặc đủ áo xiêm đai theo kiểu triều phục. Có gia đình không dùng quần áo mới, mà dùng những thứ tốt đẹp nhất vẫn được mặc lúc còn sống, không phải may mới. Có nơi kiêng cũ không mặc áo kép, chỉ một áo đơn, cắt bỏ hết cúc, mặc vạt cái vào trong, vạt con khép chõm bên ngoài, trái hằn với lối mặc của người sống.

Cắt móng chân, móng tay (nếu thấy cần) - các thứ này đều để vào quan tài theo đúng vị trí khi khâm liệm.

Đối với những địa phương có tập quán cải táng, cần thiết phải sắm cho người bệnh bít tất tay và chân bằng ni-lông, để lúc cải táng chỉ cần rũ ra là các đốt xương tay chân không lẫn hoặc rơi lạc. Nếu không kịp chuẩn bị tất tay chân, thì dùng hai khăn trắng hoặc vuông vải bọc lại, để nó vẫn gọn gàng.

Chính quyền địa phương cần phối hợp với ủy ban Mặt trận Tổ quốc cơ sở, các tổ chức quần chúng và Hội người cao tuổi, để tùy theo người sắp từ trần ở giới nào, đoàn thể nào mà cử đại diện đến thăm hỏi và giúp đỡ gia đình tang chủ, khi họ còn “tang gia bối rối”. Đồng thời, ngăn chặn kẻ xấu lợi dụng làm điều mê tín dị đoan...



Nếu người hấp hối là tín đồ và có yêu cầu thực hiện các nghi lễ tôn giáo, việc đó cần được thực hiện. Nhưng phải thực hiện những Quy ước nếp sống văn hoá của cộng đồng và những điều quy định của pháp luật trong việc thực hiện nghi lễ này.

Đối với tín đồ công giáo, do quan niệm về cái chết là sự an bài của Chúa, là chặng đường đầu đời người, chết được gọi là sinh thì người chết nếu sạch tội, đến ngày Chúa tái lâm sẽ được sống lại cả hồn, xác và được lên thiên đàng. Nghi thức tiễn biệt người chết của đạo Công giáo, vì vậy có nhiều nét khác biệt với người không theo đạo Công giáo.

Người sắp chết, lúc hấp hối được Cộng đoàn tín đồ đến cầu kinh. Nội dung là thú tội, ăn năn tội. Người thân đón linh mục đến cho người sắp từ trần xưng tội. Họ được chịu phép Minh thánh, lấy đó làm “của ăn đường”. Tiếp đó, nếu tín đồ qua đời thì Cộng đoàn đọc kinh, cầu cho người qua đời (đọc trước giờ tẩm liệm, kinh tẩm liệm).

Người chết được mặc áo các phép, được tẩm liệm, cho vào quan tài và đưa đến nhà thờ xứ. Một thánh lễ được dành cho người qua đời. Trước đó, khi được tin có tín đồ qua đời, nhà thờ rung chuông (gọi là chuông sầu). Chuông rung theo nhịp ba, chậm rãi, buồn tẻ. Đàn ông là ba hồi bảy tiếng (theo quan niệm ba hồn, bảy vía), đàn bà ba hồi chín tiếng (theo quan niệm ba hồn, chín vía). Tuy nhiên, nhiều nơi lại rung chuông rồi 7 tiếng, hoặc 9 tiếng rồi mới rung chuông hồi.

Thánh lễ được cử hành tương tự như thánh lễ thường. Mở đầu bằng ca nhập lễ. Vì là thánh lễ cho người chết nên nội dung gồm: Ca tâm niệm, ca dâng lễ, làm phép mồ, bài ca từ biệt.

Người chết được đưa từ nhà thờ ra bãi tha ma. Đi đầu là cờ tang màu đen, có thể có cờ tang của các hội đoàn mà sinh thời người quá cố tham dự. Quan tài được đặt lên kiệu hoặc xe tang. Trên đó có ghi những dòng chữ:

“Xin nhớ đến tội.

Sinh ra từ cát bụi, trở về với cát bụi”.

- Tiếp theo là vòng hoa;
- Thập giá bằng gỗ ghi tên tuổi người quá cố;
- Bát âm;
- Quan tài;
- Thân nhân người quá cố;
- Những người đưa tiễn.

Cần lưu ý:

- Đám tang của người Công giáo khi chuyển quan tài thì chân đi trước, đầu ở phía sau.

- Người Công giáo không có linh xa. Người chết nếu sạch tội, linh hồn được về nơi Chúa. Trước Cộng đồng Vatican II (1962 -

1965) đạo Công giáo không chấp nhận thờ cúng tổ tiên, không cho phép giáo dân lập bàn thờ gia tiên (sau Cộng đồng Vatican II, vấn đề trên được giáo hội La Mã cho phép).

- Người Công giáo không có tục bốc mộ (cải táng), người chết chôn một lần, sau đó mộ có thể được xây kiên cố.

- Vào ngày kỷ niệm người thân qua đời, người ta xin lễ ở nhà thờ, buổi tối gia đình đọc kinh, cầu cho linh hồn người quá cố...



II. NHỮNG VIỆC PHẢI LÀM TRONG LÚC HẤP HỐI

1. Thụy hiệu

Trước hết phải đặt tên cúng cơm cho người chết, tức là tên thụy hay tên hiệu. Trường hợp, người sắp chết còn tỉnh táo, họ có thể tự đặt tên cho mình. Nếu đã hôn mê, thì người nhà căn cứ vào đức tính của người sắp chết lúc sinh thời để đặt tên hiệu. Dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn việc đặt thụy hiệu cho các quan chức có phẩm hàm được quy định sẵn.

2. Chúc khoáng

Người nhà túc trực bên giường bệnh cần theo dõi chặt chẽ để biết lúc người bệnh tắt thở bằng cách lấy một ít bông đặt ở lỗ mũi, khi thấy bông không dậy dậy nữa, đó chính là giây phút chết hẳn.

Khi người thân chết hẳn, thân nhân phải vuốt mắt cho người chết để cặp mắt nhắm hẳn lại, và xếp chân tay, nằm ngửa ngay ngắn.

3. Khiết xỉ

Lấy 1 chiếc dừa đặt ngang miệng người chết để “cài hàm” cho răng hé ra, không ngiến chặt lại để sau làm lễ phạn hàm.



4. Hạ tịch

Còn gọi là hạ thổ, rải chiếu xuống đất, đưa người chết nằm xuống chiếu 1 lát lại đưa lên giường. Theo quan niệm xưa “chết trở về với cõi âm”, tức là lấy đủ khí âm dương cho người chết.

5. Phục hồn

Tục xưa lấy áo của người chết treo lên nóc nhà phía trước hướng về phía Bắc, rồi gọi tên tục người chết 3 lần. Sau đó, trèo xuống theo hướng nóc nhà phía sau, đem tấm áo ấy đắp lên bụng người chết. Hy vọng hồn người chết trở về sống lại.

6. Thiết hồn

Dùng bảy thước (thước ta) lụa trắng phủ lên ngực người chết trước khi tắt thở (ý đón hơi thở người chết vào đó). Khi người bệnh chết hẳn, đem tấm lụa này kết thành hình dạng người thân có đầu, mình, chân tay. Kết xong đặt trên mình người chết.

Lúc nhập quan thì linh bạch được đặt trong linh sàng, linh tọa để tượng trưng cho người đã mất. Ngày nay để thay cho hồn bạch, người ta dùng bức ảnh chân dung người quá cố.

7. Mộc dục

Người chết sau khi đã tắt thở phải được tắm rửa bằng thứ nước thơm ngũ vị hương ở trong màn kín. Thông thường con trai tắm rửa cho cha và con gái tắm rửa cho mẹ.

Cách làm: Dùng khăn sạch thấm nước thơm ngũ vị hương lau thân mình, mặt mũi, chân tay, chải đầu buộc tóc gọn gàng. Cắt móng chân, móng tay. Gói các sợi tóc rụng và vụn móng tay chân vào một gói nhỏ, để cho vào áo quan cùng với người chết.

8. Thay quần áo

Sau khi tắm rửa, làm vệ sinh sạch sẽ xong, thay áo quần mới cho người chết. Theo tục xưa gồm các thứ: Khăn chít đầu, bông nhét lỗ tai, khăn phủ mặt bằng vải trắng tinh có dải buộc ra đằng sau gáy, bao tay bằng vải lụa, cùng với bộ áo quần mới, giày tất...

Sau khi thay xong quần áo, phải đặt người nằm ngay ngắn, tay chân duỗi thẳng. Người xưa thường lấy dây vải buộc hai ngón chân cái và hai ngón tay cái lại với nhau. Tay được đặt lên bụng.

Những người thọ ngoài 70 tuổi trở lên thường được mặc quần điều, áo lam, chít khăn nhiễu tím. Những người thọ 80 tuổi trở lên được mặc cả quần áo vóc điều.

9. Phạn hàm

Xưa kia mỗi lần trong gia đình có người chết, thân nhân lấy 1 ít gạo nếp vo kỹ và 3 đồng tiền lau chùi cho sáng loáng, bỏ chúng trong 1 chiếc đĩa. Đối với gia đình giàu có thường dùng 3 đồng tiền vàng và 9 hột ngọc trai. Tang chủ đứng bên phải thi hài người chết, lấy chiếc đĩa cài răng ra, bỏ gạo nếp và tiền vàng vào miệng người chết, bỏ 3 lần mỗi lần 1 đồng tiền và 3 hạt gạo nếp: Lần đầu bỏ vào mép bên trái, lần hai bỏ vào mép bên phải và lần cuối bỏ vào chính giữa miệng.

Có tục bỏ tiền và gạo nếp vào miệng người chết vì người xưa nghĩ rằng người chết sang thế giới bên kia mà không bỏ gạo và tiền vào miệng thì không có gì để ăn, tiêu.

Sau khi bỏ đũa cài miệng và bỏ gạo nếp, tiền vào miệng, tang chủ phải buộc hàm dưới với hàm trên cho hàm dưới không bị trễ xuống. Đến đây con cháu mới được khóc to.

Trước kia còn có tục lệ đem 1 bát cơm, trên để 1 quả trứng luộc bỏ vỏ, có cắm đôi đũa tre, phía cuối được vót cho sợi vót quấn lại thành hình bông hoa. Bát cơm cùng bài vị đặt trên đầu người chết. Khi đã nhập quan, bát cơm đó được đặt trên áo quan. Tục lệ này ngày nay vẫn giữ.



III. BẢO TANG, KHÂM LIỆM CHO NGƯỜI CHẾT

1. Những việc cần làm cho người qua đời

Trước giờ phút lâm chung, con cháu phải thay nhau túc trực bên cạnh, theo dõi đồng hồ để biết chính xác người bệnh tắt thở vào thời điểm nào. Trong trường hợp người bệnh lịm đi, thì người túc trực phải làm động tác thử nghiệm bằng cách lấy bông gòn, lông gà mềm hoặc nén nhang đang cháy đặt trước lỗ mũi (nếu bông gòn, lông gà không động dậy nữa, hoặc khói nhang cứ bay lên theo hướng thẳng đứng, thì chứng tỏ đã tắt thở - xưa các cụ ta gọi là khí tuyệt), nghĩa là người bệnh đã qua đời. Đây là việc làm vừa mang tính chất kiểm nghiệm y học, vừa mang ý nghĩa cần trọng trong giây phút thiêng liêng trước khi từ đã cõi đời của người thân. Tuy nhiên, việc được coi là chết hẳn phải hết sức thận trọng, bởi có một số trường hợp chết lâm sàng, rồi người bệnh lại hồi tỉnh.

Thời trước, người ta còn trải một chiếu xuống đất, đưa người chết nằm xuống chiếu một vài phút để lấy khí đất cho hợp lẽ âm - dương (thực tế để thi hài xuống đất, có khí đất, tạo cho cơ khớp không bị cứng, để khi buộc vải liệm chặt hơn và lúc nhập quan được dễ dàng). Sau đó, liền đưa thi thể lên giường. Tục lệ này hàm ý hy vọng rằng sinh khí ở dưới đất có thể làm hồi sinh. Tuy nhiên, theo quan niệm của người xưa “chết là trở về cõi đất” (nhân sinh ư thổ, diệc hoàn ư thổ), hoặc là để lấy đủ khí âm - dương cho người quá cố.

Khi đã xác định đúng là người bệnh đã tắt thở thì lần lượt làm các công việc:

- Lấy chiếc đĩa đặt ngang miệng để sau này làm lễ “phạn hàm” - là nghi lễ bỏ gạo nếp và tiền đồng vào miệng người chết trước khi nhập quan. Người ta lấy gạo nếp vo kỹ và 3 đồng tiền mài cho sáng (tiền chinh - loại tiền có lỗ vuông thời xưa) bỏ chung trong một cái đĩa. Tang chủ đứng bên phải lấy đĩa cạy răng người chết ra bỏ gạo nếp và tiền đồng vào miệng, làm ba lần. Phạn hàm là một nghi lễ, phải làm theo trình tự như sau:

- Người chấp sự xuống lên: “Sơ phạn hàm”, tang chủ lễ xuống, đứng dậy ngay ngắn, đoạn ngồi bên phải người chết, cất vải hoặc giấy phủ mặt, rút chiếc đĩa ngang hàm ra, xúc ít gạo với 1 đồng tiền tra vào miệng bên phải.

- Người chấp sự lại xuống “tái phạn hàm”, tang chủ xúc ít gạo và 1 đồng tiền tra vào miệng bên trái.

- Người chấp sự xuống “tam phạn hàm”, tang chủ xúc hết gạo còn lại và đồng tiền thứ ba bỏ vào giữa miệng.

Sau cùng, tang chủ bóp miệng người chết cho ngậm lại ngay ngắn và lại phủ mặt như trước.

Người ta tin rằng, gạo tiền đó để người chết dùng làm thứ ăn đường khi đi sang thế giới bên kia.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu kỹ vấn đề này, xét về mặt khoa học thì bỏ gạo vào miệng, gạo gặp ẩm sẽ chường lên, bịt kín miệng, để tà khí không xông ra ngoài. Mặt khác, tiền đồng là kim loại, khi

gặp dịch vị của người qua đời ứ lên (dịch vị là acid) thì tà khí bị triệt tiêu, không cho tà khí thoát ra ngoài gây ô nhiễm.

Giữ chân, tay thi thể ngay ngắn bằng cách dùng giấy vải mềm buộc hai ngón tay cái chặt vào nhau để trên bụng, buộc hai ngón chân cái chặt vào nhau. Dùng giấy vải to bản buộc ngang bắp tay (ở dưới bả vai) để hai nách khép chặt, buộc một giấy ngang bụng, một giấy ngang đùi để giữ cho thi thể thật thẳng, mới dễ dàng cho lúc nhập quan (những việc này đều được làm trước khi mặc quần áo mới hoặc áo lục thù hay áo phép). Thi thể được đặt nằm ngửa, ngay ngắn trên giường, trên mặt được phủ một tờ giấy bản hoặc một vuông vải trắng.

Từ khi người bệnh tắt thở thì trên đầu giường phải có đèn (nến), hương và một lọ hoa nhỏ.

Người chết phải được con cháu hoặc người thân cất cử nhau coi giữ suốt ngày đêm khi chưa làm lễ nhập quan, nhằm đề phòng chó, mèo nhảy qua dễ dẫn đến trường hợp người chết bật đứng dậy sau đó lại ngã ngay xuống. Người ta gọi hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy là trường hợp “quỷ nhập tràng”. Đây là hiện tượng rất hiếm gặp.

Ngày nay hiện tượng “quỷ nhập tràng” đã được giải thích dưới ánh sáng khoa học là: Do xác chết bị cuốn hút bởi một ngoại lực có cảm ứng điện trường. Đã có những trường hợp chó, mèo nhảy qua xác chết, một giọt nước mắt ấm nóng, một chén rượu hắt văng vào xác chết cũng làm cho xác chết bật dậy.

Khi người bệnh đã tắt thở, một mặt thân nhân làm các công việc chuẩn bị cho người chết. Mặt khác, gia chủ cử người đến ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn... khai tử. Khi có công dân đến khai tử, người được chính quyền cơ sở phân công chuyên lo công việc tang, cần hướng dẫn chu đáo các thủ tục khai tử và nhắc nhở gia đình tang chủ rõ về những điều lệ “về giữ gìn vệ sinh chung” của Nhà nước đã ban hành đối với việc tang.

Theo Công văn số 608 - CV/TP, ngày 20-6-1990, Sở Tư pháp Hà Nội hướng dẫn thủ tục đăng ký khai tử quy định:

“... Khi có người chết trong thời hạn 24 giờ, thân nhân phải đến khai tử tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn. Quá thời hạn trên mới khai tử thì phải làm thủ tục đăng ký khai tử quá hạn. Nếu không có thân nhân thì người cùng sổ nhà, người láng giềng hay người cùng cơ quan, xí nghiệp đi khai thay.

- Người có hộ khẩu thường trú mà chết tại nhà hay chết ở bệnh viện, Ủy ban nhân dân phường nơi thường trú đăng ký vào sổ và cấp giấy chứng tử.

- Trường hợp chết ở nơi khác, nhưng trong phạm vi bốn quận nội thành thì ủy ban nhân dân phường nơi người chết có hộ khẩu thường trú cũng giải quyết như trên.

- Người không có hộ khẩu thường trú ở bốn quận dù chết ở nhà hay ở bệnh viện đều làm thủ tục khai tử với ủy ban nhân dân phường nơi xảy ra việc chết...”.

2. Việc chuẩn bị áo quan (quan tài)

Nếu gia đình đã chuẩn bị sẵn áo quan từ trước thì kiểm tra lại một lần nữa, để chuẩn bị nhập quan. Nếu lúc này mới đóng áo quan thì phải tùy theo khuôn khổ người quá cố để đóng áo quan cho phù hợp (cao, thấp, to, nhỏ) - nếu không chú ý khâu này, mà cứ đóng áng chừng, dẫn tới trường hợp người chết to hơn khuôn khổ áo quan thì không thể nào nhập quan được. Ngược lại, áo quan quá lớn thì phải bỏ thêm rất nhiều thứ đệm lót cho vừa.

Gỗ dùng làm quan tài: Thời xưa dân ta thường dùng gỗ vàng tâm hoặc gỗ dổi. Hai thứ gỗ này có nhiều dầu, có đặc tính hợp với sơn mài (đồng bào các tỉnh phía Bắc thường sử dụng sơn mài trên quan tài), chất dầu trong gỗ giữ cho sơn bền, tốt, không bong, không tróc. Vua, chúa thời xưa còn chọn gỗ ngọc am (pơ mu) làm quan tài. Đây là loại gỗ quý hiếm. Ở các tỉnh phía Nam, đồng bào thường dùng gỗ trai, gỗ sao để làm quan tài cũng rất tốt.

Khi đã có áo quan thì việc xử lý các kẽ hở của áo quan cũng rất quan trọng, bởi vì thi hài còn để trong nhà một thời gian để phúng viếng. Nếu không xử lý tốt các kẽ hở, thì mùi hôi ở thi thể người do bị phân hủy toát ra, hoặc nước trong thi thể chảy ra gây

ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của người sống. Để xử lý các kẽ hở của áo quan, dân ta thường dùng sơn sống (sơn ta) nhào với mùn cưa, hoặc giã gạch non bóp với bánh dày chét vào các kẽ hở. Cũng có địa phương dùng xôi (cơm nếp) trộn với mùn gạch non thành một chất kết dính, miết vào các kẽ hở của áo quan.

3. Khâm, liệm

Như trên đã nói. Khi đã hết lòng cứu chữa mà người bệnh khó qua khỏi, thì gia chủ đưa người bệnh ra đại sảnh (gian nhà chính), đặt người bệnh nằm trên giường, đầu quay hướng Nam, chân hướng Bắc theo đúng tập quán truyền thống để lấy sinh khí. Vì người Việt thường làm nhà theo hướng Nam hoặc Đông Nam, nên để người bệnh đầu quay hướng Nam cũng là hợp lẽ.

Trước đây dùng chữ khâm, liệm - tức là đại liệm và tiểu liệm (gói người chết hai lần). Hiện nay chỉ nên hiểu đó là gói người chết bằng tám vải hoặc chăn mỏng trước khi đặt thi thể vào quan tài.

Nhân dân ta có tập quán: Khâm ở trên giường và liệm phải hạ xuống đất. Khâm thì để vải dọc, liệm thì để vải ngang (sở dĩ phải quy định chặt chẽ như vậy là để gói người chết cho thật kín). Đồ khâm, liệm được đặt theo thứ tự trước sau trên chiếu: Đại liệm, chăn đại liệm, tiểu liệm, sau hết là chăn tiểu liệm, trên cùng là các đồ lót, đệm đầu và tay chân. Người chết được đưa xuống đặt ngay ngắn trên chăn tiểu liệm. Lót đầu, mình, chân tay cho ngay gọn xong gấp chăn bên trái trước, bên phải sau rồi gấp dưới chân lên và trên đầu xuống. Sau đó, dùng vải tiểu liệm buộc lại theo chiều dọc và chiều ngang. Xong tiểu liệm đến đại liệm cũng tương tự như vậy. Cuối cùng, là đặt người chết lên vải tạ quan, chờ nhập quan”.

Khi đã liệm xong thì không mở mặt nữa, tránh chuyện mất vệ sinh. Trường hợp thật đặc biệt, sau khi đã khâm liệm, con cháu thân thiết ở xa về thì mới mở xem mặt (đây là trường hợp hạn hữu, vì vừa mất vệ sinh, vừa không nghiêm túc).

Hiện nay ở các thành phố, quan tài đều có tấm kính trên nắp thiên (ở phía đầu). Đối với loại quan tài có tấm kính này thì cần trang điểm mặt người chết, để sau khi viếng, đi vòng quanh linh cữu, mọi người thấy người đã mất trong tư thế tươi tỉnh hơn.

Tuỳ theo số vải liệm của gia đình tang chủ chuẩn bị, tiến hành liệm người chết theo các bước sau:

- Nếu tấm vải dài 6m (khổ vải 0,80 hoặc 1,2m) thì lấy 4m can thành hình gần vuông, 2m còn lại chia đôi để can vào phía đầu và phía chân thi hài.

- Nếu tấm vải dài 8m thì can thành hình chữ nhật (một chiều 4m và chiều kia trên dưới 4m).

- Nếu chăn mỏng cũng phải dài tối thiểu 2m.

Liệm thi hài: Có hai cách liệm khác nhau (tuỳ theo tập quán của từng địa phương).

+ Cách thứ nhất: Đặt thi hài trên vải liệm (hoặc chăn mỏng) theo đường chéo góc từ phía trên đầu tới phía khoảng giữa hai gót chân. Phủ che mặt người chết bằng tờ giấy bản hoặc miếng sô màn mềm, có dây buộc vào phía sau đầu và cổ. Kéo mép vải ở hai bên sườn người chết lên trước ngực và bụng ở chéo góc, gấp góc vải phía dưới hai bàn chân lên, buộc một dây vải khoảng bắp chân, một dây ngang hông. Gấp góc vải liệm phía trên đầu xuống ngực để buộc dây thứ ba ngang vai, sau khi thân nhân đã xem mặt lần cuối cùng.

(Cần lưu ý: Các dây buộc phải cho thật chặt thì mới giữ được thi thể ngay ngắn. Ông cha ta đã từng khuyên con cháu rằng: “Thương cha, thương mẹ thì khi khâm liệm phải buộc bụng cho chặt”. Vì nếu buộc lỏng khi xác chương lên, mà dạ dày là nơi chương to nhất, nếu vỡ dạ dày do áp suất quá mạnh, khi gặp người lại một cách đột ngột, đầu đập vào ván thiên - vỡ sọ cái)

Cách thứ hai: Đặt thi hài nằm chính giữa theo chiều dọc của vải, gấp mép vải hai bên theo chiều dọc thi hài, sau đó gấp mép vải phía chân và cuối cùng là gấp mép vải phía đầu (sau khi thân nhân đã lần lượt nhìn mặt người quá cố lần cuối. Mặt cũng được

phủ giấy bản hoặc vải xô và cũng buộc dây như trên), sau đó, buộc dây ở các khoảng như ở cách liệm thứ nhất.

Từ xưa đến nay, vải dùng để khâm liệm nhân dân ta thường dùng vải trắng. Vải trắng này là loại vải mộc hay vải mộc tẩy trắng, không dùng loại vải pha ni-lông, vì loại vải này khó tiêu hủy.

Đối với các già (nữ) theo đạo Phật, vẫn còn giữ tục lệ khi khâm liệm mặc áo “lục thù”. Theo quan điểm của đạo Phật, đây là trang phục thể hiện người quá cố được “ăn mày của Phật”, nên khi quy tiên được mặc loại áo này do nhà Phật ban cho. Áo này là loại vải mỏng hoặc vải vuông được may đơn giản, trên áo có in chữ của nhà Phật.

Đối với người chết do những nguyên nhân thông thường, thì sau khi tắt thở từ 6 - 8 giờ thì nhập quan. Nếu người qua đời do bệnh dịch, thì nhập quan càng sớm càng tốt. Trường hợp đợi người thân ở xa đang trên đường về cũng không được để quá thời hạn quy định trong Điều lệ “về giữ gìn vệ sinh” của Nghị định 194/CP, ngày 31 tháng 12 năm 1964, đã ban hành.

Trong việc tang, khâu khâm liệm được các gia đình tang chủ hết sức coi trọng, nên thường bố trí những người thân trong tang quyến trực tiếp làm, vừa để thể hiện tình cảm của mình, vừa để đảm bảo khâm liệm chu đáo.

Trong tang lễ hiện nay, nhân dân ta vẫn giữ tục khâm liệm và dùng vải trắng để bọc thi hài. Song, khi thực hiện không nhất thiết phải là người trong nhà, có thể nhờ những người quen làm việc này giúp đỡ, hoặc do những người có chuyên môn của các bệnh viện làm cũng được.

Thời xưa, người ta đều phải làm lễ phạt mộc trước khi nhập quan. Vì theo quan niệm truyền thống dân ta cho rằng trong chiếc áo quan, cho dù là cỗ hậu sự đã sắm sẵn, hay là áo quan mới mua ở cửa hàng về, đều có “quỷ tinh” lẫn khuất để ám hại người chết và gieo tai họa cho tang gia. Lễ phạt mộc nhằm trừ khử hết lũ ma quái đó đi, bằng cách chém vào áo quan ba nhát.

Để thực hiện nghi lễ này, người ta phải nhờ một thầy cúng cầm nén nhang đang cháy, “đọc chú” thư phù trên một con dao, rồi dùng con dao này giơ lên chém khê ba nhát vào đầu, cuối, cạnh bên cổ áo quan. Vừa chém, người thầy cúng vừa “niệm chú”, đại ý câu chú là tống khứ các loại thần trùng, quỷ tinh, ma quái và mọi loại tà ma khác ra khỏi áo quan, không cho chúng quấy nhiễu người chết và phá hoại cuộc sống bình yên của người sống, ở bất cứ tuổi nào, hay đi về phương hướng nào.

Người thầy cúng có lúc niệm chú khê trong hòng, lại có lúc quất tháo như dọa nạt, thị uy. Người này cũng dùng những nén nhang để “làm phép” trong lòng cổ quan tài.

Tục lệ cho rằng: Với lễ phạt mộc, thần trùng và ma quỷ sẽ sợ hãi chạy ra khỏi áo quan. Người xưa còn giải thích rằng, ngoài việc đuổi thần trùng và ma quái, lễ phạt mộc còn có mục đích đuổi các mộc tinh vẫn thường ẩn nấp trong cây gỗ từ khi ở trong rừng cho đến khi cây gỗ bị hạ sau đó xẻ đóng làm áo quan, vẫn còn lẫn khuất trong áo quan.

Khi lễ này kết thúc, người nhà tang chủ còn ném một nắm gạo - muối ra đường để tống tiễn hết mọi loại ma quỷ và mộc tinh ra ngoài quan tài.

4. Các nghi thức được thực hiện khi nhập quan

Khi đã thực hiện nghi lễ khâm liệm, thân nhân có mặt đứng theo thứ tự gần xa, trên dưới quanh quan tài để chuẩn bị thực hiện lễ nhập quan. Cổ tục có quy định cho con trai đứng bên trái, con gái đứng bên phải người chết (cổ tục có nói đến những người “kỵ tuổi” với người chết và giờ chết trong vòng con cháu ruột thịt, phải lánh mặt ra chỗ khác, để ngừa tai họa về sau - người ta tin rằng người chết có thể bắt theo), cổ tục này ngày nay phần lớn nhân dân ta đã không thực hiện theo.

Nếu gia đình nào đã chuẩn bị tấm vải tạ quan (tấm vải lót ở đáy quan tài), thì những người lo việc nhập quan nâng người chết lên bằng bốn góc của tấm vải tạ quan, sau đó đặt nhẹ nhàng thi thể vào áo quan. Nếu không có tấm vải tạ quan thì người ta dùng 3 đoạn dây luôn ở dưới thi thể, những người thực hiện cầm các

đầu dây nhẹ nhàng đặt thi hài vào quan tài. Chú ý không nâng thi hài trực tiếp bằng tay để nhập quan. Khi nhập quan xong, để quan tài đúng vị trí thờ.

Quan tài sau khi đã miết kín các mạch hở, đáy quan tài cần phải rải một lớp chè bồm, hoặc gạo nếp rang cháy dày khoảng 3 - 4 phân để hút hơi ẩm từ thi thể toát ra, nhằm giữ cho thi thể luôn luôn khô ráo. Trước đây, theo tập quán của nhân dân ta, sau khi rải lớp gạo nếp rang cháy vào đáy quan tài thì đặt lên một mảnh ván có đục 7 lỗ theo vị trí sao Bắc đẩu - gọi là mảnh ván “thất tinh”, để khí ẩm và hơi nước trong thi thể toát ra, được hút vào gạo rang qua 7 lỗ đó, phong tục đục 7 lỗ là theo sách “Thọ Mai gia lễ”. Ngày nay người ta có thể thay tấm gỗ bằng những tờ giấy bản có đục lỗ, để ngăn cách phần than tro gạo nếp rang cháy với thân thể người chết để hút ẩm. Có thể đục 7, 9, 11 lỗ là tùy quan niệm của con người. Nhưng phải đục lỗ để có chỗ thoát ẩm và hơi nước, đây là việc làm cần thiết.

Khi đặt thi hài vào quan tài, cần dự phòng một số vật liệu để kê, đệm, lót (nếu quan tài rộng), làm cho thi thể cố định thành một khối với quan tài, khi di chuyển quan tài không lắc lư, xô dịch. Đặc biệt phải kê lót phía đầu quan tài thật chu đáo. Vật liệu kê, đệm nên dùng các gói bông nhỏ, hoặc gấp giấy bản hay vải mềm nhiều lớp, dày mỏng tùy theo khi kê, đệm và phần đầu phải cao hơn phần chân.

Một số địa phương có tập quán dùng bát úp để kê đệm phần đầu, hoặc dùng vàng thoi (vàng làm bằng giấy màu dán trên cốt nam hình chữ nhật) để kê đệm và chèn hai bên tai vừa đỡ đi những phần bông, vải tốn kém, lại vừa được về mặt tinh thần. Nếu quan tài còn chỗ trống thì có thể bỏ thêm quần áo, dày dép, đồ dùng thường ngày của người mới qua đời, để khi đặt nắp quan tài phải vừa khít, khi di chuyển quan tài, thi hài sẽ không xô dịch.

Một số gia đình vẫn giữ tục lệ khi nhập quan có rắc cổ bài tổ tôm (đã bỏ đi 4 quân bát sách) trên thi hài, hoặc dùng bùa dán ở phía trong, phía ngoài quan tài; hoặc dùng lịch Tàu, lịch ta, hoặc tàu lá gồi bỏ vào quan tài để “trấn áp” ma quỷ.

Nhiều gia đình khi nhập quan đều nhờ thầy cúng chọn giờ để tránh hậu họa về sau. Trên thực tế, chọn giờ nhập quan cũng chỉ làm yên lòng cho tang chủ. Mọi thầy cúng đều theo một cách tính để chọn giờ nhập quan được truyền lại như sau:

Ngày	Giờ nhập quan	Ghi chú
Tý	Sửu - Dần - Mão - Thân - Dậu.	Theo âm
Sửu	Dần - Mão - Ngọ - Thân - Dậu.	lich, mỗi
Dần	Tý - Dần - Mão - Ngọ - Thân - Dậu.	ngày có
Mão	Tý - Sửu - Ngọ - Mùi - Hợi.	12 giờ,
Thìn	Sửu - Dần - Ngọ - Mùi - Thân.	mỗi giờ
Tỵ	Sửu - Dần - Mão - Mùi - Ngọ - Thân.	bằng 2
Ngọ	Dần - Mão - Mùi - Thân - Dậu.	giờ quốc
Mùi	Mão - Dậu - Hợi.	tế. Giờ
Thân	Tý - Ngọ - Dậu.	Ngọ bắt
Dậu	Tý - Hợi - Sửu - Mùi.	đầu từ 11
Tuất	Tý - Sửu - Dần - Mão - Hợi.	giờ đến
Hợi	Tý - Sửu - Dần - Mão - Mùi - Thân	13 giờ.
		Cứ từ đó
		mà tính
		ra các giờ
		tiếp theo.

Cách tính trên cũng đơn giản, dễ tính theo dân gian. Các tang chủ muốn chọn giờ nhập quan phù hợp với điều kiện chuẩn bị lễ tang của gia đình, có thể căn cứ vào cách tính trên để tự quyết định, không phải nhờ thầy cúng xem nữa.

Sau khi nhập quan xong, đặt nắp quan tài (quan tài chưa đóng cá hoặc đóng đinh ở ván thiên), nhằm đề phòng có những lúc cần mở ra theo yêu cầu của thân nhân; hoặc đề phòng có trường hợp chỉ mới chết lâm sàng. Khi quan tài đã được nhập xác thì được gọi là “linh cữu”. Từ lúc này, những con cháu “kỵ tuổi” phải tránh mặt ra ngoài từ trước đã được phép trở về để cùng với mọi người thực hiện các nghi lễ của việc tang.

Quan tài thường được đặt ở gian chính, đầu để ở phía trong, chân phía ngoài. Thời xưa người ta còn để sẵn dây thừng (dây buộc lớn) và đòn khiêng để đề phòng có lúc gặp bất trắc có thể kịp di chuyển.

Cổ lệ còn định rằng: Trong trường hợp người chết còn cha mẹ sống, linh cữu sẽ được đặt ở gian bên cạnh, trên đầu có quần khăn tang cho cha mẹ. Trong trường hợp nhà chỉ có một phòng thì linh cữu phải được đặt chệch sang một bên, tránh đặt giữa nhà.

Lễ nhập quan cử hành theo những thủ tục nghiêm trang như sau:

- Các con cháu vào đứng trước người chết. Người chấp sự xuống: Tự lập. Các con cháu đứng gần vào. Lại xuống: Cúi ai, con cháu khóc rồi quỳ xuống. Người chấp sự cũng quỳ theo và khấn: “Nay được giờ lành, xin được nhập quan, cẩn cáo”.

- Sau đó, các con cháu lễ theo điệu xuống của người chấp sự rồi đứng ngay ngắn sang hai bên, nam bên tả, nữ bên hữu. Những người giúp việc khiêng thi hài người chết đặt vào chính giữa áo quan.

- Nhập quan xong sẽ có lễ thành phục, nhưng trước lễ này con cháu còn được phép lấy vợ, lấy chồng gọi là “Cuối chạy tang”.



5. Lễ khâm niệm nhập quan

Từ xưa, nhân dân ta chịu ảnh hưởng lễ nghi của phương Đông, cho nên lễ tang được cử hành tương tự như nghi lễ của các nước phương Đông, tuy nhiên cũng có những điểm khác biệt rõ rệt. Cho tới ngày nay, nhiều nghi lễ đã được giản tiện, phù hợp với hoàn cảnh sống trong thực tế xã hội, nhất là ở các nơi thành thị. Tuy nhiên, một số lễ chính có ý nghĩa quan trọng vẫn còn được áp dụng. Vì tinh thần báo hiếu vẫn luôn là vấn đề thiết yếu trong đời sống người Việt Nam, được đặt lên hàng

dầu, nên khi cha mẹ chết, ai cũng muốn lo cho đủ lễ và toàn vẹn. Không chỉ là cha mẹ, những người thân trưởng thượng hay là bất cứ người nào trong quyến thuộc khi từ trần cũng được thân nhân lo lắng chu toàn mọi việc. Sinh hoạt xã hội Á Đông nặng tình cảm, coi trọng huyết thống gia đình thân tộc, nên từ hàng ngàn năm trước, vấn đề tang lễ đã được đặt ra một cách có quy củ. Tư tưởng của các triết gia Á Đông đã nói đến bốn phận của người ta trong việc tang ma một cách cẩn thận chu đáo. “Sinh”, “lão”, “bệnh”, “tử” là bốn điều phải có trong một đời người, không ai tránh khỏi. Cái chết còn có ý nghĩa chấm dứt sự sống một cuộc đời. Từ xưa, tang lễ rất trang nghiêm. Thời khắc hấp hối sắp phải vĩnh viễn ra đi của một người, không khí trong gia đình trở nên trầm lắng xuống và thiêng liêng hơn. Con cháu ở xa gần được báo tin thu xếp công việc quay về, họ im lặng với nỗi buồn da diết. Lúc bấy giờ thân nhân phải giữ cho được bình tĩnh. Theo lệ xưa người già tắt thở xong, con cháu vuốt mắt rồi thay quần áo. Thực hiện đầy đủ các nghi lễ xong thì người ta buông màn rồi thắp một ngọn đèn dầu đặt ở cạnh đầu giường. Từ lúc này phải luôn có con cháu túc trực, trông coi thi hài, không để cho mèo, chó nhả qua.

Có thể để thi hài như vậy đợi thân nhân về hoặc cưới chạy tang nhưng không được để quá ba ngày. Những đồ dùng tiếp xúc với người chết như: Quần áo, chăn màn, giường chiếu phải đem thả xuống sông hoặc đốt đi. Với người chết không có bệnh, con cháu thường giữ lại những quần áo còn lành, mới để mặc. Họ cho rằng dùng quần áo đó sẽ được người chết phù hộ cho luôn khỏe mạnh, may mắn. Đặc biệt, lúc người già hấp hối, con cháu dù có đau đớn đến mấy cũng không được khóc thành tiếng, vì như vậy người chết sẽ không được nhẹ nhàng, thanh thản. Họ tối kỵ việc để cho nước mắt rơi vào thi hài.

- Lập bàn thờ vong:

Trước lúc khâm liệm, người ta lập một bàn thờ vong ở trước cửa. Bàn thờ vong là một cỗ linh sa được đặt trên một chiếc bàn

rộng. Trong linh sa có bài vị và ảnh đề tên tuổi của người chết. Trước bài vị là một chiếc mâm bông bày nải chuối và quả bưởi. Bát hương làm bằng một đoạn cây chuối cắt ra, và chỉ được dùng hương đen trong đám tang. Hai bên linh sa có hai cây chuối non cắm trong lọ lục bình. Đặc biệt là có một chiếc thang làm bằng rọc chuối dài khoảng 50cm được dựng dựa vào linh sa. Người ta còn dùng hai đoạn chuối để kê dưới quan tài. Vì cây chuối có nhiều bẹ ôm bọc lấy nhau, quả ra thành buồng đông đúc, lớp lang, cây mẹ cây con mọc thành bụi, thành khóm um tùm, lá xoè thành tán che chở cho cây non là biểu tượng của tình cảm gia đình quần tụ, nhiều thế hệ, đông vui, yêu thương, đùm bọc, gắn bó, chở che. Chuối lại mọc thẳng, không phát nhánh là biểu tượng cho tính thật thà, ngay thẳng, trung hiếu của con người. Do đó, trong đám tang người ta thường sử dụng cây và quả chuối. Mặt khác, theo các nhà khoa học thì chuối là loại cây có khả năng hút tử khí và do vậy mà nó không bị héo úa trong suốt thời gian đám tang, dù là mùa hè nóng nực.

- Khâm liệm:

Sau khi kèn trống nổi một hồi dài, người ta tiến hành khâm liệm. Thi thể người chết được đặt trên chiếc chiếu dưới nền nhà. Khăn phủ mặt và đũa ngáng miệng được bỏ ra, người ta dùng vải trắng gói người chết lại và đặt vào trong quan tài, gáy được gối lên hai chiếc bát ăn cơm úp. Phong tục ở đây không thể thiếu một bộ tam cúc bỏ vào trong ván, để trừ trùng.

Quan tài được đặt ở gian chính giữa, theo chiều dọc của ngôi nhà, song song với bàn thờ và được kê bằng hai đoạn cây chuối. Với những người chết có bệnh phù thũng, người ta dùng cám rang hoặc gạo rang giã nhỏ rắc vào trong ván để hút nước và khử mùi. Lúc khâm liệm phải có thầy cúng làm lễ. Kể từ lúc đó đến lúc đưa tang trên quan tài luôn được thấp nền (cha thì thấp bảy ngọn, mẹ thì thấp chín ngọn). Giữa mặt ván có đặt một bát cơm bông, trên có một quả trứng gà luộc đã bóc vỏ và được kẹp bằng đôi đũa bông. Bát cơm này sẽ được đặt trên mộ sau khi chôn. Nắp quan tài được đặt hờ trên các mộng, lúc đưa tang mới đóng khít lại.

Một số người sùng tín và nhất là với những trường hợp chết bất thường, người ta thường đi tìm thầy cúng để chọn giờ tốt khâm liệm và mai táng.

- Phục hồn:

Khâm liệm xong, thầy cúng ra trước bàn thờ vong làm lễ nhập hồn. Thầy thắp hương rồi vừa gõ mõ vừa khấn. Nội dung của bài khấn là trình báo với Thiên đình rằng trần gian có người quy tiên và xin ghi tên vào sổ Thiên tào, làm các thủ tục gia nhập Thiên giới. Khấn xong, thầy cầm dao chém một nhát sao cho chiếc thang cây chuối đứt làm đôi thì kết thúc lễ. Người ta cho rằng: Khi chết thì hồn rời khỏi xác đi lang thang khắp không trung nên phải làm lễ này và bắc thang là để hồn leo lên Thiên giới. Hồn lên rồi, thang được chặt đi sẽ không có lối để trở lại nữa.

- Lễ phát tang:

Chủ tế làm lễ phát tang. Số khăn tang và mũ mấn được làm đủ với số con cháu, được đặt vào một chiếc mâm trên hương án. Trong lúc chủ tế làm lễ thì con cháu quỳ ở dưới chiếu. Lễ xong, chủ tế hoặc con trưởng phát khăn tang cho mọi người. Khăn tang của người vắng mặt được để lại trên mâm. Con trai, con gái và con dâu đều thắt khăn tang, đội mũ mấn và buộc một vòng dây chuối ngang người. Con rể chỉ chít khăn tang mà không phải đội mũ mấn. Trước kia, dây thắt ngang lưng nhất thiết phải là dây chuối, nhưng ngày nay họ có thể dùng các loại dây khác thay thế. Cách thức để tang có quy định rõ ràng: Tang cha mẹ thì thắt khăn sổ mối, hai dải khăn dài ngắn khác nhau nếu bố mẹ của hai bên có người còn sống và bằng nhau nếu đã mất hết; vợ để tang chồng cũng chít khăn sổ mối, một dải dài, một dải ngắn nhưng chồng để tang vợ thì chỉ quấn vòng tròn quanh đầu; cháu quấn khăn trắng quanh đầu thành vòng tròn, chít thì khăn vàng và chít đội khăn đỏ. Trong suốt thời gian đám tang, luôn có con cháu túc trực cạnh quan tài hờ khóc.

Sau khi an táng, cháu, chắt không phải đội tang nữa, nhưng con cái hoặc vợ, chồng thì vẫn đội khăn hoặc dùng một mẩu vải

đen đeo trước ngực. Sau giỗ đầu, việc để tang này kết thúc. Trong vòng một năm tang trở này, người ta kiêng không đi đám cưới, không đi chúc tết, không làm những việc đại sự như xây nhà, cưới vợ.

- Phúng viếng:

Đám tang thường bắt đầu từ 3 - 4 giờ chiều hôm trước và kết thúc vào 9 - 10 giờ sáng hôm sau. Sau lễ phát tang cho đến trước khi quay cữu là khoảng thời gian để thân nhân, họ hàng phúng viếng. Kể từ lúc này người con trai trưởng phải luôn đứng cạnh bàn thờ vong để cảm ơn những người đến phúng (gọi là đáp từ). Vật phẩm phúng viếng thường là hương, nến, rượu, vòng hoa, câu đối và phong bì. Xưa kia người dân thường dùng rượu và gạo nhưng hiện nay, để giản tiện nhiều người phúng bằng phong bì. Người đến phúng đứng thành hàng trang nghiêm trước hương án, một người đại diện bước ra nói lời chia buồn với tang chủ, sau đó họ dành một phút cúi đầu mặc niệm người quá cố. Người đáp từ nói lời cảm ơn. Mỗi lễ thức lại được tấu một khúc nhạc riêng, được quy định sẵn, rất bài bản.

Đám tang ở đây còn có tục rước họ. Khoảng 7 giờ tối phường kèn trống nổi nhạc, đi thành hàng do trùm phường dẫn đầu đến nhà ông trưởng họ của tang chủ. Ở đây, mọi người đã có mặt đông đủ, họ cũng đi thành hàng theo sau phường kèn trống trở về đám tang để viếng. Sáng hôm sau lại rước họ đến để đi đưa đám.

- Tế vong:

Buổi tối, khi người đến phúng viếng đã vãn, phường hiếu làm lễ tế vong. Phía cuối sân, đối diện với bàn thờ vong người ta kê một chiếc bàn, trên bày một bình hương, một chai rượu nhỏ, một đĩa xôi và một đĩa thịt luộc. Chủ tế lần lượt dâng từng thứ lên bàn thờ vong. Mỗi lần dâng lại có một bài tế riêng.

- Quay cữu:

Đúng 12 giờ đêm người ta tiến hành quay cữu (xoay chiều quan tài). Trước khi quay cữu, ông trùm làm lễ tế. Quan tài được quay theo chiều ngang của ngôi nhà, đầu hướng vào phía

bàn thờ, chân hướng ra cửa. Người dân quan niệm rằng mặt hướng ra cửa là ra đi vĩnh viễn, không ngoái trông lại. Nếu đặt ngược lại thì hồn sẽ không ra khỏi nhà. Quay cữu xong, mọi người có thể đi ngủ.

- Tế cơm: Sáng hôm sau, trước khi cất đám khoảng 1 giờ, người ta làm lễ tế cơm. Họ xối một bát cơm lông (cơm tẻ), một quả trứng luộc và một đĩa muối trắng, một chén nước lã. Chủ tế lại lần lượt tế và dâng từng thứ một lên bàn thờ vong như lễ tế vong tối hôm trước. Người dân giải thích rằng đó là cho người chết ăn no trước khi lên đường sang thế giới bên kia.

- Cất đám:

Đến giờ đưa tang, thầy cúng đọc văn tế. Tế xong, ông vào trong nhà, cầm dao chém lên mặt áo quan ba nhát (hành động này được gọi là phạt mộc với quan niệm để xua ma tà, ác quỷ quấy nhiễu linh hồn), sau đó người ta sập kín nắp quan tài lại. Đám tang khởi hành. Họ đi theo thứ tự trước sau đã được quy định sẵn là: Phật đình, long kiệu, cờ phướn, cầu kiệu, linh sa, cờ tang, phường kèn, xe tang, con cháu và cuối cùng là những người làng xóm... Đối với người không quy Phật thì đám tang không có Phật đình, long kiệu, cờ phướn, cầu kiệu. Thường con trai trưởng đi song song với quan tài, các anh em con cháu khác theo thứ tự đi sau xe tang. Trên suốt chặng đường đi người ta thổi kèn, đánh trống, đánh phèng để xua đuổi ma tà, ác quỷ.

Xưa kia, ở đây cũng có tục lệ khi đưa tang con trai trưởng phải chống gậy tre và đi xuôi (nếu là tang cha); chống gậy vòng, đi giạt lùi (nếu là tang mẹ). Con gái lớn thì phải lẩn trước xe tang trên suốt chặng đường đưa đám. Ngày nay tục lệ này không còn nữa.

- Hạ huyệt:

Huyệt được con cháu đào sẵn từ chiều hôm trước. Lúc hạ huyệt, người con trai trưởng lấp hòn đất đầu tiên, sau đó các anh em con cháu khác lần lượt ném xuống một nắm đất, thể hiện ý nghĩa con cái đắp mộ cho cha mẹ. Lúc này mộ mới chỉ đắp sơ sài (gọi là áp mộ). Người ta phủ vài mảnh cỏ, rồi thắp hương và đặt

bát cơm bông lên đó. Các cụ đội cầu kiệu đi vòng quanh mộ cầu kinh. Xong xuôi, đám tang trở về nhưng phải theo con đường khác, tránh tuyệt đối không về bằng con đường lúc đi và cũng không được khóc nữa vì như vậy hồn người chết sẽ biết lối mà theo về.

- Rước vong về thờ:

Ảnh, bát hương cùng mâm quả thờ trên linh sa được rước vào đặt lên bàn thờ. Người ta lập một bàn thờ ở ngay nơi mà trước kia người chết nằm. Hai bên bàn thờ được treo câu đối thành hai hàng dọc. Trên bàn thờ luôn có hương khói, đèn nhang.

6. Các nghi thức sau đám tang

- Đi đắp mộ:

Buổi chiều hoặc ba ngày sau đám tang, con cháu người chết mang cuốc xẻng đi đắp lại cho ngôi mộ được cao lên và đẹp hơn. Người ta lấy những mảnh có phủ kín bề mặt ngôi mộ, sau đó thấp hương rồi trở ra về. Họ cho rằng nếu cỏ trên ngôi mộ lên nhanh, xanh tươi là điềm lành, báo mồ yên mả đẹp.

- Cúng tuần đầu:

Sau đám tang có lễ cúng tuần đầu. Tuần đầu không quy định bao nhiêu ngày mà là ngày rằm hoặc mùng một đầu tiên kể từ sau khi chết. Người ta sắp cỗ mặn để cúng ở nhà, không cần thiết phải lên mộ.

- Cúng 49 ngày:

Ngày thứ 49, con cháu làm cỗ mặn cúng tại nhà và mang xôi gà, rượu cùng trầu, cau, hương lên chùa, dâng lễ cho vong hồn người chết được mát mẻ, siêu thoát. Sau 49 ngày người ta có thể rước vong linh lên chùa (với những cụ đã quy Phật). Lễ vật gồm: Trầu cau, xôi thịt cùng hương nến. Thân nhân nói tên tuổi người chết để nhà sư làm lễ. Sau lễ này người chết đó sẽ có một bát hương trên chùa, ghi tên tuổi rõ ràng và được nhà chùa thấp hương vào những ngày sóc, vọng. Tuy nhiên, con cháu vẫn thờ cúng ở nhà bình thường như mọi người khác.

- Cúng 100 ngày:

Trong vòng 100 ngày con cháu phải cúng cơm mỗi ngày hai bữa trưa, chiều. Họ giải thích rằng người chết mới xuống âm phủ cũng như người mới ra ở riêng, chưa có vốn làm ăn lại không quen biết ai, chưa có lương thực nên phải cúng cơm cho họ như là nuôi trong những ngày đầu. Cúng trong vòng 100 ngày rất đơn giản. Người ta xới một bát cơm lông, một đôi dưa, một quả trứng luộc đã bóc sạch vỏ và một đĩa muối trắng, một chén nước lã, đặt lên bàn thờ rồi chắp tay khấn, gọi đầy đủ tên tuổi, quê quán của người chết mời về ăn cơm. Nếu không có trứng thì phải đầy đủ cơm, muối và chén nước. Cơm nấu để cúng không được ghế cơm nguội, không được nếm hay lấy cho chó, mèo ăn trước khi cúng.

Đến ngày thứ 100, người ta làm lễ tốt khốc. Lễ thức này cũng giống như 49 ngày nhưng thường được tổ chức lớn hơn, mời họ tộc và con cháu trở về đông đủ. Sau 100 ngày thân nhân không phải cúng cơm nữa, người chết được thờ chung trên bàn thờ tổ tiên, câu đối và gian thờ cúng được dọn dẹp.

Cũng trong khoảng 100 ngày này, mỗi khi có đám tang thì con cháu phải đi nhận mộ bằng cách lên thắp hương và hờ khóc trong suốt khoảng thời gian đám tang kia chôn cất. Họ cho rằng khi có một đám tang mới là âm phủ có một đám hội, hồn ma có thể mãi chơi nơi đám hội này mà quên mất lối về cho nên phải hờ khóc để gọi hồn về đúng nhà của nó.

- Cải táng:

Người chết từ ba năm trở lên mới được phép cải mộ. Người ta thường xem ngày, chọn giờ tốt, mua sẵn một chiếc tiểu sành để chuẩn bị cho công việc quan trọng này. Đến ngày đã định, trước khi đào mộ, con cháu làm lễ cúng tổ tiên, trình bày việc “thay nhà mới” cho người chết. Họ cũng sắp lễ đến cúng ở chùa, đền và trên mộ. Khi cải táng, người ta tránh không cho ánh nắng mặt trời chiếu rọi xuống huyết. Bởi vậy, họ thường dùng bạt che. Rượu được mang theo để rửa tay và đổ xuống ván khi vừa mở nắp, mục đích là để tẩy mùi. Xương cốt được thu gom đầy đủ rồi đặt vào

trong tiểu nhưng phải sắp xếp theo đúng như vị trí của chúng trên cơ thể. Tiểu được đem đi chôn ở nơi đã chọn, song nhìn chung người ta thường quy tụ mồ mả của họ tộc về một khu vực để dễ bề trông nom, chăm sóc. Tiểu được chôn vĩnh viễn không chuyển dịch đi đâu nữa.

- Kỵ nhật:

Cũng như người Việt ở mọi nơi khác trên đất nước Việt Nam này, người dân ở đây cũng cúng giỗ tổ tiên và thân nhân của mình mỗi năm một lần vào ngày mất của họ. Có thể giỗ trước hoặc sau ngày chết một ngày. Đáng chú ý là họ rất coi trọng giỗ đầu và thường tổ chức long trọng. Thân nhân ở xa không về kịp đám tang thường đợi đến giỗ đầu mới về. Sở dĩ như vậy vì họ cho rằng sau một năm mà thân nhân người chết không ốm đau, làm ăn không thất bại, mồ mả không bị động thì người chết đó mới được coi là ra đi thanh thản, mồ yên mả đẹp và phù hộ độ trì cho con cháu. Giỗ đầu được tổ chức linh đình bởi những ý nghĩa đó.

Đáng chú ý là trong các vật phẩm cúng giỗ, người ta không bao giờ dùng xôi đỗ đen hay các món canh cua, riêu ốc. Họ cũng thường cúng những món mà khi còn sống người đó thích ăn.

7. Những trường hợp đặc biệt

- Trừ trùng:

Trường hợp người chết vào giờ độc hoặc trùng tang người ta phải làm lễ trừ trùng. Biểu hiện của hiện tượng này là thân nhân mơ thấy hồn người chết hiện về báo mộng than khóc hoặc kể lễ thiếu thốn. Yêu cầu người sống gửi cho những vật dụng hoặc trong vòng 100 ngày thân nhân luôn gặp hạn, ốm đau, tai nạn, làm ăn thất bại hay có người đột tử. Trường hợp này người ta phải mời thầy cúng về làm phép, yểm bùa để trừ tà.

Thầy cúng làm bốn lá bùa bỏ vào bốn ống tre rồi lên mộ làm lễ cúng. Thầy phù phép rồi chôn bốn ống tre xuống bốn góc của ngôi mộ. Trở về nhà thầy lại cúng và làm phép ở ngoài sân, sau đó chôn một cái lưới cày ở giữa gầm giường mà trước đây người chết nằm gọi là yểm đảo.

- Trẻ con chết:

Trẻ em dưới 16 tuổi chết thì không được làm đám tang mà chỉ có một số thân nhân trong họ tộc khâm liệm rồi đưa đi an táng một cách lặng lẽ. Mẹ đưa trẻ không được đi đưa tang (người ta sợ bà mẹ sẽ không đủ sức chịu đựng đau đớn). Đám tang trẻ em thường diễn ra vào lúc chiều tối. Trẻ nhỏ dưới 6 tuổi không được dùng ván mà phải bó chiếu chôn. Từ 6 - 15 tuổi được dùng ván nhưng chỉ được dùng ván thô (ván làm từ gỗ của những chiếc ván đã được cải táng bỏ ra). Trẻ dưới 6 tuổi chết thân nhân không được để tang và thờ cúng (không cúng cơm 100 ngày, không có tuần đầu, 49 ngày và cả giỗ cũng không có). Dân gian nói "chết mất giỗ" là để chỉ những trường hợp này. Trẻ chết từ 7 - 15 tuổi thì được giỗ nhưng không có cúng cơm 100 ngày cũng như các lễ cúng tuần đầu, 49 ngày. Bàn thờ được lập riêng, không được thờ chung ở bàn thờ tổ tiên.

- Chết ở ngoài nhà:

Đó là các trường hợp như: Chết đuối, chết tai nạn ngoài đường hoặc chết khi đang ở bệnh viện,... tức là khi chết người đó không ở trong nhà của mình. Trường hợp này người ta kiêng không mang xác về nhà mà thường làm đám tang ở sân kho hay sân đình hoặc dựng rạp ngay trên đường tới nghĩa địa. Các nghi thức tế lễ, phúng viếng được tiến hành nhanh gọn ngay trong ngày, thường người ta chôn vào khoảng giữa trưa (từ 12 - 2 giờ chiều). Trường hợp trẻ em chết đuối thì sau khi chôn từ 1 - 3 ngày người ta phải làm lễ rước hồn. Thầy cúng bắc một chiếc cầu kiều (cầu làm bằng mảnh vải trắng, dài khoảng 8m) từ dưới ao lên bờ, nơi đặt hương án. Trên hương án bày đủ xôi thịt, rượu, hương, nến. Thầy làm lễ cúng rồi phù phép rước hồn, khi nào trên tấm vải xuất hiện vết chân thì hồn đã lên bờ.

Tuy nhiên, việc áp dụng những nghi thức này, ở mỗi vùng lại có những dị biệt nhỏ. Đôi khi, cùng một nghi thức nhưng cách thức thực hiện lại khác nhau và theo đó quan niệm, cách lí giải của người dân cũng khác nhau.

Theo chiều lịch đại, những nghi thức này cũng có nhiều biến đổi bởi ảnh hưởng của kinh tế, chính trị, xã hội, sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay không còn tục đặt tên thuy, tục con gái lớn lần đường lần huyết.

Đáng chú ý hơn cả là sự thay đổi của các vật phẩm phúng viếng. Nó phản ánh rõ nhất ảnh hưởng của cơ chế thị trường, của thời kỳ đổi mới (cả ở cách nghĩ của người dân), in dấu sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật, của mức sống xã hội. Xưa kia, người ta dùng vàng hương, cau rượu, câu đối, vòng hoa và họ hàng thì dùng chè xanh hay gạo để đỡ dần tang chủ. Ngày nay, phúng viếng tang ma người ta dùng hương, nến và phong bì với quan niệm để cho giản tiện, lịch sự và không bị coi là cổ hủ. Câu đối ngày càng ít dần, vòng hoa thờ thường chỉ có các cơ quan, đoàn thể sử dụng. Nến thắp trên áo quan thay thế cho dầu bông xưa kia và mỗi người chết đều có ảnh để thờ cúng.



IV. NGHI THỨC TỔ CHỨC TANG LỄ

1. Cổ lễ quy định chi tiết việc khâm liệm, nhập quan

- Đại liệm, tiểu liệm:

Dùng vải trắng hoặc lụa. Tiểu liệm gồm một miếng vải trắng dài 14 thước ta, có ba đoạn vải ngang, mỗi đoạn 6 thước ta đặt thẳng góc với miếng vải chính. Đại liệm cũng có chiều dài tương tự nhưng gồm 5 đoạn ngang. Các đoạn này phải sắp cho vừa với

thân người để buộc lại khi liệm thành mảnh thứ nhất ngang đầu và tới mảnh cuối cùng ngang bàn chân người chết.

- Khâm:

Là chôn liệm người chết. Có hai chôn, dùng một cho đại liệm, một dùng cho tiểu liệm.

- Tả quan:

Cần phải có đầy đủ trong quan tài như là gối kê đầu, hai gối lót hai bên tai, một tấm đệm đầu, hai tấm đệm chân, hai tấm đệm dựa về đùi, hai tấm đệm về chân, tấm che mặt. Tất cả những thứ này đều làm bằng giấy bồi, trong có nhồi bấc.

- Liệm xác:

Khi liệm, tang chủ vào khóc quỳ xuống, người chấp sự quỳ theo và khấn: “Được ngày giờ, xin lễ liệm, cẩn cáo.” Tang chủ sụp lạy và đứng lên. Những người lo việc liệm xác phải tiến hành những việc: Cởi bỏ buộc hàm, chít đầu và phủ mặt xác chết bằng vải vuông hay vóc nhiều màu đen lót hàng màu hồng có dải buộc ra đằng sau gáy, lồng bao tay, mang giày. Trước khi nhập quan, trong áo quan có rải sẵn một lượt trà, bỏng gạo hoặc bất cứ thứ gì có thể hút nước của người chết tiết ra.

- Lễ nhập quan:

Lễ nhập quan được tiến hành ngay sau khi liệm xong. Thân nhân có mặt đứng thứ tự xa gần, trên dưới quanh quan tài. Phải canh đúng “giờ tốt” do thầy cúng hay thầy tu ở chùa coi sách chọn. Những người kỵ tuổi với người chết (trong vòng con cháu ruột), vào giờ nhập quan phải lánh mặt ra chỗ khác, xa hẳn để phòng ngừa tai hại về sau (vì theo cổ tục người ta tin rằng người chết có thể bắt theo).



2. Cách thức chiếu liệm

Cổ tục có định cho con trai đứng bên trái, con gái đứng bên phải người chết. Người lo việc nhập quan nâng người chết bằng bốn góc tấm vải tạ quan và đặt nhẹ nhàng vào áo quan. Chỗ trống trong áo quan được dồn đầy quần áo của người chết khi còn sống mặc thường ngày và giấy cuốn kèn. Xong xuôi, người ta gấp vải tạ quan lên phía trên, phía dưới, trái trước, phải sau. Sau cùng các thủ tục là bôi sơn trên thanh quan tài và đây nắp, đóng “cá” cho chắc. Quan tài đã được nhập xác gọi là linh cữu. Lúc bấy giờ, những con cháu “kỵ tuổi” phải lánh mặt ra ngoài từ trước đã được phép trở về để cùng với mọi người sụp lạy.

Linh cữu được đặt ở chính giữa nhà. Ngày nay, việc đặt đúng vị trí đã được thực hiện từ trước khi tắm liệm và nhập quan. Lệ xưa đã định rằng: Quan tài bao giờ cũng sơn đỏ, sau khi đã xong mọi thủ tục nhập quan. Cổ lễ còn định rằng: Trong trường hợp người chết cha mẹ còn sống thì linh cữu đặt ở gian bên cạnh, trên đầu linh cữu có quàng khăn tang của cha mẹ, quay về hướng Nam. Ngày xưa nhà thường cất ba gian, ngày nay nhà thường chỉ có một căn với khoảng 4m, không có gian giữa và phải, trái cho nên những gia đình theo tục lệ truyền thống này phải đặt linh cữu lệch sang một bên, tránh đặt ngay giữa nhà.

Sau khi linh cữu đã được đặt đúng vị trí, thân nhân phải để một chén cơm lông chắt và một quả trứng đặt giữa hai chiếc đĩa bông cắm đứng thẳng, gọi là cơm bông. Đĩa có thể là que tre tước đầu thành như bông hoa cắm vào chén cơm quả trứng. Mục đích là gì? Chưa thấy quyển sách nào giải thích về chén cơm, hai chiếc đĩa tách riêng này. Ngày nay, người ta đặt hai chiếc đĩa thường không tước đầu, mỗi bên một chiếc và giải thích ngộ nghĩnh rằng đó là “cơm mời Tử thần ăn” (đến rước linh hồn người chết về âm phủ). Vì có một chén cơm và đĩa để riêng từng chiếc, tử thần sẽ khó dùng, ăn chậm không hối thúc linh hồn người chết về âm phủ sớm được.

Trở lại lúc linh cữu được an vị, con cháu phải trải cơm ngồi ở hai bên, vẫn trai bên tả, gái bên hữu. Cũng xin lưu ý điểm này: tục đặt quan tài đầu quay ra ngoài có ý nghĩa là những người tới phúng điếu sẽ làm lễ lạy ở phía đầu, không phải lễ lạy ở phía chân. Trừ những tôn giả ngang hàng bậc cha chú, người đến viếng lớn tuổi hơn hoặc làm vai trên thì cũng lễ lạy trước linh cữu, vì người mình khi xưa đã quan niệm rằng chết rồi thì thành thần (tử giả vi thần). Vào lúc đưa đám, người ta cũng khiêng linh cữu theo cách đầu đi trước, khác với người sống đi cang đi vống thì được khiêng đằng chân đi trước. Trong trường hợp vống, cán thi hài người chết thì cũng đầu đi trước như đám tang, để cho người đi đường trông thấy, phân biệt được ngay. Cũng như ở trong nhà, lệ thường người sống bao giờ ngủ cũng nằm đầu ở phía trong, chân ra phía ngoài. Người ta kiêng kỵ không nằm ngủ chân trở vào phía trong như đặt người chết.



Ngày nay, người ta thường mặc áo tang ngay sau khi cử hành lễ nhập quan. Những gia đình theo Phật giáo mời Thầy trong chùa và một số Tăng ni đến tụng kinh, một số gia đình theo Thiên Chúa giáo mời Đức cha tới làm phép rửa tội và họ hàng thân nhân cùng đều đọc kinh cho người đã qua đời. Một số trường hợp chuyện đọc kinh này kéo dài vài ngày liền trước khi an táng.

Ngay sau khi người bệnh nặng có dấu hiệu sắp trút hơi thở cuối cùng, những nhà có thân nhân đông đã kín đáo kiểm điểm số người phải mặc tang rồi lo may đồ tang trước cho từng người, theo thứ tự quan trọng trước sau. Người lo sắp sẵn đủ tang phục cho con trai, con gái, con dâu, con rể, các cháu nội ngoại, kể cả chú chít, nếu có và anh chị em, các cháu trong họ hàng. Thường thì người ta nhờ thầy cúng làm lễ phát tang. Nếu thầy cúng còn trẻ, chưa có tuổi tác đức độ nhiều thì chính tang chủ phát tang cho từng người. Ở những gia đình thuộc hàng bình dân, mọi người vào lạy trước linh cữu cúng trầu rượu, rồi trở ra lấy quần áo tang mặc vào.

Con trai mặc áo xô, đội mũ nùn (mũ vành bằng bẹ chuối), ngày nay dùng một cái khăn hình tam giác cùng vải tang, có dây cột, trùm buột lên đầu cho gọn và đặt trên một cái bích cân làm bằng rơm quấn dây vải, hai thứ này được gọi là mũ bạc hay mũ rơm. Thân mình quấn một cái đai làm bằng dây rơm cũng quấn vải, gọi là dây rơm. Con trai còn phải cầm gậy, cha gậy tre mẹ gậy tầm vông. Các cháu trai cũng mặc tang phục như con trai, chỉ khác là có làm dấu đỏ tròn trên mũ ở trước trán để mọi người nhìn vào dễ phân biệt. Con dâu cũng mặc xô gai thắt lưng ra ngoài bằng dây bện bẹ chuối, áo sổ gấu hay không thì tùy trường hợp còn cha hay mẹ ruột, cũng như con gái còn ở nhà khác con gái đã lấy chồng: Áo có sổ gấu và không. Mọi người đều xoa tóc đội mũ mấn. Con rể và anh em mặc áo thụng trắng, chị em quấn vắn khăn trắng với tóc. Tất cả thân thuộc đều mặc đồ trắng.

Kể từ đây tất cả các trai gái dâu rể phải luôn luôn túc trực hai bên linh tọa và linh cữu, vắn nam tả nữ hữu và phải đáp lễ những khách đến phúng điếu. Linh cữu còn để trong nhà thì khách đến phúng điếu phải lễ hai lạy như đối với người sống, cả gia đình chủ tang mỗi người đáp lại một nửa lễ tức là một lạy. Ngày nay, khách đến viếng mà lạy hai lạy có nghĩa là khi đưa đám, người ấy sẽ đi tiễn đưa người chết đến huyệt mộ hay lò hỏa táng. Còn như người ấy lễ ba lạy thì có nghĩa người ấy bận việc không thể đi tiễn đưa lúc di chuyển linh cữu được.

3. Lễ phát tang

Thông thường các gia đình có người bệnh nặng, lúc có dấu hiệu sắp trút hơi thở cuối cùng, gia đình đã kín đáo kiểm đếm số người phải mặc đồ tang, lo may đồ tang trước cho từng người, theo thứ tự quan trọng trước, sau. Gia đình lo sắm đủ tang phục cho con trai, con gái, con dâu, con rể, các cháu nội ngoại, kể cả chú chít và anh chị em các cháu trong họ hàng.

Mọi người thân quyến trong gia đình tập trung lại xung quanh linh cữu (người thân nhất đứng gần, rồi tiếp đến con cái, cháu chắt - theo thứ tự từ gần đến xa). Người có thẩm quyền trong gia đình làm lễ phát tang (nếu gia chủ nhờ thầy cúng làm lễ phát tang cũng được, nhưng thầy cúng phải là người có tuổi tác, đức độ). Đồng thời, phân phát khăn, áo cho con cháu chịu tang và từ đây con cháu mới được cất tiếng khóc. (Tập quán cũng quy định rằng: Khi trong nhà có người nằm xuống, mọi người trong nhà phải phân công nhau các công việc chu tất cho người quá cố, nếu có người khóc sẽ ảnh hưởng đến công việc chung và chỉ sau khi làm lễ phát tang, mọi người mới được cất tiếng khóc).

Cũng theo tập quán dân tộc, chỉ sau lễ phát tang thì mới chính thức báo tang. Từ đấy, mọi người mới đến phúng viếng và từ lúc này mới có tiếng kèn trống.

Lễ phát tang cốt giữ sự trọng thể, không nhất thiết phải theo lệ cổ. Kế thừa phong tục tập quán cổ truyền, việc để tang ngày nay, con cháu vẫn chít khăn tang, nhằm thể hiện sự thương tiếc người quá cố và cũng để phân biệt mối quan hệ trực hệ trong tang quyến. Ngày nay, bậc đại tang phổ biến là những người con trai, con gái, con dâu, vợ chồng đều chít khăn xô bỏ mũi buông hai giải về phía sau; anh chị em ruột, cháu và những người có quan hệ khác đều chít khăn gấp vào trong (không bỏ mũi); chắt thì chít khăn vàng, khăn đỏ... nhằm biểu hiện lòng tự hào của con cháu đã nuôi dưỡng cha mẹ sống lâu. Đây cũng là tập quán hay cần được phát huy và đây cũng là một thể chế văn hoá truyền thống đã được định hình trong nhân dân ta.

4. Lập ban lễ tang

Thường thì sau khi có người từ trần, gia đình tang chủ cùng đại diện chính quyền, ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đại diện cơ quan chủ quản người quá cố, hội người cao tuổi... phối hợp lập Ban lễ tang.

Thành phần Ban lễ tang gồm: Đại diện chính quyền cơ sở, Mặt trận Tổ quốc, đại diện đoàn thể, hội người cao tuổi... và đại diện gia đình tang chủ (nếu người quá cố là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam thì thành phần Ban lễ tang có thêm đại diện cấp ủy đảng).

Người đại diện chính quyền hoặc đại diện ủy ban Mặt trận Tổ quốc thông thạo, am hiểu về các công việc của lễ tang, được thân nhân người quá cố cảm mến, tin cậy thì làm trưởng ban - để điều hành các công việc lễ tang. Đại diện thân nhân người quá cố làm phó trưởng ban (nếu người quá cố không có thân thích thì không cần có phó trưởng ban). Đây là trường hợp các địa phương có tập quán do chính quyền hoặc đoàn thể đứng ra lo việc tang. Thực tế, ở một số vùng, việc tang lễ đều do thân nhân của tang chủ đứng ra lo liệu cũng được.

Người quá cố trước đây thuộc cơ quan, đơn vị hoặc đoàn thể nào, thì nên có đại diện cơ quan, đơn vị, đoàn thể đó tham gia ban lễ tang.

Ban lễ tang có nhiệm vụ điều hành từ đầu đến cuối đám tang theo nếp sống văn hoá và theo Quy ước đơn vị văn hoá của cơ sở, ngăn ngừa các hành vi mê tín dị đoan, hủ tục phục hồi.

Ban lễ tang thống nhất với tang chủ cử người đem giấy chứng tử và các giấy tờ cần thiết đến Công ty mai táng tỉnh, thành phố và Ban quản lý nghĩa trang để nhận phần đất và thống nhất ngày, giờ chôn cất. Lúc này, (nếu ở thành phố) thì tang chủ và Ban lễ tang phải thực hiện thủ tục hợp đồng với Ban quản lý nghĩa trang khâu đào huyệt cho khớp với ngày giờ mai táng. Nếu ở nông thôn, nơi nào có đội mai táng thì báo cho đội mai táng giờ đào huyệt, cách thức đào huyệt, hướng huyệt... một cách cụ thể; nơi nào

không có đội mai táng thì tang chủ cử con cháu lo phần này. Ban lễ tang cần cử người theo dõi, đôn đốc các khâu chuẩn bị cho thật chu đáo để tránh có sơ xuất xảy ra.



5. Quàn linh cữu, đặt bàn thờ

Nếu ở bệnh viện hoặc ở các nhà tang lễ thành phố, linh cữu được đặt ở một phòng dành riêng (gọi là nhà quàn). Nếu người quá cố là cán bộ chủ chốt của cơ quan, xí nghiệp, nhà máy... thì linh cữu có thể được đặt quàn tại hội trường hoặc phòng đại sảnh của cơ quan, xí nghiệp... ấy.

Ở nông thôn, một số địa phương đã xây dựng các phòng dành riêng (gọi là nhà quan) thì linh cữu được đặt tại đây để mọi người đến phúng viếng. Địa phương nào chưa có nhà quàn thì gia đình tang chủ chọn một phòng để quàn linh cữu. Tùy theo tập quán của từng địa phương, nhưng thì hài bao giờ cũng được quàn ở gian trang trọng nhất.

Ở thành phố, do điều kiện nhà chật hẹp, có nhà cao tầng, thấp tầng, hành lang chật hẹp, cầu thang dốc, việc di chuyển linh cữu rất khó khăn.

Linh cữu ở nhà quàn (hoặc phòng quàn) thường đặt theo chiều dọc, đầu quan tài hướng vào phía trong để người đến phúng viếng thắp hương và mặc niệm phía trước quan tài. Khi di chuyển quan tài ra xe tang (chuyển cữu) thì xoay đầu quan tài ra

phía cửa để thuận chiều đi (đầu đi trước). Nhân dân ta có câu “đầu có xuôi thì đuôi mới lọt” cũng là hợp lẽ. Một số địa phương cũng có tập quán đặt linh cữu theo chiều dọc, nhưng chân thì hài lại hướng vào phía trong. Trường hợp này thì khi chuyển cữu không cần xoay nữa.

Cần lưu ý rằng thường tình, nhiều địa phương chuyển cữu theo tư thế đầu đi trước, nhưng cũng có địa phương lại có tập quán lúc chuyển cữu thì chân lại hướng về phía trước nên cũng tùy tập quán từng nơi mà làm cho thích hợp.

Cá biệt, phòng quan quá hẹp chiều dọc, người ta có thể đặt linh cữu theo chiều ngang để viếng, cũng vẫn được.

Ngay từ sau lễ phát tang, linh cữu được định vị nơi quan thì trên nắp linh cữu liên tục được thắp hương, nến, để tránh sự lạnh lẽo. Người ta cũng quan niệm rằng, còn ánh lửa là sự sống còn được duy trì (đó chính là nguyện vọng của người sống). Nó làm ấm lòng người.



Dân ta còn chọn một vài đoạn của cây chuối nhỏ (khoảng bằng cổ tay), cao khoảng 4 - 5 phân để trên nắp quan tài mà cắm hương. Nến cũng được thắp trên nắp quan tài cho đến khi hạ huyệt (thường thắp 7 ngọn theo hình thất tinh).

Trên nắp quan tài, dân ta thường cúng “bát cơm, quả trứng”. Đây là một lễ thức cổ xưa, quan niệm người chết về thế giới bên kia vẫn cần có thức ăn. Đây là suất ăn đường khi về với tổ tiên.

(Người ta xối 2 bát cơm úp vào nhau cho có mu lên. Một bát cơm ta ăn là dương, nhưng hai bát cơm úp vào nhau lại trở thành âm. Quả trứng tròn là dương - vì nếu ấp quả trứng sẽ nở thành con - dương. Việc cúng “bát cơm, quả trứng” bắt nguồn từ thuyết xa xưa về âm - dương. Có âm - dương mới sinh ra muôn loài, sinh ra con người. Từ thời cổ đại Trung Quốc, Khổng Tử - nhà triết học lỗi lạc đã nói: “Hữu thiên địa nhiên hậu hữu âm dương, hữu âm dương nhiên hậu hữu nam nữ, hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu thê, hữu phu thê nhiên hậu hữu phu tử”. (Có trời đất rồi mới có âm dương, có âm dương rồi mới có nam nữ, có nam nữ rồi mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi mới có con cái).



Người ta luộc quả trứng lên, bóc vỏ đặt lên bát cơm thì quả trứng dễ rơi, nên người ta lấy 2 chiếc đũa (một đôi) cắm hai bên sát vào quả trứng, nhằm giữ cho quả trứng không rơi. Nếu lấy đôi đũa bình thường là trần tục, nên người ta vót đôi đũa mới có tua lên (gọi là đũa bông) - việc làm đó đã nâng lên thành văn hoá. Nhưng đũa được vót mấy bông? Sách xưa không thấy đề cập tới, nhưng nhiều nhà nghiên cứu văn hoá dân gian cho rằng: Nếu người quá cố có bao nhiêu người con thì được vót bấy nhiêu bông. Vì vậy, chỉ nhìn bát cơm quả trứng trên nắp quan tài, người ta có thể biết ngay rằng người quá cố có từng ấy người con.

Bát cơm phải đơm đầy úp hai bát vào nhau cho có mu lên, tượng trưng cho âm. Quả trứng là dương. Đôi đũa vót có lua tua

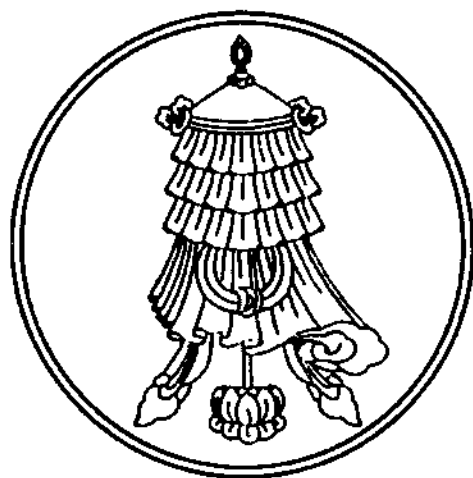
(gọi là đũa bông) tượng trưng cho cây vũ trụ, cho sự sống, với ý nghĩa: Có âm - dương mới tạo ra sự sống...

Việc cúng bát cơm quả trứng mang ý nghĩa triết học rất sâu sắc và lại đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người.

6. Lập bàn thờ tưởng niệm tạm thời

Bàn thờ có thể đặt ở phía trong (phía đầu quan tài), hoặc phía ngoài (phía chân quan tài), hoặc một nơi trang nghiêm tùy theo nội thất của phòng quan và tùy theo tập quán của từng địa phương.

Nếu bàn thờ đặt ở phía trong, thì chiều cao của bàn có thể chênh hơn chiều cao của linh cữu từ 20 - 30 phân (không nên đặt bàn thờ quá cao) tạo nên sự cách biệt và không cân đối.



Nếu bàn thờ đặt ở phía ngoài (phía chân) thì chiều cao của bàn thờ chỉ chênh lên so với linh cữu khoảng 10 - 15 phân là vừa. Thường thì đặt bàn thờ ở phía ngoài sẽ hợp hơn. Vì khi thắp hương phúng viếng, người viếng nhìn đối diện với người quá cố. Sau khi thắp hương phúng viếng, người viếng đi vòng lên phía đầu để nhìn mặt người quá cố lần cuối, rồi chia buồn với tang chủ (đứng phía bên trái quan tài), đi tiếp ra bàn ghi sổ tang và ra phòng đợi, chờ dự lễ truy điệu và đưa tang.

Tại nhiều gia đình, ở một số địa phương có tập quán “cúng chiều hôm”. Ba ngày đầu, cứ chiều đến, một số thân nhân mặc tang phục đem cơm, canh ra mộ cúng và mời người quá cố dùng bữa. Tập quán này đáp ứng được nguyện vọng của con cháu đối với người mới qua đời, làm vơi dần đi sự thương tiếc của con cháu đối với ông, bà, cha mẹ lúc qua đời. Mặt khác, cũng tránh được sự hụi hễng trong nếp sinh hoạt hàng ngày của những người đang sống đối với người mới qua đời. Đây cũng là nét đẹp trong việc hiếu, nhưng nên cúng vong hồn tại nhà để tưởng nhớ, chứ không nên mang ra ngoài mộ.



BÀI VĂN KHẤN CÚNG CƠM

Kính lạy:

Đức Đường niên bản cảnh Thành hoàng chư vị đại vương!

Đông Trù tư mệnh Táo phủ thần quân!

Chư vị gia tiên cao tăng tổ tỷ!

Hôm nay là ngày Tháng năm

Con trai trưởng là

Vâng lệnh của mẫu (phụ) thân, cùng các anh chị nội, ngoại kính lạy.

Nay nhân ngày lễ cúng cơm cổ truyền,

Kính dâng lễ mọn, biểu lộ lòng thành.

Trước linh vị của

Xin kính cầu thưa rằng:

Nhân sinh tại thế,

Họa mấy người sống chín, mười mười,

Đôi ba mươi năm cũng kể một đời,

Song, vận số biết làm sao được.

Ơn mẹ cha đạo cả sinh thành, đêm ngày dạy dỗ:

Đường ăn nếp ở, việc cửa việc nhà.

Cho trọn vẹn đường đi trăm mối.

Bổn đậu gió cả, phút bề cảnh mai,

Hoa lìa cây, rụng cánh rơi rời,

Yến lìa tổ, kêu xuân vò võ.

Từ nay: Trăng lặn sao dời, hồn đã biến về nơi Tây Trú.

Từ nay: Lấy ai chăm sóc cháu con,

Ngày chầy sáu khắc, đêm vắng năm canh,

Tưởng thấp thoáng bóng hình trên khói.

Hết đời thôi chờ, nắng hồng giá lạnh...

Nhớ nơi ăn, chốn ở, buồn năm

Như cắt ruột xé lòng con trên trần thế.
Mấy dòng kẻ lẻ,
Chiều hôm về than thở nguồn cơn.
Cầu anh linh phù hộ cháu, con.
Cầu Thần Phật độ trì, cho vong hồn siêu thoát...
Than ôi! Thượng hưởng!



7. Phúng viếng người đã qua đời

Đám tang nào cũng có người đến phúng viếng. Bạn bè thân thuộc của người chết, con cháu xa gần sau khi được hung tin và ngay cả những người giao dịch thường ngày quen biết với con cháu. Các gia đình thông gia, kế tiếp nhau đến chia buồn cùng tang gia và phúng viếng người qua đời. Những đám tang lớn của những nhân vật quan trọng hay các gia đình lớn danh giá, thường có ban nghi lễ chuyên trách việc sắp xếp giờ giấc theo một chương trình nghiên cứu kỹ để tránh sự lộn xộn vì đông người tới cùng một lúc.

Xưa, lễ phúng viếng thường là trầu cau trà rượu, nhưng cũng có người viếng những câu đối, những bức trướng trong đó có nhắc lại cách ăn ở hay tính tốt của người vừa qua đời. Hiện nay, người ta lễ với tiền mặt, nhang đèn, giấy tiền vàng bạc, tràng hoa cườm hay hoa tươi...

Ngày xưa, những bức trướng và câu đối phúng viếng được treo ngay ở xung quanh tường vách nơi đặt linh cữu để hương hồn người khuất có thể nhận thấy được. Đồng thời, cũng để những khách tới viếng có thể đọc thưởng thức nghệ thuật văn chương với ý hay, lời đẹp. Cùng treo với những câu đối này còn có những đối trướng của con cháu khóc ông bà cha mẹ, viết bằng lơ xanh hoặc chữ đen trên vải trắng. Người ta rất trọng văn nho, đối liền, cho nên những người con trai, con gái đều có câu đối khóc cha, vợ khóc chồng và cả anh em cũng có thể khóc lẫn nhau nữa.

Ở thôn quê, người trong cùng thôn xóm khi cúng một số tiền để trực tiếp giúp đỡ tang gia lúc cần thiết. Đây là một việc rất thực tiễn. Mọi món tiền hoặc đồ lễ phúng viếng của đều được ghi rõ ràng và được ghi vào quyển sổ, để về sau tang chủ coi theo mà cảm ơn, trả ơn hoặc khi có người nào lâm vào tình cảnh tang chế như mình thì phúng viếng giúp đỡ lại. Đây là một đặc điểm của tương quan giao tế xã hội mà người Việt đã ý thức có từ lâu trong cuộc sống cộng đồng tập thể.

Khách đến viếng lễ trước linh sàng hai lễ rưỡi nếu linh cữu còn quàng tại nhà. Sau khi chôn cất rồi mà khách đến viếng muộn màng thì sẽ lễ bốn lễ rưỡi trước bàn thờ. Khách lễ trước linh sàng, tang chủ hoặc con cháu khác của người chết thay thế tang chủ, phải đứng lên án thờ đáp lễ. Chỉ phải đáp lễ bằng một nửa số lễ khách lễ người khuất. Khách lễ hai lễ, đáp lại một lễ, khách lễ bốn lễ, đáp lại hai lễ. Ngày nay, người ta “lạy trả lễ” cùng lúc và đủ số, hoặc là hai hay ba lạy. Nam trả lễ đối với nam, nữ trả lễ đối với nữ.

V. CHUẨN BỊ TANG LỄ

1. Tang chủ và phụ tang chủ

Tang chủ thường là con trai trưởng, nếu con trưởng đã chết thì lấy cháu đích tôn, hoặc người đàn ông chính thức thừa kế gia tài người chết, cha còn mà mẹ chết, tang chủ là người cha. Phụ tang chủ là vợ người chết hoặc vợ tang chủ, nếu vợ người chết không còn.

Tang chủ làm chủ nghi lễ trong lễ tang, phụ tang chủ giúp công việc chi phí.

2. Tướng lễ, hộ tang, tư thư, tư hóa

Tướng lễ là người chỉ huy, sắp đặt và quyết định mọi nghi lễ. Có thể coi là trưởng ban tổ chức tang lễ. Vì vậy, tướng lễ là người có uy tín, thạo công việc nghi lễ.

Hộ tang phụ tá cho tướng lễ như lo công việc tiếp tân. Giống như phó ban tổ chức nghi lễ. Hộ tang được lựa chọn trong số thân nhân của người chết, đứng đắn, có tuổi, lịch thiệp, hiểu biết nghi lễ.

Tư thư, người lo công việc cáo phó, ghi chép đồ phúng của quan khách.

Tư hóa, người ghi chép việc chi tiêu trong đám tang.

3. Cáo phó

Trước khi đưa tang, người tư thư phải lo đầy đủ công việc cáo phó. Xưa kia chưa có các phương tiện thông tin đại chúng như báo

chí, phát thanh truyền hình, nên cáo phó sau khi viết tay được chuyển đến cho các gia đình thân nhân người chết. Đối với những tôn trưởng, hoặc những người ở xa, phải gửi cáo phó riêng và cho người mang đến tận nơi.

Cáo phó phải ghi rõ sự việc: Tên tuổi người qua đời, ngày giờ chết. Tang lễ cử hành vào thời gian, địa điểm nào. Có khi còn ghi cả địa điểm an táng.

Ngày xưa việc xưng danh của thân nhân người chết, tục cũng được quy định rõ: Nếu cha mất con xưng là cô tử, mẹ chết thì xưng ni tử nếu cả cha lẫn mẹ đều chết thì xưng là cô ai tử!

4. Áo quan

Chuẩn bị áo quan gọi là trị quan. Áo quan còn gọi là quan tài, có nơi gọi là cỗ thọ đường, cỗ hậu sự, hay săng, hòm.

Xưa kia áo quan là hình hộp chữ nhật, vuông thành sắc cạnh, ván càng dày càng tốt, đối với gia đình khá giả, áo quan thường dùng loại gỗ tốt, có thể chịu lâu không bị mục dưới đất. Chiều dài thì “giường bốn thước hai, quan tài bốn thước bảy” (theo thước ta). Như vậy, chiều dài áo quan vừa đủ người nằm, còn chiều ngang hẹp sát vai người chết nằm, với dụng ý không cho thi hài người chết trương to, chảy nước, bốc mùi ra ngoài. Trường hợp người chết có đôi vai rộng quá khổ, thì ngay sau khi chết phải buộc gọn lại. Quan tài thường được sơn gấm rất kỹ, dưới lót bông, giấy bản, trà búp khô, để nước có chảy ra được thấm khô. Người ta gắn nắp quan tài bằng sơn sống, nhào với đất sét khô tán nhỏ, với bột nếp quấy nhựa xoan, rất kín, chắc, để năm bảy ngày, thậm chí có gia đình quan trong đóng cát, vào vườn vài ba tháng mới đem mai táng nước vẫn không thấm ra ngoài.

Loại gỗ tốt thường dùng làm quan tài là vàng tâm, đôi là hai thứ gỗ thích hợp với sơn. Vì hai loại gỗ này bên lại có chất dầu giữ cho sơn bền lâu không tróc, bong sơn. Quan tài thường sơn son, hai đầu có chữ thọ và nẹp viền được thếp vàng, thếp bạc.

Ngày nay quan tài phần lớn làm theo kiểu có tiết diện ngang hình lục giác không đều nhau. Trên nắp về phần mặt có một

khung hở lồng tấm kính để người viếng có thể nhìn thấy mặt người chết lần cuối cùng trước khi người đó vĩnh biệt cõi trần.

5. Các phụ gia

Các thứ phụ gia là các thứ dùng để chèn hòm. Ngày xưa những thứ này có bán sẵn, đó là những xấp giấy nhỏ dày khoảng 5 - 10cm, được khâu bên lại bằng dây gai, cắt thành cục to cục nhỏ, dài ngắn khác nhau, tùy theo vị trí chèn.

Vải dùng để liệm thi hài gồm có: Tiểu liệm, đại liệm, tạ quan (vải lót quan tài), thường dùng vải mộc, các nhà giàu có, quan lại dùng nhiều lụa.

VI. NHẠC TANG VÀ TANG PHỤC

1. Nhạc tang

Đối với dân tộc ta, nhạc trong lễ tang là một nhu cầu không thể thiếu được, nó đã trở thành phong tục tập quán lâu đời, ăn sâu vào tiềm thức và mang ý nghĩa văn hoá truyền thống của dân tộc. Vì thế, nhân dân ta đã đúc kết thành câu ca:

“Sống dầu đèn, chết kèn trống”

Câu ca này chính là thành ngữ khẳng định sự cần thiết của kèn trống trong một đám tang. Âm thanh của kèn trống trong lễ tang là bản nhạc hoà tấu với giai điệu buồn, làm cho đám tang bớt u ám, lạnh lẽo.

Nhạc của lễ tang do đội nhạc tang (nhạc hiếu) cử hành. Kèn, trống là hai loại nhạc cụ chính trong lễ tang. Chủ yếu là kèn giải và trống cơm. Cùng với kèn, trống là phường bát âm. Có thể coi phường bát âm là một dàn nhạc nhẹ, diễn tấu những bản nhạc: Ngũ đối, lâm khốc, nam thương, xuân lũ, nam ai, an thư... (trong lễ viếng). Còn lúc đưa đám thì dùng: Hành vân, lưu thủy, bình bán...

Dàn nhạc tang thường gồm các cây: Nguyệt, hồ, nhị, tam, tứ (bộ dây); sáo, tiêu (bộ hơi), tiu, cảnh, bặc... (bộ gõ). Một số nơi, trong nhạc tang còn có trống. Trong nhạc lễ tang, người ta sử dụng nhiều loại trống cái, trống con, tạo nên những bản nhạc

tang vừa mang tính chất bí, vừa mang tính chất sôi động, làm cho đám tang không vui, nhưng cũng không tẻ nhạt. Nhiều nơi, đặc biệt là ở vùng nông thôn, tiếng kèn giải, trống tào thành không khí đám tang trong lễ viếng, trong lúc chuyển cữu và trong nghi trượng di đường.

Thời xưa, ban nhạc tang đầy đủ thường là 18 người, gồm có: Phường bát âm (xinh tiền, sáo, nhị, đàn nguyệt, tam, trống cảnh, trống bộc, kèn). Trống thì gồm có trống con, trống cái, nạo bặt. Già nam (nam ai) thì có trống, kèn, hồ, nhị.

Ngày nay, đội nhạc tang thường đơn giản, chủ yếu là kèn, trống. Chỉ cần khoảng 2 kèn, 1 trống cái và 1 trống con là đủ.

Mỗi khi đội nhạc tang thực hiện việc hiếu ở nông thôn, thì chính quyền xã trích kinh phí văn hoá - xã hội, giao cho Hội người cao tuổi, cùng với phần đóng góp của tang chủ, chi bồi dưỡng cho nhạc công. Ở thành phố thì ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng với văn hoá thông tin đề xuất với chính quyền trích quỹ văn hoá - xã hội, cộng với phần đóng góp của tang chủ chi bồi dưỡng cho nhạc công, để hỗ trợ phần nào, đảm bảo cho họ phục vụ lâu dài.

Cũng có những địa phương giao cho Hội người cao tuổi vài sào đất để trồng hoa, trồng rau. Hoa thì làm vòng hoa viếng tang, khi địa phương có người qua đời. Số hoa còn lại thì bán cho bà con ở địa phương khi họ cần (lấy tiền nhập quỹ) và có thể trồng rau cũng thu hoạch thêm... Toàn bộ số tiền thu được chi bồi dưỡng cho các thành viên đội nhạc tang và những người đào huyệt (theo chế độ quy định của địa phương), đồng thời mua sắm các nghi trượng đưa tang, mua trang phục cho những người phục vụ tang lễ.

Những địa phương chưa tổ chức được đội nhạc tang, tang chủ phải mời các thợ kèn trống tư nhân đến giúp đỡ.

Mấy năm gần đây, nhiều nơi tang chủ không dùng đội nhạc tang, mà thay bằng băng (đĩa) nhạc hiếu đã được thu sẵn, rồi sử dụng radio - cassette cũng rất tiện lợi cho cả lúc phúng viếng và lúc đưa tang.

Tại các nhà tang lễ ở thành phố, ở các bệnh viện, đều cử nhạc khi phúng viếng bằng băng hoặc đĩa nhạc đã thu sẵn, cũng rất trang trọng, thuận tiện và được dư luận xã hội hoan nghênh.

Nhạc tang được cử hành từ sau lễ phát tang và báo tang, chủ yếu là thời gian viếng tang và lúc đưa tang.

Phường kèn thường có những bài riêng để thổi thay lời con khóc cha mẹ, vợ khóc chồng, cháu khóc ông bà, anh chị em khóc nhau. Thời xưa những họ tộc lớn, anh chị em đông, mỗi người thuê thổi một bài kèn rồi thưởng tiền, gọi là “kèn giải”.

Theo tinh thần cổ tục, nhạc tang cốt ở sự nghiêm trang, nói lên tình cảm con người. Vì vậy, nhạc tang cần phải được êm ái nhỏ nhẹ, không nên ồn ào vang dậy, vừa làm phiền phức phố xá láng giềng, vừa mất vẻ trang nghiêm.

Kèn trống nổi lên trong lúc tế lễ cùng với phường bát âm nổi điệu nam thương hoặc nam ai, đem sự bi thảm cho đám tang và điều hoà mọi động tác của tang chủ cũng như người chấp sự.

Mỗi khi người tới phúng viếng, con cháu khóc lên là có điệu kèn trống nổi theo, như muốn cho hương hồn người chết biết có bạn bè thân thuộc tới viếng lễ.

Nhờ có kèn trống báo hiệu, nên tang chủ hoặc con cháu khác của người chết nếu đang mắc bận thì biết có khách viếng để ra đáp lễ.

Thường phường kèn trống ngồi ở một nơi gần áo quan để mỗi khi có khách tới viếng là thấy ngay”.

Trường hợp phải chờ con cháu ở xa về hoặc lúc đêm khuya thanh vắng, chỉ nên cử nhạc tang khi nào thật cần thiết. Sau 23 giờ và trước 5 giờ sáng thì không nên cử nhạc tang, để tránh ồn ào làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của cư dân quanh vùng.

Điều cần lưu ý là không phải đám tang nào cũng có kèn trống. Theo tập quán của dân tộc ta cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới là: Cái chết nào hợp quy luật (như chết già, chết đúng lúc...) thì có kèn trống. Ngược lại, cái chết nào không hợp quy luật (như chết trẻ, chết do tai nạn, chết bất đắc kỳ tử, con chết trước cha mẹ...) thì không dùng kèn trống.



2. Tang phục

Tang phục biểu hiện trình độ văn hoá - văn minh của các dân tộc trên thế giới về việc tang. Ở châu Âu, những người chịu tang thường dùng tang phục màu đen. Ở nước ta thì tang phục màu trắng đã trở thành phong tục.

Khi gia đình có tang, con trai, con gái, con dâu nên mặc tang phục màu trắng (để phân biệt với khách đến viếng tang). Áo tang cần sạch sẽ, chỉnh tề là biểu hiện của văn hoá, văn minh.

Theo nghi thức việc tang trước đây gần như đã thành truyền thống thì, con trai, con gái, con dâu dùng khăn trắng, thắt bỏ múi ra đằng sau (để phân biệt với hàng cháu chất). Con rể và các cháu trong họ cũng dùng khăn trắng, nhưng không thắt kiểu bỏ múi như trên, mà gấp vào. Dân ta cũng có tập quán dùng khăn vàng, khăn đỏ, khăn xanh tùy theo người để tang là cháu chất, chít, chít...

Khách đưa tang có thể cài miếng vải đen ở nẹp áo, mép túi hoặc trên tay áo bên trái là tùy theo từng người. (Việc cài miếng vải đen lên áo là tùy lòng của khách viếng tang và nên để họ tự nguyện chuẩn bị. Cần bỏ cách làm ở một số nơi là: cắt vải đen hoặc giấy đen để sẵn, rồi bất cứ khách viếng tang nào đến cũng có người cài vào áo khách. Như vậy sẽ không tế nhị).

Hiện nay ở nhiều địa phương, các đám tang của các thành viên Hội cựu chiến binh, có các tiêu binh mặc lễ phục trắng, bông súng đứng nghiêm trang trong lúc phúng viếng cũng như lúc đưa tang. Đây là vấn đề rất mới, rất hay, vì nó nâng giá trị của anh bộ đội cụ Hồ. Ngành Văn hoá - Thông tin cùng Hội cựu chiến binh nên nghiên cứu hoàn thiện nghi thức này để hướng dẫn thống nhất cho cơ sở.

Theo Thọ Mai gia lễ thì:

“Tang phục có 5 hạng theo đó mà để tang” như sau:

1. Quần áo sổ gấu là để tang cha mẹ, áo xô, khăn xô ba năm. Vợ để tang chồng cũng thế, nhưng còn cha mẹ chồng sống thì không được sổ gấu mà vẫn để 3 năm.

Lại như con để tang mẹ mà cha còn sống thì cũng không được sổ gấu.

2. Cơ phục là để tang một năm.
3. Cửu công là để tang chín tháng.
4. Tiểu công là để tang năm tháng.
5. Ty ma là để tang ba tháng.

Tang cao, tăng, tổ:

1. Để tang cao tổ phụ mẫu: Là ông hay bà sinh ra ông cụ mình, thì để tang 3 tháng, áo vén gấu.

2. Để tang tăng tổ phụ mẫu: Là ông bà sinh ra ông mình, áo vén gấu để 5 tháng.

Nếu cha hay ông mình chết rồi, thì mình là người thừa trọng phải áo sổ gấu để 3 năm.

3. Tang tăng tổ bá thúc phụ mẫu: Là ông bà cụ họ anh em ruột với ông cụ ấy, để tang 3 tháng.

4. Tang tăng tổ cô: Là bà cụ họ chị em ruột với ông ấy thì 3 tháng, đã đi lấy chồng thì thôi.

5. Tổ phụ mẫu: Là ông bà sinh ra cha mình, thì áo vén gấu tang 1 năm, không có gậy, nếu cha đã mất trước, mà mình là đích tôn thừa trọng, phải áo sổ gấu, mũ gậy trong 3 năm (thay cho bố).

6. Tổ bá thúc phụ mẫu: Là ông bác, bà bác, ông chú, bà thím, bà cô đã xuất giá thì chỉ để tang 3 tháng.

7. Bá thúc phụ mẫu họ, cùng cô họ: Là ông ta họ anh em con chú, con bác với ông ấy đều 3 tháng, tộc tổ cô đã xuất giá thì thôi.

Tang phục cha mẹ

1. Tang cha sinh ra mình, thì khăn áo sổ gấu để 3 năm, gậy dùng tre. Mẹ sinh ra mình thì vén gấu 3 năm, gậy dùng bằng gỗ vông.

Nếu cha đã mất trước rồi, thì tang mẹ cũng được mặc áo sổ gấu.

2. Đồng cư kế phụ: Là cha ghẻ, nhưng mình ở chung thì tang 1 năm. Nếu trước có ở cùng, sau không ở nữa thì tang 3 tháng. Nếu không ở nghĩa là bất đồng cư kế phụ thì không tang.

3. Tòng kế mẫu giá phụ: Là cha mất đi mà kế mẫu lại đi lấy chồng khác, mình có theo kế mẫu ở cùng cha ấy, thì tang cha ấy 1 năm, nếu không ở cùng thì không tang.

4. Dích mẫu, kế mẫu, dưỡng mẫu: Thì áo vén gấu, hay sổ gấu 3 năm, nếu kế mẫu phải chia rẽ thì không tang.

5. Từ mẫu: Là mẹ sinh ra đã mất, mình còn tẩm bé, cha lại khiến vợ hay vợ hầu khác nuôi làm con - ấy gọi là từ mẫu, thì tang áo vén gấu sô gai sổ gấu 3 năm. Bằng cha, cha không cần nuôi, có ở cùng thì phục 5 tháng.

6. Giá mẫu; xuất mẫu: Là mẹ sinh ra hoặc cha chết mà đi lấy chồng khác, cùng phải cha rẽ, hai mẹ ấy cùng thứ mẫu thì đều tang 1 năm.

7. Vợ lẽ cha cùng nàng hầu cha, thì tang 3 tháng.

8. Nhũ mẫu: Là vú cho bú mớm thì 3 tháng.

9. Con thứ, tang cha mẹ đẻ ra mình là con thứ, mẹ sinh ra mình lại là vợ lẽ cha, thì áo vén gấu, tang 3 năm.

10. Bá thúc phụ mẫu cùng cô: Là tang bác trai, bác gái với chú thím, cùng cô là anh chị em ruột với cha thì đều 1 năm. Cô đã lấy chồng thì 9 tháng.

11. Đường bá thúc phụ mẫu cùng đường cô: Là bác trai, bác gái, chú thím họ, cùng cô họ, đó là anh em, chị em con chú, con bác, thì đều 5 tháng, nếu cô đã lấy chồng thì 3 tháng.

12. Tộc bá thúc phụ mẫu cùng tộc cô: Là chú thím bác trai, bác gái, cô họ, đó là anh chị em cháu chú, cháu bác với cha, thì đều 3 tháng, cô đi lấy chồng thì thôi.

Tang phục bằng (bảy) vai.

1. Vợ: Thì tang 1 năm có gậy, nếu cha mẹ còn sống thì không gậy.

2. Vợ lẽ hay nàng hầu, hoặc có con hay không có con cũng để 3 tháng.

3. Anh em, chị em ruột thì đều 1 năm. Chị dâu, em dâu: chín tháng; chị em đi lấy chồng mà chồng chết hay ruồng rẫy trở về, con lại không có, tang 1 năm.

4. Anh em, chị em con chú, con bác ruột thì 9 tháng, vợ anh em ấy thì 5 tháng, chị em ấy đã đi lấy chồng thì 5 tháng.

5. Anh chị em họ 4 đời: Thì 5 tháng, chị dâu, em dâu ấy có 3 tháng, chị em đã đi lấy chồng thì 3 tháng.

6. Anh chị em họ 5 đời: Thì 3 tháng, vợ anh em ấy cùng chị em đã xuất giá thì thôi.

7. Anh em, chị em cùng mẹ khác cha: Thì 5 tháng, vợ anh em ấy không tang. Đến đời con cũng không tang.

Tang về hàng con

1. Con cả, con thứ đều để tang một năm, không gậy, nằng hầu cả đi làm con nuôi nhà người, thì tang cũng thế.

2. Con gái: Tang 1 năm, đã xuất giá thì 9 tháng, nếu xuất giá mà bị chồng ruồng rẫy, hay chồng chết, con không có thì tang 1 năm.

3. Con rể: Tang 3 tháng.

4. Cháu trai họ: Là con của anh em thì 1 năm, vợ cháu trai ấy thì 9 tháng, dù cháu nào có đi làm con nuôi nhà người, thì 9 tháng, vợ nó thì 5 tháng, cháu gái cũng 1 năm, đã xuất giá thì 9 tháng.

5. Cháu trai, gái nhà chú bác, thì đều 5 tháng, vợ nó thì 3 tháng, cháu gái đã xuất giá thì 3 tháng.

6. Chắt trai, gái ông chú, bác: 3 tháng, vợ chắt ấy cùng chắt ấy đã xuất giá thì đều thôi.

Tang về hàng cháu

1. Cháu trai đích tôn thì 1 năm, vợ cháu trai thì 5 tháng.

2. Các cháu trai, gái thứ: Đều 9 tháng, vợ các cháu thứ thì 3 tháng, cháu gái đã xuất giá thì 5 tháng.

3. Cháu trai, gái nhà anh em: 5 tháng, vợ cùng người cháu gái đã xuất giá thì 3 tháng.

4. Cháu trai, gái nhà anh em chú bác: 3 tháng, vợ của chắt cùng đứa cháu gái đã xuất giá thì không tang.

Tang cháu tăng

Đứa chắt vốn cháu trai mình sinh ra: 3 tháng; vợ cùng đứa chắt gái đã xuất giá đều không tang.

Tang cháu huyền

Là đứa cháu tứ đại mà chết sinh ra thì chỉ có 3 tháng, vợ nó cùng đứa cháu gái đã xuất giá thì không tang.

Tang người tông thuộc

Tông nhân thì trong ngũ phục không có, nhưng cha nhà tông tử còn thì để 3 tháng, vợ thì đã hết tang, hai tông tử thì trông giữ từ đường, thừa tự tổ tiên, vậy tang phục mẹ cùng vợ người tông nhân ấy đều 3 tháng, để trọng tông thống.

Tám mẹ:

1. Đích mẫu: Vợ cả bố, các con vợ lẽ gọi là đích mẫu.
2. Kế mẫu: Là khi còn nhỏ mẹ chết, cha lấy vợ khác, nuôi nấng mình thì gọi là kế mẫu.
3. Từ mẫu: Là mẹ chết còn tấm bé, cha sai người vợ lẽ nuôi mình bú mớm.
4. Dưỡng mẫu: Là cha mẹ sinh ra nghèo cho mình để người khác nuôi nấng.
5. Xuất mẫu: Là mẹ đẻ mình, cha ruồng bỏ.
6. Giá mẫu: Là mẹ đẻ của mình, khi cha chết mẹ đi lấy chồng khác.
7. Thứ mẫu: Là mẹ sinh ra mình nhưng là vợ lẽ cha.
8. Nhũ mẫu: Là mẹ vú cho mình bú mớm từ khi còn tấm bé.

Tang các con chồng

1. Đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu, tang các con chồng và dâu cả, thì đều 1 năm, dâu thứ 9 tháng. Kế mẫu lại đi lấy chồng mà con chồng ở theo, thì tang con ấy 1 năm. Người con ấy báo tang lại kế mẫu ấy cũng 1 năm, con ấy tang anh chị em của kế mẫu thì 5 tháng.

2. Giá mẫu, xuất mẫu, tang các con chồng và dâu cả thì đều 1 năm, dâu thứ 9 tháng, mà con gái ấy cũng báo tang chồng mình chín tháng. Con cha sau là chồng của giá mẫu, xuất mẫu ấy đều không tang.

Thứ mẫu: Tang con mình cùng con chồng đều 1 năm.

Tang họ ngoại (họ nhà mẹ)

1. Tang ông bà sinh ra mẹ cùng anh chị em ruột với mẹ - tục gọi là cậu hay bà dì, già thì đều 5 tháng. Vợ cậu, chồng dì thì không tang, nếu có cùng ở một nhà thì vợ cậu, chồng dì mình để tang 3 tháng.

Trong dân gian có câu:

“chồng cô, vợ cậu, chồng dì

Trong ba người ấy chết thì không tang”.

2. Ông bà sinh ra đích mẫu, cùng anh em, chị em ruột với đích mẫu thì 5 tháng.

3. Anh em, chị em con cô, con cậu ruột, cùng đôi con dì ruột: Tang 3 tháng.

4. Cậu tang cháu gái con nhà chị em ruột: Đều tang 5 tháng, không cứ đã đi lấy chồng, mà tang vợ cháu trai thì có 3 tháng.

5. Con của con gái mình và vợ cháu mình đều 3 tháng không cứ đã đi lấy chồng.

Vợ để tang họ nhà chồng

1. Cụ kỵ ông, cụ kỵ bà đều 3 tháng, còn như chú bác cùng cô của kỵ đều không tang.

2. Ông bà chồng: Tang 9 tháng.

3. Anh, em, chị, em ruột với ông chồng: Tang 3 tháng; bà cô ấy xuất giá thì thôi.

4. Ông bà sinh ra mẹ chồng: Tang 3 tháng.

5. Cha mẹ sinh ra chồng: áo quần sổ gấu 3 năm, dù chồng có đi làm con nuôi nhà người, thì tang theo như chồng.

6. Bác trai, bác gái, chú thím cùng anh em ruột với cha chồng thì 9 tháng, cô là chị em ruột với cha chồng: Tang 5 tháng.

7. Ông bác, bà bác, ông chú, bà thím họ, cùng bà cô họ: Tang 3 tháng. Cô ấy đã xuất giá thì thôi.

8. Vợ chở tang chồng cũng quần áo sổ gấu, tang 3 năm.

9. Anh em, chị em ruột với chồng cùng vợ của anh em: Đều 5 tháng.

10. Vợ chồng cùng chị em của con nhà chú bác: Tang 3 tháng. Nếu chị em đã xuất giá: Không tang.

11. Thứ mẫu để tang vợ lẽ cha chồng, cùng nàng hầu của nhà chồng: Đều 1 năm.

12. Con đẻ cùng các con chồng, con dâu cả của chồng: đều 1 năm; Các dâu thứ, cùng con gái đã xuất giá: Đều 9 tháng. Nếu người con gái ấy bị chồng bỏ, hay chồng chết, con lại chưa có: Tang 1 năm.

13. Anh em trai, gái nhà anh em ruột của chồng: Đều tang 1 năm. Vợ nó hay cháu gái đã xuất giá: Tang 9 tháng.

14. Cháu chú, cháu bác: Tang 5 tháng, vợ nó cùng con gái đã đi lấy chồng: Tang 3 tháng.

15. Cháu gái, cháu gái con nhà chú, bác: Tang 3 tháng. Vợ nó cùng con gái ấy đã xuất giá thì thôi.

16. Cháu trai, cháu gái: Tang 9 tháng. Cháu gái đã xuất giá: Tang 5 tháng.

17. Chắt, chắt gái trai: Tang 3 tháng, vợ nó cùng chắt gái đã xuất giá: Không tang.

18. Cậu chồng cùng dì chồng: Tang 3 tháng.

(Trở lên là tang họ nhà chồng, nếu ai bị chồng bỏ thì ơn nghĩa ấy cắt đứt, không phải để tang).

Chồng để tang nhà vợ

Chồng để tang nhà cha mẹ vợ 1 năm, còn đều không hết. Vợ chết lấy vợ khác cũng vậy.

Nàng hầu để tang bên chồng

1. Cha mẹ sinh ra chồng: Tang 1 năm.

2. Chồng: Quần áo sổ gấu 3 năm, vợ cả chồng: Tang 1 năm.

3. Tang các con chồng cùng con mình: 1 năm; con cái họ hàng bằng thân: Không tang.

Gái xuất giá tang họ mình

1. Cụ kỵ, ông bà: Để tang theo như anh em trai thế nào mình cũng thế.

2. Anh em, chị em ruột với ông: Tang 3 tháng; Bà cô đã đi lấy chồng thì không tang.

3. Cha mẹ sinh ra mình, áo vén gấu, tang 1 năm.

4. Bác trai, bác gái, chú thím cùng cô ruột với cha: Tang 9 tháng.

5. Anh em con chú, con bác với cha: Đều 3 tháng. Cô ấy đã xuất giá thì thôi.

6. Anh, chị em ruột: Đều 9 tháng; chị dâu: 5 tháng, duy trưởng năm: 1 năm (cha đã chết rồi).

7. Anh em, chị em con chú, con bác: Tang 5 tháng; Vợ: không tang; chị em đã đi xuất giá: 3 tháng.

8. Con nhà anh em gọi là cô ruột: Tang 9 tháng.

9. Cháu chú, cháu bác: Tang 3 tháng. Vợ nó cùng con gái đã xuất giá: Không tang.

10. Con nhà chị, em gái nó gọi là dì: Tang 3 tháng.

Con gái đã xuất giá

Các tang có giáng; xong đều bị chồng bỏ, chồng chết lại không có con, trở về nhà, cũng như chưa lấy chồng: Tang không giáng.

Đang để tang cha mẹ chưa được 1 năm mà chồng bỏ thì phải để tang cha mẹ 3 năm, hoặc để tang cha mẹ được 1 năm đã trừ phục đoạn, thì không được để lại 3 năm, dù phía chồng bỏ trước, sau mới để tang cha mẹ. Chưa đủ 1 năm mà chồng mới gọi về thì không nên vội, nên để trọn 3 năm xong mới trở về.

Trường phục

Có 3 loại:

1. Trưởng trường: Từ 16 - 19 tuổi.

2. Trung trường: Từ 12 - 15 tuổi.

3. Hạ trường: Từ 8 - 10 tuổi (đều lấy thứ tự giáng một bậc). Ví dụ: Trai đã lấy vợ, gái đã lấy chồng, dẫu còn trẻ. Cũng không thể gọi là trưởng được, như vốn mình phải tang 1 năm, trưởng trường giáng xuống 9 tháng, trung trường giáng xuống 7 tháng, hạ trường giáng xuống 5 tháng.

Như vốn giáng 9 tháng, trưởng trường giáng 7 tháng, trung trường giáng 5 tháng, hạ trường giáng 3 tháng. Các trường hợp khác đều như thế mà suy.

Tang bên cha mẹ nuôi

1. Kỵ bên cha mẹ nuôi: 3 tháng; cụ bên cha mẹ nuôi: 5 tháng; ông bà bên cha mẹ nuôi: 1 năm.
2. Cha mẹ nuôi có áo bằng gấu hoặc sổ gấu 3 năm, có cả gậy.
3. Từ ông bà trở lên, nếu mình thừa trọng cũng sổ gấu 3 năm.
4. Ông bà sinh ra mẹ nuôi: Tang 5 tháng, còn thì đều không tang.

Tang họ nhà mình

(Đã làm con nuôi người để tang bên họ nhà mình)

1. Ông bà sinh ra cha: Tang 9 tháng.
2. Cha mẹ sinh ra mình: Tang 1 năm có gậy.
3. Bác trai, bác gái, chú thím và cô là anh em ruột với cha: Đều 9 tháng, cô đã xuất giá: Tang 5 tháng.
4. Anh em, chị em ruột: Tang 9 tháng; chị dâu, em dâu: Tang 5 tháng; chị em đã xuất giá: Tang 5 tháng.
5. Ông bà sinh ra mẹ: Tang 53 tháng.

Trọng tang gặp trọng tang

Đang có tang cha chưa xong, không may lại bị đến mẹ thì ngay lúc trừ tang cha, mặc đồ trừ tang làm lễ đại trường; làm xong thì mặc đồ để tang mẹ.

Nếu mẹ chết mà chưa chồng, lại bị vào nhị trường cha, thì không được mặc đồ trường phục; đang có tang mẹ mà bị tang cha cũng thế, mặc đồ phục mà sau lại gặp tang, tức là tang trước có trọng (tường là cát lễ, lễ chưa chôn là hung, tuần tốt khóc mới gọi là cát, có quần áo cũng không được mặc đồ trường phục, chớ nên đang lúc hung mà làm cát lễ).

Trường tang gặp khinh tang

Đang có tang cha mẹ mà gặp phải tang anh em, mặc dù 3 tháng là khinh tang; cũng nên đến mà khóc; đến lúc thành phục, thì mặc áo tang mà khóc, xong rồi lại mặc đồ tang cha mẹ. Nếu trừ trọng tang mà khinh tang chưa trừ thì lại phải mặc đồ khinh tang cho hết ngày tang kia.

Người đi xa xứ khác, biết tin thì khóc ngay ở đó. Đến hôm sau vào buổi sớm, mặc ngay đồ tang người mới chết, chưa thành phục

thì ngay sau lập bàn thờ nhà khác mà khóc, khóc xong lại phải mặc đồ trọng tang.

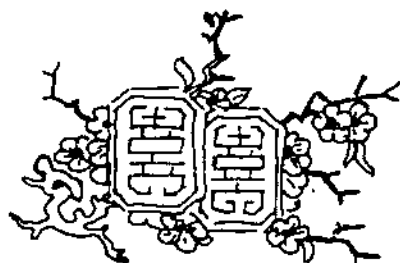
Tang vợ gặp tang anh, em

Đang có tang vợ mà gặp phải tang anh em, dù 3 tháng là nhẹ, cũng nên đi thăm.

Tang phục ngày thường

Tang phục theo cổ lễ nói trên chỉ áp dụng cho ngày đưa đám và các ngày lễ trước khi mãn tang. Còn trong ngày thường tục lệ Việt Nam áp dụng cách để tang giản tiện hơn, nhất là từ ngày chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây.

Đối với đại tang, ngày thường nữ chít khăn trắng, bỏ mũi sau lưng; áo dài không dùng màu sắc sặc sỡ và may trái sống; đối với các tang khác chỉ chít khăn trắng quăn lại.



Nguyên tắc áp dụng

Tuỳ theo liên hệ thân tộc xa gần, trên dưới, mỗi người sẽ để tang thân nhân quá cố theo tang chế ghi trên. Nguyên tắc tổng quát của việc áp dụng tang chế gồm những đặc điểm ghi sau:

- Đối với họ nội: Tang các bậc tôn trưởng lên đến đời thứ 5; tang anh em họ đến họ 4 đời. Tang con cháu đến đời thứ tư.

- ở cùng một ngôi thứ trong thân tộc, người chết là nữ đã xuất giá chỉ được những người khác chịu tang thấp hơn một bậc so với người là nam cùng ngôi thứ.

- Nữ đã xuất giá cũng giảm một bậc trong việc để tang đối với thân nhân thuộc của bên mình và được giảm bớt một bậc đối với thân nhân thuộc bên chồng, ngoại trừ các tang trọng thì phải chịu tang như chồng.

- Nam để tang họ ngoại rất nhẹ và trong giới hạn rất hẹp.
- Con trưởng phải để tang tổ 3 đời (ông bà) hoặc bốn đời, năm đời theo bậc đại tang để thay thế cho cha hoặc ông. Nếu những người tôn trưởng trung gian này đã chết trước vì người con trưởng ấy là thừa trọng của người vừa quá cố.
- Phải tang những người nào sẽ có bốn phận tang mình nếu mình chết, nhưng kém hơn ít bậc. Quy tắc này gọi là báo phục.

VII. PHÚNG VIẾNG, ĐƯA TANG, HẠ HUYẾT, ĐÁP MỘ

1. Tổng quan và lễ viếng

Ban tổ chức lễ tang thống nhất với tang chủ định giờ phúng viếng và làm lễ đưa tang. Có thể dùng bảng hoặc tờ bìa lớn (giấy dày) ghi thông báo với nội dung sau:

- Họ tên người mới qua đời;
- Ngày giờ mất;
- Thọ bao nhiêu tuổi;
- Thời gian phúng viếng từ mấy giờ đến mấy giờ;
- Giờ làm lễ truy điệu;
- Địa điểm chôn cất...

Thông báo này được treo trang trọng, nhưng phải treo ở những nơi thuận tiện để nhìn (có thể treo ở phòng khách đợi, phòng viếng tang, ở sân chờ...) để cho mọi người có thể xem dễ dàng, mà không cần phải hỏi tang chủ trong khi họ đang tang gia bối rối. Như vậy vừa đảm bảo khoa học, vừa trang nghiêm.

Trường hợp gia đình tang chủ ở sâu trong ngõ phố (có nhiều ngách đi thông nhau) hoặc ở trong khu nhà nhiều tầng, nhiều phòng biệt lập... Ban tổ chức lễ tang nên có các thông báo nhỏ, mang tính hướng dẫn ở trục đường chính đi vào, tạo điều kiện thuận lợi về những thông tin cần thiết cho người đến thăm viếng.

ở thành phố, thị xã, thị trấn, hoặc những nơi có phương tiện thông tin đại chúng nhanh nhất (như truyền hình, phát thanh, truyền thanh...) Ban tổ chức lễ tang có thể phối hợp với gia đình tang chủ cùng đoàn thể và Hội người cao tuổi gửi thông báo qua

các cơ quan thông tin đại chúng. Vì đây là phương tiện thông báo tới đông đảo quần chúng nhanh nhất.

Nếu người qua đời là cán bộ quản lý ngành, cơ quan, xí nghiệp cấp tỉnh, thành phố... thì cơ quan chủ quản, ban tổ chức lễ tang và gia đình tang chủ nên đưa “tin buồn” trên các báo địa phương. (Phần này có quy định của Ban tổ chức chính quyền cấp tỉnh, thành phố và chế độ chính sách của Sở lao động và thương binh xã hội về việc đăng “tin buồn” hay “cáo phó” trên các báo.

Các đám tang ở thành phố, hoặc ở những gia đình chật chội, ban lễ tang nên chủ động điều tiết nhịp độ phúng viếng cho hợp lý và khoa học (tránh tình trạng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể và họ hàng thân thích đến phúng viếng đông, lại tập trung vào thời điểm nhất định, khách viếng phải chờ trực lâu, lại không có chỗ ngồi, ảnh hưởng đến sự trang nghiêm khi viếng tang).

Trong khi khách chờ đợi viếng tang, ban lễ tang và gia đình tang chủ nên bố trí phòng đợi có bàn ghế để tiếp khách viếng nên có nước trà, trâu cau tiếp khách tùy thuộc vào điều kiện của gia đình tang chủ và tùy tập quán của địa phương. (Nhiều địa phương có Quy ước nếp sống văn hoá là trong các đám tang không dùng thuốc lá và không ăn cỗ bàn.

Trường hợp nhà tang chủ quá chật chội, không thể có phòng đợi, thì ban tổ chức lễ tang và gia đình tang chủ dựng tạm mái che, hoặc làm rạp che bạt để cho khách chờ viếng tang ngồi.

Ban tổ chức lễ tang và gia đình tang chủ cần cử người hướng dẫn để xe và trông giữ xe đạp, xe máy và xe ô tô của khách đến viếng tang, để tránh sự lộn xộn hoặc thất lạc hoặc mất mát tài sản của khách viếng tang.

Đúng giờ viếng tang, Ban tổ chức lễ tang mời thân nhân của gia đình tang chủ vào viếng trước. Tiếp theo, là đoàn đại biểu của cơ quan chủ quản của người quá cố. Các đoàn khách khác và bà con thân tộc, bè bạn... đến viếng tang cần báo cho ban tổ chức (gọi là đăng ký), để ban tổ chức sắp xếp và điều hành theo thứ tự. Khách đến viếng nếu có đem theo vòng hoa, khi chưa đến lượt mình, thì vòng hoa được để bên ngoài, không làm ảnh hưởng đến

đoàn khách đang viếng. Khi có thông báo đến lượt đoàn mình, thì vòng hoa được trao cho ban tổ chức, mọi người bỏ mũ nón, chỉnh tề vào viếng tang.

Nhân dân ta nhiều nơi vẫn có tập quán phúng viếng bằng nhang, nến, phong bì (tiền). Những thứ này được để lên chiếc đĩa đặt ở bàn thờ trước linh cữu.

Lúc này, khách viếng tang có thể thắp nhang (hoặc được ban tổ chức đưa cho thắp nhang). Nếu đoàn viếng tang đông người thì chỉ người đại diện của đoàn thắp nhang. Sau khi thắp nhang, khách viếng có thể mặc niệm hoặc chấp tay vái người quá cố trước linh cữu.

Cần lưu ý khi phúng viếng người quá cố thì khách viếng tang chỉ vái người quá cố 2 vái (theo quan niệm của nhân dân ta là mặc dù người đã chết nhưng chưa chôn xuống đất thì chưa thành ma như người sống còn ngọn lửa là còn sự sống. Cũng như trước đây nhiều nơi có tập quán “lễ sống bố mẹ” cũng chỉ vái 2 vái). Khi khách phúng viếng bố mẹ mình 2 vái, thì thân nhân của người quá cố đáp lại 1 vái với hàm ý là: Xin nhận 1 vái và xin gửi lại 1 vái.

Khi phúng viếng xong, khách đi vòng linh cữu để nhìn mặt người quá cố, rồi chia buồn với thân nhân và tiếp tục đi ra phòng ghi sổ tang hoặc phòng tiếp khách của tang chủ, để chờ làm lễ truy điệu và đưa tang.

Hầu hết các gia đình tang chủ hiện nay đều bố trí có bàn ghi sổ tang. Khi viếng xong, trưởng đoàn hoặc bạn bè thân thích có thể ghi sổ tang tại bàn. Lời văn ghi trong sổ tang thường rất ngắn gọn, xúc tích, thống thiết nghĩa tình.

Từ lúc khâm liệm, phúng viếng, đưa tang, hạ huyệt... tang chủ có thể chụp ảnh, quay băng hình (đặc biệt đối với các đoàn viếng tang và khách viếng tang) để lưu giữ lâu dài.

Vị trí đứng của gia đình tang chủ ở phía bên trái linh cữu. Người chủ trì (quan trọng nhất, gần gũi nhất) đứng phía đầu linh cữu, tiếp theo là những người vợ hoặc chồng của người quá cố, thứ đến là con trai, con gái, con dâu, con rể, cháu chắt, họ hàng gần...

Người ta phải dùng câu đối để nói về thân thế và gia cảnh của người qua đời bằng hình thức khái quát nhất. Câu đối, dân ta thường dùng hai mảnh vải vuông (loại vải chiều ngang 40 phân), mỗi mảnh dài khoảng 1,2m, viết chữ vào đấy nhằm ca ngợi nhân cách của người quá cố. Sau 49 ngày hoặc 100 ngày, gia chủ giặt các câu đối đi.

Dân ta còn phúng các bức trướng. Trên bức trướng người ta viết những lời cầu mong sự tốt đẹp cho người mới qua đời. Nhưng cần lưu ý là đối hoặc trướng phải phù hợp với trình độ hiểu biết và nhân cách của người quá cố khi còn sống.

Ngày xưa, những bức trướng và câu đối phúng viếng được treo ngay ở xung quanh tường nơi đặt linh cữu để hương hồn người khuất có thể nhận thấy được và cũng để những khách tới viếng có thể đọc thưởng thức nghệ thuật văn chương với ý hay, lời đẹp.

Ngày xưa, mọi người rất trọng văn nho, đối trướng, cho nên mỗi người con trai, con gái đều có câu đối khóc cha, vợ khóc chồng và cả anh em cũng có thể khóc lẫn nhau.



2. Đưa tang

Trước giờ đưa tang, Ban lễ tang thông báo cho khách đã viếng tang và thân nhân về kế hoạch cụ thể và giờ giấc đưa tang.

Đúng giờ quy định, Ban lễ tang mời thân nhân và khách đưa tang tập trung trước linh cữu để làm thủ tục lấp cá và đóng chốt ván thiên của áo quan để chuẩn bị làm lễ truy điệu.

Hiện nay, lễ truy điệu thường được tổ chức tại nơi quàn thi hài (vì nơi đó bà con đến phúng viếng và đưa tang đông đủ nhất,

trong số đó có một số người chỉ đưa tang một đoạn). Tuy nhiên, ở các làng quê Việt Nam, nhiều đám tang khi hạ huyệt mới đọc lời điếu. Vì mọi người đều đưa tang ra tới huyệt, nên tại nghĩa trang địa phương, bà con họ hàng, bạn hữu, thân thích có mặt đông đủ nhất. Đó cũng là giờ phút vĩnh biệt cuối cùng. Đây cũng là hình thức lễ truy điệu, tuy không phải là phổ biến, song cũng hợp lễ và được chấp nhận.



3. Điếu văn

Thường khi có người nằm xuống, tang chủ phải chuẩn bị điếu văn ngay. Điếu văn có thể do Hội người cao tuổi cơ sở chuẩn bị và do tang chủ cung cấp tư liệu. Điếu văn cũng có thể do cơ quan chủ quản người quá cố soạn thảo, sau đó được gia đình tang chủ bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện.

Nội dung điếu văn, lời điếu hoặc lời vĩnh biệt phải nói lên được tình cảm thương tiếc, nhớ thương của những người đang sống đối với người quá cố.

Tuỳ theo công trạng, đức độ và những đóng góp của người quá cố đối với đất nước, đối với dân tộc, quê hương làng xóm, đối với gia đình, họ tộc... mà soạn điếu văn cho sát hợp.

Điếu văn hoặc lời điếu chỉ nêu những nét chủ yếu trong cuộc đời người quá cố, để con cháu tự hào và mọi người lấy đó làm tấm gương trong cuộc sống hằng ngày.

Trình tự điếu văn như sau:

Về người quá cố:

- Họ, tên, bí danh (nếu có).

- Ngày, tháng, năm sinh.

- Sinh quán.

- Trong một gia đình...

- Quá trình trưởng thành và những cống hiến đối với Tổ quốc, với dân tộc. Những cống hiến, hy sinh, dũng cảm trong chiến đấu (nếu đã tham gia quân đội. Những đóng góp, sáng tạo, kiên trì, nhẫn nại để hoàn thành những công trình và những công việc được cơ quan, xí nghiệp giao cho (nếu là cán bộ, viên chức). Hăng say lao động sản xuất ở đồng ruộng hoặc nhà máy, xí nghiệp...

- Tình cảm và uy tín của người quá cố trước đây đối với gia đình, họ hàng, bà con xóm phố, đồng đội, bè bạn...

- Trường hợp lâm bệnh và đã hết lòng cứu chữa, nhưng do ... không qua khỏi, nên đã từ trần vào hồi giờ, ngày ... tháng, ... năm ... Thọ ... tuổi.

Về những người đang sống:

- Vô cùng thương tiếc.

- Mất mát lớn lao của những người đang sống.

- Lời hứa của những người đang sống sẽ tiếp tục những công việc dở dang của người quá cố và trước giờ phút vĩnh biệt...

Lời văn ngắn gọn, khúc triết. Văn viết theo lối biên ngẫu, lời lẽ xúc động.

Người thay mặt Ban lễ tang đọc diếu văn, mọi người bỏ mũ nón, chỉnh tề y phục và đứng nghiêm trang lắng nghe.

Dứt lời diếu, mọi người mặc niệm một phút trước giờ vĩnh biệt và nhạc tang tiếp tục cử hành.

Nếu người quá cố là cán bộ, viên chức thì thủ trưởng cơ quan đọc diếu văn; nếu là xã viên Hợp tác xã thì chủ nhiệm HTX đọc; Nếu là Đảng viên thì Bí thư đảng uỷ đọc. Ở cấp Bộ, nếu là cán bộ cấp vụ thì thủ trưởng đọc; nếu thủ trưởng hoặc Bí thư đảng uỷ qua đời thì Bộ trưởng đọc diếu văn...

(Không nhất thiết mọi người qua đời đều phải có diếu văn. Nếu người quá cố không có gì đặc biệt thì trước khi chuyển cữu, ban lễ tang chỉ nên nói vài lời vĩnh biệt hoặc nói lời diếu).

Trước khi đưa linh cữu ra xe tang, người điều hành tang lễ mời mọi người đi vòng thi hài để nhìn mặt người quá cố lần cuối. Đi theo trình tự sau: Trước tiên là gia đình tang chủ, tiếp theo là họ hàng và thân bằng cố hữu...



4. Đưa linh cữu ra xe tang

Chọn những người khoẻ mạnh trong số con cháu, trừ trưởng nam (là người trưởng nam không trực tiếp khiêng quan tài), đồng sự, đồng nghiệp, đại diện chính quyền địa phương, long trọng viên... dùng tay khiêng linh cữu ra xe tang theo sự điều khiển của một thành viên trong ban lễ tang.

Khi khiêng linh cữu, người điều hành phải phân bố lực lượng cho đều (ai đứng ở vị trí đầu, ai cuối, người cao, người thấp như thế nào cho hợp. Nếu nhà cao tầng phải di chuyển thì hài xuống cầu thang thì những người đi trước phải khoẻ mạnh, cao...). Trước khi chuyển linh cữu, mọi người đều dùng tay nhắc bổng linh cữu lên một lần nhằm kiểm tra xem linh cữu đã thật chắc chắn chưa, rồi lại đặt xuống. Những người khiêng linh cữu đều nhất nhất theo hiệu lệnh của người điều khiển (người điều khiển mà thời xưa gọi là người chấp hiệu). Người điều khiển thường dùng hiệu lệnh để chỉ huy mọi người (thời trước, người chấp hiệu nhất thiết phải chỉ huy bằng mõ hoặc trống khải; ngày nay, nếu không có phương tiện ấy thì dùng một thanh tre làm mõ). Mọi người khiêng linh cữu phải trông người chỉ huy và theo những quy định chặt chẽ, cốt làm sao khi di chuyển linh cữu phải giữ được thật thẳng bằng. Tránh tình trạng không có người chỉ huy, gây ồn ào, lộn

xộn; lúc gặp tình huống khó khăn, những người chuyển linh cữu không biết theo ai, làm giảm sự trang nghiêm.

Thời xưa, người chỉ huy (gọi là người chấp hiệu) dùng trống khău hoặc hai thanh tre phát ra những tiếng cắc, cắc đều đều nghĩa là mọi việc ổn thoả, cứ thế mà đi. Khi có hai tiếng cắc, cắc từng nhịp là nâng lên hoặc hạ xuống một chút...

“Một tiếng bỏ đi, hai tiếng rù rì mà lên”.

Người chấp hiệu phải chỉ huy làm sao để cho linh cữu đi thật thẳng bằng. Trước đây, để khi di chuyển linh cữu cho thật thẳng bằng, người ta còn để trên nắp quan tài chén rượu, hoặc bát nước đầy, người chấp hiệu phải chỉ huy làm sao mà khi chuyển linh cữu (kể cả lúc lên xuống cầu thang) rượu và nước cũng không sánh ra ngoài mới đạt yêu cầu.

Nhất Thanh có viết về lúc đưa linh cữu như sau:

“Ta có tục muốn giữ cho thi hài người chết như được nằm yên, cho nên khi di chuyển cần phải êm ả nhẹ nhàng giống như để nguyên một chỗ không động đến. Nhà giàu có, thường hay treo giải cho đô tùy (người khiêng thi hài), để một bát nước đầy trên nắp quan tài, khiêng đi, nhắc lên, đặt xuống sao cho không sóng sánh nước ra mới là khéo.

Người chỉ huy điều khiển mọi người nhắc quan tài lên lần thứ hai, nhẹ nhàng xoay quan tài để đầu đi trước (ông cha ta có câu “đầu có xuôi thì đuôi mới lọt”).

Khi ra tới xe tang hoặc đòn khiêng thì nhẹ nhàng đặt linh cữu vào một cách cẩn trọng. Đầu linh cữu chuyển vào xe trước, chân ở phía sau.



5. Thứ tự đưa tang

Thông thường một đám tang, khi đưa tang được xếp theo đội hình như sau:

- Đi đầu là cờ tang chung.
- Phướn, đối, trưởng của Hội người cao tuổi hoặc của ban tang lễ (nếu có).

- Bàn để ảnh (chân dung người quá cố), hương hoa (trước đây gọi là long đình hay hương án). Ngày nay có thể đơn giản hơn là chỉ có người mang chân dung (có khung) người quá cố.

- Vòng hoa và các bức trướng khác (nếu có).

- Đội nhạc tang (kèn, trống, bát âm...).

- Linh cữu. (Theo cổ lệ là “cha đưa, mẹ đón”, nghĩa là: Nếu người chết là cha thì con trai chống gậy tre đi theo sau quan tài. Nếu người chết là mẹ thì con trai chống gậy vòng đi giạt lùi, con gái và con dâu phải gào khóc và lăn mình trên đường trước xe tang làm như cản lại, để tỏ lòng hiếu thảo!).

Việc đi giạt lùi đó là biểu hiện của sự thương cảm, con cái không muốn cha mẹ ra đi, ý muốn cản lại. Thực ra khi nghiên cứu kỹ vấn đề này, nhiều nhà nghiên cứu văn hoá dân gian cho rằng: Người phụ nữ qua đời trước khi khâm liệm người ta đã dùng bông gòn nút hai lỗ tai, hai lỗ mũi và hậu môn để không cho tà khí thoát ra; riêng âm hộ thì không dám nhét cái gì vào, nên tà khí sẽ bốc ra từ đường âm hộ gây ô nhiễm cho con cháu, vì họ đi liền sau đó. Ngày nay, ở các đám tang thì con trai, con gái đều đi theo sau quan tài.

- Tiếp theo là thân nhân người quá cố (theo trình tự: con trai, con gái, con dâu, con rể, cháu, chắt...).

- Rồi đến họ hàng, bà con xóm phố, bè bạn... (khách đưa tang).

Ở nông thôn, nghĩa trang thường không xa khu dân cư sinh sống, nên không cần có phương tiện cơ giới đưa linh cữu đi, chỉ có xe tang kéo tay, hoặc có nơi còn khiêng bằng đòn khiêng thì đội hình đưa tang đi từ nơi cất quan đến mộ huyệt vẫn theo thứ tự như trên.

Mọi người qua đường gặp đám tang, nhường đường cho đám tang đi qua và ngả mũ nón chào vĩnh biệt. Xe cơ giới (kể cả xe máy) khi gặp đám tang thì tắt máy, ép xe sát vào bên đường, nhường cho đám tang đi qua... Tất cả những điều nói ở trên là biểu hiện của văn hoá - văn minh.

Ở thành phố, thị xã nghĩa trang xa hàng chục cây số, thường phải có xe tang bằng cơ giới phục vụ, thì đội hình đưa tang cũng như trên. Xe đưa linh cữu và xe chở khách đưa tang thường đi chậm (tốc độ xe chạy chỉ như người đi bộ chậm). Sở dĩ xe phải chạy chậm vì tang chủ muốn níu kéo người quá cố ở với con cháu lâu hơn, để tỏ lòng thương tiếc. Quảng đường đám tang đi chậm khoảng 200m, nếu địa thế đoạn đường quá hẹp, lại là nơi giao thông qua lại đông đúc, thì chỉ nên đi chậm một đoạn ngắn khoảng 100m, rồi dừng lại. Lúc này, người thay mặt ban tang lễ hoặc đại diện gia đình tang chủ nói lời cảm ơn đối với những người đưa tang và mời những ai có điều kiện thì lên xe đi ra nghĩa trang. Lúc này, tùy theo tập quán từng nơi, ban tang lễ hoặc gia đình tang chủ cử người mời trầu, mời thuốc lá đối với những người đưa tang một đoạn ngắn để vừa đáp lễ, vừa từ biệt. Đây cũng là phong tục đẹp được định hình ở nhiều địa phương, cần phát huy. (Nơi nào hoặc gia đình nào không có điều kiện, hoặc không có tập quán này thì không nhất thiết phải làm theo).

Những người có điều kiện đi tiếp ra nghĩa trang thì được ban tang lễ sắp xếp lên các xe đã được bố trí trước để đưa khách viếng ra nghĩa trang. Lúc này xe chạy hanh hơn, nhưng ngay ở những đoạn đường tốt, tốc độ của xe cũng không nên chạy không quá 25km/giờ. Ở những đoạn đường xấu, hoặc đoạn đường có nhiều ổ gà, người lái xe phải chạy chậm và chạy thật cẩn thận, để đảm bảo cho sự an toàn và trang nghiêm của đám tang.

Nhiều đám tang khi chuyển linh cữu từ nhà tang lễ về nơi an nghỉ cuối cùng, thường vòng về qua nhà, rước ảnh lên bàn thờ, thắp hương, làm lễ, sau đó mới đi tiếp ra nghĩa trang. Tuy nhiên, có những đám tang không thể đưa xe tang về qua

nhà được vì đường phố quá chật hẹp - nhất là ở các khu nhà cao tầng. Mặt khác, tục đưa linh cữu về qua nhà cũng là mới đặt ra gần đây, không nhất thiết cứ phải làm theo. Trong trường hợp gia đình tang chủ nào thấy cần thiết, thì ban tang lễ và tang chủ phải chuẩn bị trước thật chu đáo, để xe tang đưa qua nhà được thuận lợi, không làm tắc nghẽn giao thông ở khu dân cư.

Hầu hết các đám tang ở nông thôn cũng như thành phố, khi đưa quan tài đi đường (từ nhà đến nghĩa trang), các gia đình tang chủ thường rắc vàng mã dọc đường. Đó là loại vàng thoi bằng giấy có cốt nan. Theo quan niệm của người xưa, thì đây là tiền mãi lộ cho ma cũ, để không bắt nạt ma mới, không gây rắc rối lúc đi đường. Mặt khác, phải rắc vàng để đánh dấu, thì sau này linh hồn người chết mới biết lối mà trở về nhà trong những ngày giỗ, tết, tuần tiết.

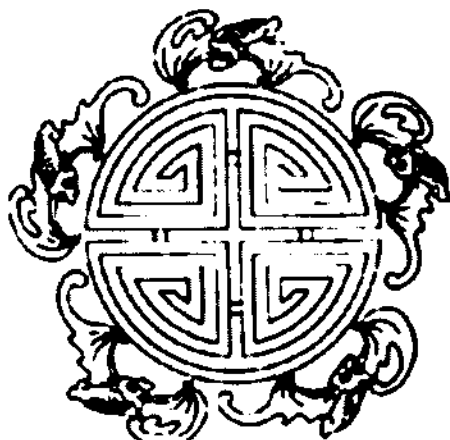
Trước đây, ở nhiều địa phương khi linh cữu được chuyển ra xe tang thì trong nhà đốt một bánh pháo. Theo quan niệm của dân ta là đốt pháo để trừ tà. Nhưng thực chất là đốt pháo để trừ uế khí, nhằm phá tan bầu không khí lạnh lẽo, chết chóc. Nhưng hiện nay tục này không còn được duy trì.



6. Hạ huyết

Khi chuyển linh cữu ra tới huyết, linh cữu được hạ xuống cạnh huyết. Ban lễ tang chờ cho mọi người đến đông đủ (nếu trước khi cất quan chưa đọc diếu văn, thì diếu văn được đọc vào lúc này), mọi người cúi đầu vĩnh biệt người quá cố.

Theo tập quán của dân tộc, trước khi hạ huyết, người ta phải làm lễ cúng thổ thần ở ngoài nghĩa địa. Tang chủ thường chuẩn bị trâu, rượu, vàng hương và đĩa xôi kèm theo miếng thịt lợn hoặc miếng thịt chân giò, để xin phép được an táng người chết tại nơi đây. Các nghĩa địa thường có một cái miếu nhỏ, cũng có nơi chỉ có ban thờ thổ thần bằng một bệ thờ ngoài trời được xây cẩn thận bằng gạch. Nếu trường hợp nghĩa địa cũng không có bệ thờ thần thổ địa, thì tang chủ chuẩn bị một cái ghế đầu, rồi đặt mâm cúng lên đấy để thực hiện nghi lễ.



Cần lưu ý: Để khi hạ huyết được trang trọng, đúng nghi thức truyền thống, Ban lễ tang hoặc tang chủ cần chuẩn bị 3 chiếc đòn khiêng, mỗi đòn dài khoảng 1,5m bắc ngang miệng huyết, rồi đặt linh cữu lên 3 đòn đó. Đồng thời, bên cạnh 3 đòn cũng luôn 3 dây thừng tốt, để khi hạ huyết, người ta cầm các đầu dây thừng nâng linh cữu lên, rút đòn khiêng phía dưới rồi từ từ hạ linh cữu xuống huyết (như vậy là phải có 6 người hoặc 12 người cầm đầu dây thừng khi hạ huyết).

Để giữ thăng bằng khi hạ huyết, vẫn cần có người chỉ huy bằng mõ (hoặc trống khải) như lúc cất quan và chuyển cữu bằng tay.

Khi đặt linh cữu xuống huyết, nếu thấy linh cữu bị lệch thì phải chỉnh bằng các đầu dây thừng và kê cho bằng phẳng. Trước khi lấp đất, để tỏ lòng thương kính, người thân thiết nhất của người mới qua đời ném những viên đất đầu tiên xuống nắp linh cữu. Tiếp theo, là thân nhân, bà con, bè bạn... mở đầu việc chôn cất.

7. Đắp mộ

Lấp đất, đắp thành mộ. Cần lưu ý là khi đắp đất lên mộ, muốn cho đất chắc lại, kết dính thành khối, không được dùng chân xéo lên để ép đất xuống, mà chỉ được phép dùng lưng của xẻng đập nhẹ vào. Những góc nào thấy lép đất thì phải vạ cho đủ, để tạo dáng ngôi mộ cân đối, đầy đặn. Độ to, nhỏ, cao, thấp của nấm mộ tùy thuộc vào điều kiện đất đai ở nghĩa trang và cũng tùy thuộc tập quán của từng địa phương, nhưng thường chiều cao của nấm mộ không dưới 0,80m so với mặt bằng của đất nghĩa trang.

Những vùng đất màu tươi, muốn đắp thành những nấm mộ cao, người ta thường cuốc lấy những tảng đất có lẫn bề mặt cỏ úp xuống nấm mộ. Nơi giáp lai giữa các tảng đất đó được vằm ra để cho lấp các kẽ hở. Ở những vùng ven biển (cát nhiều), người ta thường xếp đá thành hình nấm mộ, rồi đổ cát lên, để cát không trôi đi.

Đặt bia ở phía chân mộ. Cắm hương ở trước bia và ở giữa mộ. Người ta thường cuốc một tảng đất có bề mặt cỏ, rồi chặt theo hình tròn, đặt phía trên giữa mộ, để cắm hương.

Khi ngôi mộ đã đắp hoàn thiện, những vòng hoa viếng tang được đặt xung quanh mộ. Ở các tỉnh phía Nam, những năm gần đây bên cạnh viếng tang bằng vòng hoa tươi, người ta còn phúng điếu bằng vòng hoa cườm. Những vòng cườm này không để lại nơi mộ, mà đem về nhà cùng các đối, trướng treo trên tường xung

quanh bàn thờ người mới qua đời. Ảnh người quá cố cũng được rước về nhà, đặt vào đúng vị trí thờ ở bàn thờ.

Khi đã hoàn tất mọi công việc chôn cất, ban lễ tang hoặc tang chủ nói lời cảm ơn cuối cùng trước tất cả những người đưa tang.

Những đám tang theo nghi lễ nhà Phật thì các Phật tử chờ khi lấp đất xong, mỗi người cầm một nén nhang, tụng kinh, niệm Phật đi xung quanh ngôi mộ, rồi mỗi người cầm một hòn đất ném vào mộ, gọi là dong nhan.

Những đám tang tử sĩ và tang các lãnh tụ quốc gia mà quan tài được phủ Quốc kỳ, thì khi hạ huyệt phải nâng Quốc kỳ lên, gấp lại và rước về nhà cùng với ảnh, không chôn cùng linh cữu.

Buổi tang lễ kết thúc, mọi người ra về.

Cần lưu ý, đối với đồng bào các dân tộc ít người, có những nghi lễ và phong tục tập quán riêng, nhưng các bước của đám tang vẫn theo trình tự như trên.

Khi chôn cất xong, thân quyến có thể họp mặt riêng khi trở về nhà để rà soát lại các công việc, xem có gì còn thiếu sót, hoặc việc gì phải làm tiếp, rồi chuẩn bị nội dung để đưa tin cảm ơn trên báo, trên đài.

8. Tang lễ theo phong tục người Việt

Tang lễ là một nền văn hóa luôn luôn được người Việt Nam giữ gìn khi gia đình có người qua đời. Bốn phận quan trọng của người con là cung dưỡng song thân khi tuổi già yếu và hoàn tất tang lễ khi quá vãng. Những bốn phận này cần thực hiện đúng nghi thức để tỏ lòng tôn kính, báo đền công sinh thành dưỡng dục và tình cảm thiêng liêng của cha mẹ dành cho con cháu. Hiện nay một số phong tục, nghi lễ vẫn đặt biệt được cử hành trước và sau khi cha, mẹ từ trần.

Người Việt Nam tin tưởng rằng: Sự “ra đi” tại nhà và được thân nhân bên cạnh là điều may mắn. Họ cho rằng chết xa nhà là điều bất hạnh và rủi ro khi phải khiêng hòm từ nơi khác về. Có những trường hợp người bệnh được đưa đi bệnh viện và khi biết giờ chết đến gần, họ vội vã về chết ở nhà. Bà con, quyến thuộc

quây quần bên người sắp quá vãng và mọi sự được thể hiện trong không khí trầm lặng. Trong lúc này, người con trai lớn ghé sát tai lắng nghe những lời khuyên bảo, dặn dò hoặc trấn trối từ người hấp hối.

Theo một số truyền thống, khi song thân quá vãng, các người con không chấp nhận sự chết của song thân mình. Họ đặt một chiếc đĩa gần miệng người chết và thi hài để trên tấm chiếu, đầu hướng phía cửa nhà (hướng Đông). Miệng người quá vãng được mở ra để khách viếng thăm có thể bỏ gạo hoặc tiền vào (trường hợp gia đình giàu có). Người con trai trưởng hoặc con gái trưởng trong gia đình lấy chiếc áo của bố hoặc mẹ thường dùng khi còn sống vung vẩy trên không trung và gọi hương hồn người mất trở về thân xác. Sau khi thực hiện lễ này, thi hài được cất người con lớn đem tắm, rửa bằng dầu thơm hoặc rượu để tẩy đi những các bụi của thế gian. Mục đích này làm cho gân cốt người mất thư giãn và ngay thẳng lại. Song song đó tóc của người mất trải gọn gàng, móng tay và móng chân được cắt cụt. Sau đó mặc quần áo cho người quá vãng thường sử dụng khi tại thế, hoặc mặc áo Phật (lục phù) hay áo phép (áo trắng có may cây thánh giá màu đen trước ngực) rồi đặt thi thể lên giường, xếp chân tay ngay ngắn lại. Dầu dừa, trà và chuối xanh được đặt lên bụng người quá vãng để xua đuổi những ma quỷ đến quấy rối. Trong khi chờ đợi các Thầy hoặc Cha đến tụng kinh, gia đình treo màn phủ lên người quá vãng và tạm thời đặt chiếc bàn con ở phía đầu. Nếu gia đình ảnh hưởng Khổng Giáo, Lão Giáo hay thờ cúng tổ tiên thì đặt một chén cơm, một quả trứng và đôi đĩa. Theo đạo Thiên Chúa đặt miếng giấy bìa cứng có ghi tên Thánh của người chết.

Lễ nhập liệm thường được hướng dẫn theo hai quan điểm Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo. Người quá vãng thường được mang tới chùa, nhà thờ hoặc nhà quàn để nhập quan tài. Theo nghi lễ Phật Giáo nhập liệm được chia làm nhiều phần như sau: Nhập liệm, cúng cơm, động quan, hạ huyệt... Gia đình tang chủ được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ và theo quan hệ người mất, tất cả quỳ trước bàn thờ Phật và hương linh. Sau khi các

Thầy làm các nghi lễ cổ truyền và tụng kinh, nhân viên dịch vụ tiến hành mặc đồ tắm liệm và quần vải liệm. Trong lúc người con trưởng hoặc cháu đích tôn đứng bên cạnh, tất cả gia đình nhiều quanh quan tài ba vòng nhìn mặt người quá vãng lần cuối. Tang phục là văn hoá của người Việt Nam. Tang phục được làm bằng vải tám hoặc vải màn màu trắng, người trưởng nam, vợ hoặc chồng và cháu đích tôn thường mặc nguyên bộ tang phục, còn lại tất cả đều phải chít khăn tang trên đầu. Trên bàn thờ Phật có các tượng hoặc hình, đĩa trái cây, bình hoa và lư hương. Trên bàn hương có thêm 3 bát cơm, ba ly trà nhỏ và các thức ăn khác. Đại diện gia đình gấp thức ăn vào chén cơm, dâng lên ngang trán khi được Thầy hướng dẫn. Theo luật luân hồi của Phật Giáo hương linh vẫn có thể còn vất vưởng trong vòng 49 ngày sau khi lìa thân xác. Quý Thầy tụng kinh, làm lễ trước khi di chuyển quan tài đi hỏa táng hoặc mai táng. Nhân viên dịch vụ đồng xá ba xá tỏ ý kính trọng người mất và xin phép gia đình di quan. Theo nghi lễ Phật giáo, các vị sư đi trước tụng kinh. Trưởng nam và cháu đích tôn bung lư hương và hình người quá vãng đi sau quan tài. Quan tài được khiêng cung kính và theo nguyên tắc “đầu Quan đi trước, chân áo Quan đi sau”. Gia đình, họ hàng và quý khách tham dự lần lượt nối tiếp tiến đưa người quá vãng đến nơi “an nghỉ cuối cùng”.

Theo nghi lễ Thiên Chúa Giáo, gia đình không đặt nặng các phần cúng kiến mà chủ yếu đọc kinh cầu nguyện. Các vị Cha đọc kinh, làm lễ nhập niệm (dùng vải trắng), các phần còn lại do các vị có trách nhiệm đảm nhận. Bàn thờ theo Thiên Chúa Giáo đơn giản là một bảng tên thánh, lư hương (ít dùng), bình hoa huệ trắng, cây thánh giá, phía sau quan tài có một tấm vải thiêu tên giáo xứ, trước nhà có treo bốn lá cờ nhỏ có thêu chữ “Sống gửi, thác về”. Nghi lễ động quan Thiên Chúa giáo gồm có hai phần. Bà con, họ hàng đọc kinh, cầu nguyện trước lúc di quan và sau đó đưa linh cữu vào nhà thờ làm lễ. Thông thường, lúc sinh tiền người quá vãng đi lễ tại đâu thì được Cha Sở của nhà thờ đó làm lễ.

Tang lễ được coi rất quan trọng trong văn hóa của người Việt Nam. Trong thời gian này, con cháu quy tụ đầy đủ dự tang. Mọi tục lệ cưới hỏi, nôi thôi, sinh nhật, kỷ niệm... đều ngưng lại chờ sau khi xả tang. Nhưng đặc biệt đối với Tết, ngày vui cổ truyền của dân tộc, gia đình phải gác mối sầu riêng để hòa cùng niềm vui của dân tộc. Vì vậy, có tục lệ “cất khăn tang” trong ba ngày Tết. Nhà nào có đại tang thì kiêng không đi chúc Tết, mừng tuổi bà con. Ngược lại bà con, xóm giềng đến chúc tết và an ủi những gia đình bất hạnh.

Theo truyền thống, gia đình có song thân qua đời thường được để tang ba năm. Thời gian gần đây, các tang quyến giảm bớt nghi lễ nhưng vẫn bảo đảm phần trang nghiêm. Sau khi an táng thân mẫu xong, thành viên trong gia đình sinh hoạt bình thường; người lớn tiếp tục công việc, làm ăn buôn bán, con cháu tiếp tục học hành. Đối với vấn đề tang phục không còn bị bắt buộc mặc, họ điều chỉnh lại thành những bản vải nhỏ cột xung quanh tay hoặc miếng danh hiệu gắn lên cổ áo.

Tang lễ trong gia đình đã có tập tục từ rất lâu. Các phong tục, nghi lễ được truyền từ tổ tiên đời này sang đời khác mang những tính chất huyền bí và bắt nguồn gia lễ xưa của phương Đông. Ngày nay các tập tục này đã lỗi thời nhưng vẫn được áp dụng rộng rãi trong nhân dân. Tang lễ được ảnh hưởng bởi tôn giáo, tùy theo tín ngưỡng của từng tôn giáo mà gia đình có những cách thức tiến hành tang lễ khác nhau. Tang lễ là sự tiêu biểu truyền thống, cách sống của người Việt Nam. Hình thức tang lễ nói lên tình nghĩa của những người cùng chung dòng máu, chia sẻ những gì khi còn sống và sau khi mất họ vẫn ở mãi trong lòng những người thân. Người Việt Nam cho rằng chết không có nghĩa là không còn nữa mà chỉ “mất đi”. Phần thân xác mất chứ tâm linh không mất. Con người mất đi thì vẫn hiện hữu qua nhiều hình thức khác.

Đến giờ phát tang người phó cả vung cây dùi gõ gõ xuống mặt trống ba hồi chín tiếng. Ngừng trống, tiếng kèn bắt đầu vang lên. Sau đó, tiếng nhị cùng hoà theo ai oán nức nở.



Tang đã phát

Từ đây, tiếng kèn, nhị, sáo, trống cùng tiếng khóc của người nhà vang lên không dứt. Đám tang được dự báo là suôn sẻ, anh em, con cháu thuận hoà vì khúc kèn lâm khốc ngọt, sâu, không trúc trắc.

Đêm xuống, đám tang chuyển sang phần ai vãn, cũng là lúc thân bằng quyến thuộc “trả nghĩa”. Đây cũng là phần chính của đám tang.

9. Nhạc hiếu dân gian người Việt

Xưa nay người Việt có quan niệm con người ta có hai thế giới, một thế giới tạm và một thế giới vĩnh hằng - sinh ký tử quy. Khi sống là ở Thế giới tạm, khi thác là về Thế giới quy. Con người mất đi ở Thế giới tạm đã gây ra nỗi tiếc thương vô hạn cho người ở lại. Nhưng để người đi được bình an, người ở lại thầm cầu mong thần phật đưa họ trở về miền cực lạc ở Thế giới quy. Hai trạng thái tình cảm của tang chủ xảy ra cùng lúc trong tang lễ có xuất phát từ quan niệm hai thế giới trong cuộc sống đời người. Để thoả mãn trạng thái kép xảy ra cùng lúc trong tang lễ người ta đã tạo được một tổ chức nhạc Hiếu đủ khả năng biểu đạt.

Thứ nhất - tổ chức dàn nhạc:

Tuỳ vào khả năng tài chính, khả năng chuyên môn mà tổ chức dàn nhạc hiếu ở mỗi địa phương có thể có các quy mô khác nhau,

nhưng luôn luôn phải có hai tổ chức dàn nhạc là dàn nhạc viếng (lễ) và dàn nhạc rước. Mỗi dàn nhạc đáp ứng một nhu cầu.

- Dàn nhạc viếng gồm:

+ Kèn (còn gọi là kèn đám ma)

+ Nhị

+ Hồ

+ Tiêu

+ Trống cơm.

(Thuở xưa dàn nhạc Hiếu không có đàn bầu, đàn bầu chỉ dùng cho nhạc Xẩm. Mặt khác tiếng đàn bầu rất nhỏ không phù hợp với khối âm thanh lớn của dàn nhạc Hiếu. Ngày nay nhờ có thiết bị trang âm người ta đã đưa đàn bầu tham gia dàn nhạc Hiếu).

- Dàn nhạc rước linh gồm:

+ Kèn

+ Sáo

+ Nhị

+ Hồ

+ Đàn tam.

+ Đàn tứ.

+ 4 đến 6 trống bản.

+ Trống cơm.

+ 1 trống cái.

+ Chiêng (có nơi có cả thanh la nã bạt).

Thứ hai - chức năng của mỗi dàn nhạc:

- Chức năng dàn nhạc viếng:

Dàn nhạc viếng tấu các bài viếng khi quan tài đang quàn trong nội thất của tang chủ. Nhạc cụ chủ yếu là nhạc cụ hơi, nhạc cụ dây kéo và trống cơm. Đây là một tổ chức dàn nhạc có âm thanh và âm sắc phù hợp với không khí trong nhà tang chủ. Bằng lối nhấn chậm, vuốt âm, miết vĩ, các nhạc cụ hơi và dây kéo đã tạo ra những âm thanh rất đặc trưng cho hình thức âm nhạc này.

- Chức năng dàn nhạc rước linh:

Cuộc trở về này có nước mắt của những người ở lại và có cả sự cầu mong của họ cho người đi về cõi quy được bình an. Vì cái ý

nghĩa “quy” đó, cái ý nghĩa trở về đó của người đã khuất mà người ta tạo ra dàn nhạc rước linh bên cạnh dàn nhạc viếng.

Dàn nhạc rước linh lấy trung tâm là bộ trống kết hợp với các nhạc cụ dây cung kéo, dây gảy, kèn, sáo. Nhằm thể hiện sự bình an của cả người đưa linh và linh hồn người đã khuất đều muốn được thanh thản khi rời bỏ cõi tạm nơi trần thế.

Thứ ba - các biểu mục âm nhạc:

- Biểu mục âm nhạc viếng.

Biểu mục nhạc viếng gồm có 5 bản:

+ Ba hồi trống báo.

+ Lâm khốc.

+ Bản hãm.

+ Bản kéo.

+ Kèn lễ.

- Biểu mục nhạc rước linh

Biểu mục âm nhạc rước linh gồm có 6 bản:

+ Rước linh

+ Thái bình (cung bằng, cung bường)

+ Lư thủy

+ Bình bán

+ Kim tiền.

Biểu mục một là những bản nhạc biểu lộ một cuộc tiễn đưa đầy nước mắt. Khởi đầu là ba hồi trống báo, tiếp theo là bản Lâm khốc, bản Hãm của kèn, bản Kéo, bản Lâm khốc của nhạc dây. Tất cả được nối nhau trình tấu liên hoàn. Âm điệu của chúng hòa với tiếng khóc ai oán của gia chủ và những người khóc mướn tạo ra bầu không khí bi thương.

Xét về mặt nghệ thuật, những bản nhạc trong biểu mục này đã làm cho tiếng khóc trong đám tang khác hẳn với những tiếng khóc khác trong cuộc sống thường ngày. Nó là tiếng khóc của cuộc chia ly vĩnh hằng giữa người ở lại và người đã khuất - tiếng khóc trong tang lễ.

Khác với biểu mục hai, đây không còn là những tiếng khóc xé lòng. Âm nhạc chuyển trạng thái khác, trạng thái cầu nguyện cho

linh hồn người đã khuất được bình an trên con đường trở về nơi có cuộc sống vĩnh hằng. Nơi ấy cũng là một xã hội với đầy đủ ý nghĩa như trên trần thế. Câu hát trong diễn xướng Chèo ma mô tả cảnh ở Thế giới quy:

“Tây phương có cảnh rõ ràng
Có vườn hoa bóng mát
Có chuông vàng thanh thoi”.

Khởi đầu của nhạc là nhịp trống rước linh có tiết tấu gần với nhịp trống nghinh thần như muốn khẳng định rằng: Đây là cuộc tiễn đưa linh hồn bình an trở về cõi. Nỗi xót thương đang nhường chỗ cho sự cầu mong. Tiếp theo, là các bài Thái bình, rồi Lưu thủy, Bình bán, Kim tiền những bản tiểu nhạc vui vẻ mừng linh hồn sẽ vĩnh viễn được sống sung sướng nơi miền cực lạc.

Sau lễ thành phục, trước lễ an táng phải làm gì?

Thời nay đơn giản, để giữ vệ sinh không nên để thi thể người qua đời quá 24 giờ. Thời xưa, có những nhà giàu sang để năm bảy hôm trong nhà, chờ con cháu về đông đủ, để họ hàng, làng xã, hàng tổng, hàng huyện đến phúng viếng; để dựng rạp trước sân, dựng nhà trạm dọc đường từ nhà đến mộ để chuẩn bị mọi thứ khí tế và cỗ bàn thiết đãi linh đình; để thầy cúng chọn ngày, thầy địa lý chọn đất an táng, phân kim lập hướng rõ ràng. Có nhà còn sắm đủ trong quan ngoài quách, quần tằm trong vườn, vài tháng sau mới làm lễ an táng.

Trong thời gian chưa chôn có “Lễ triều tịch điện”: Buổi sáng dậy bưng khăn lược vào linh sàng, các con quỳ khóc ba tiếng rồi quần màn lên cáo tử rằng: “Ngày đã sáng rồi xin rước linh bạch ra linh toạ”. Sau đó, rước hồn bạch ra đặt vào y, vắt màn, dọn chăn gối, chiều tối lại rước linh bạch vào, đắp chăn thả chiếu, màn xuống. Thờ như lúc sống, chỉ lạy hai lạy (chỉ sau khi an táng, làm lễ thành phân xong mới lạy bốn lạy theo nghi lễ người chết).

Các buổi tối trước khi chưa chôn, có “Lễ chúc thực” (Trông bỏ đước trước sân): Phường bát âm tấu nhạc, con cháu thay nhau túc trực bên linh cữu, trong nhà ngoài sân đèn đuốc sáng trưng.

Khi thân bằng cố hữu đến phúng điếu, người chủ tang và người chủ phụ đứng cạnh linh toạ và ngoảnh mặt về phía khách, nếu khách lạy hai lạy thì chủ lễ tạ lại một lạy. Khách vái cha mẹ mình ba vái thì vái tạ một vái. Trách nhiệm tiếp trà, nước, cỗ bàn thuộc về người hộ tang.

Nếu có người con trai nào đi vắng chưa kịp về thì để mũ, khăn xô và gậy cạnh hương án.

Trước khi làm lễ chuyển cữu để chuẩn bị phát dẫn thì áo quan vẫn trở đầu vào trong, coi như lễ người sống, đọc văn cũng chưa dùng chữ “Hiển thảo” (cha) “Hiển tử” (mẹ) mà con dùng chữ “Cố phụ” (cha), “Cố mẫu” (mẹ).

Trước ngày an táng còn có thêm tục “Lễ yết cáo tổ tiên”, nếu không đưa được linh cữu, phần lớn các gia đình rước hồn bạch đến nhà thờ họ. Hồn bạch chỉ được đặt phía trước bàn thờ, để ở dưới, không được đưa lên bàn thờ tổ. Nội dung: Báo cáo với gia tiên có thân phụ hoặc thân mẫu về châu tổ. Xong lại rước hồn bạch về nhà mình, đặt lại trên linh toạ.

- Những người điều hành công việc trong lễ tang

Trong lúc tang gia bối rối không có người chủ đạo điều hành, công việc sẽ rất lúng túng và phạm nhiều sai sót.

Khi thân nhân sắp từ trần, việc đầu tiên tang gia phải mời được người hộ tang. Người hộ tang phải là người thân thích gần gũi, có tuổi tác, kinh nghiệm, tháo vát, có uy tín trong họ. Người hộ tang thay mặt tang chủ điều hành mọi công việc, đối nội, đối ngoại.

Nếu người hộ tang biết cúng lễ thì kiêm luôn, nếu không thì mời người chấp sự, Người chấp sự lo việc hướng dẫn về mặt nghi lễ từ mộc dục, khâm liệm, thiết linh, thành phục đến an táng. Thành phần và tế ngu (lễ 3 ngày sau khi chôn). Người chấp sự thường là người có văn hoá (chữ Hán, chữ Quốc ngữ) nên có thể kiêm luôn cả việc tư vấn (viết văn cúng tế, bài vị, long triện, đối, trướng, cáo phó...).

Người thu lễ: Sau khi thành phục cho đến hết 3 ngày sau khi an táng phải có người thu lễ. Người đó chuyên túc trực ở

nhà ngoài, nếu có khách đến phúng viếng thì tiếp khách nhận lễ đặt lên bàn thờ, báo cho thân chủ ra bái tạ. Người thu lễ phải ghi đầy đủ danh sách người đến viếng và số lễ vật, để sau này tang chủ biết mà tạ ơn. Người thu lễ kiểm tra lễ vật sau khi khách đã cúng lễ xong ra về. Vì vậy phải chọn người thân tín của tang gia.

Người chấp hiệu: Thông thường các ban hành lễ đã có người chấp hiệu chuyên trách. Người chấp hiệu là chỉ huy đám phu kiệu đưa quan tài từ nhà ra xe tang hoặc đại dư (tuy không có xe nhưng khiêng kiệu hay xe gọi là đại dư), điều khiển việc đi đứng, nâng lên hạ xuống, sang trái sang phải, bằng hiệu lệnh hai thanh gõ ngắn cầm tay, cho đến lúc hạ huyệt, tháo giây dòn mà chén rượu, đĩa dầu lạc đặt trên nắp áo quan không sánh ra ngoài. Người chấp hiệu ngồi trên đại dư ở phía sau, hoặc đi bộ giật lùi trước quan tài để điều khiển.

Nếu gia đình nào tự thu xếp để con cháu khiêng áo quan thì phải chú ý chọn người chấp hiệu nhiều kinh nghiệm.

Chủ tang và chủ phụ: Là con trai trưởng và con dâu trưởng. Nếu tang cha mà mẹ còn sống thì mẹ là chủ phụ. Nếu cháu đích tôn thừa trọng (thay thế cha đã mất, khi làm lễ tang ông bà) thì cháu đích tôn là chủ tang, các ông chú đứng hai bên chỉ là bồi tế vợ của người cháu là chủ phụ khi bà chồng và mẹ chồng đã mất, còn các bà thím chỉ là phụ. Nếu cháu đích tôn còn bé quá, chưa chống gậy lễ tạ được thì chú thứ hai thay thế, nhưng vẫn phải nhân danh cháu mà bái lễ và bái tạ.

Những tục nghi lễ ngày xưa khá phức tạp, ngày nay đã được cải tiến, một số tục lệ lạc hậu, lỗi thời đã bị nhiều vùng bãi bỏ, ví dụ tục lăn đường, đuổi tà ma ác quỷ. Lệ tục chung vận dụng vào từng địa phương, từng hoàn cảnh cụ thể khác nhau.

Tiến hành lễ an táng tiến hành

Tuỳ từng địa phương, từng tôn giáo, mỗi nơi nghi lễ phong tục một khác. Thời trước có thôn ấp cử những người trai tráng trong làng xóm ra khiêng vác quan tài đi chôn cất. Nơi có hội tư văn, thì hội tư văn đứng ra lo liệu điều hành công việc theo hương ước

định sẵn. Hiện nay ở nông thôn có các hội trợ tang, thành phố thị xã có ban quản lý nghĩa trang, một số chi hội trọng thọ các phường xã hoạt động, đứng ra lo liệu chu đáo.

Khi có người thân mất, tang chủ cần đến báo gấp, để cùng bàn bạc theo quy ước đã định.

Thời xưa, tang chủ có khoản tiền thưởng cho người chấp hiệu và những phu kiệu. Nếu từ khi đưa áo quan lên kiệu, đi đến huyệt mà chén rượu, đĩa dầu lạc để trên áo quan không sóng sánh ra ngoài thì tang chủ đưa tiền thưởng rất hậu.

Thân nhân, theo thứ tự nhân sơ quy định, tang phục theo gia lễ, đều xếp hàng đi theo sau linh cữu. Thời xưa có cái bạt bằng vải trắng che trên đầu gọi là bạch mạc. Người con trưởng đi trước hoặc kèm sau xe quan tài theo tục “Cha đưa mẹ đón”.

Hạ huyệt xong, tất cả người đi đưa đều đi vòng quanh mộ một vòng, mỗi người ném xuống một hòn đất.

Đắp mộ xong, mọi người đứng vòng quanh mộ, người hộ tang, người chấp sự tiến hành lễ thành phần.

Nghi thức chung, nhiều nơi còn có tục riêng như cầu kinh, yểm bùa, nhốt con gà, cài cây lá chứa, dựng cây nêu, đóng cửa mả, đốt hình nhân... rắc vàng khẩu dọc đường, cắm hương ở các mộ xung quanh, mời người qua đường ăn trầu hút thuốc, đãi người đắp mộ...

Hơi lạnh ở xác chết, cách phòng như thế nào?

Từ xưa tới nay chưa ai đo nhiệt độ cụ thể trong thi thể người chết nhưng nhiều người đã công nhận rằng: Theo cảm giác thì người mới chết lạnh hơn nhiều so với nhiệt độ bình thường của con người cũng như của môi trường xung quanh.

Hiện tượng đó được giải thích như sau: Con người đang ở nhiệt độ bình thường (37°C), tự nhiên mất nhiệt thì nhiệt độ không chỉ hạ xuống tới hoà đồng với nhiệt độ môi trường mà còn tụt xuống thấp hơn, sau đó một thời gian nhiệt độ mới nhích dần lên tới thể ổn định.

Dân gian công nhận hiện tượng hơi lạnh ở nhà người chết mới chết là hiện tượng có thực, hiện tượng vướng phải hơi lạnh bị ốm

cũng là hiện tượng phổ biến, nhất là đối với những người bị các chứng kinh niên như: Phong thấp, huyết áp cao, tâm thần... còn đối với những thanh niên mạnh khỏe thì ít người bị ảnh hưởng.

Có thuyết cho rằng: Những người đông khí huyết (con cái với cha mẹ, anh chị em ruột hoặc gần huyết thống) thì không bị nhiễm hơi lạnh, không có phản ứng gì kể cả khi ôm ấp thi hài và khâm liệm. Tuy nhiên, để phòng xa, người ta vẫn kiêng không cho các bậc cao lão, phụ nữ có thai sắp đến ngày sinh hoặc sản phụ hài nhi đến dự khâm liệm, an táng và cải táng.

Có người hấp thụ phải hơi lạnh thì phản ứng tức thì. Có người trực tiếp khâm liệm, nhiễm hơi lạnh, bản thân khỏe mạnh không việc gì, nhưng để phòng ngừa cho người ở nhà nên khi vào nhà có người già, ốm yếu, trẻ sơ sinh vẫn phải xông khói rồi mới vào. Những người hàng xóm xung quanh nhà có tang lễ, nếu có cụ già trẻ nhỏ ốm yếu thường đặt sẵn ở cửa ra vào một lò than đốt vỏ bưởi và quả bồ kết để trừ uế khí. Những người nghi bị chó dại cắn, gia đình thường tuyệt đối cách ly đám tang và nơi nghĩa trang, vì sợ vương phải hơi lạnh chưa kịp chạy chữa đã phát bệnh.

Những tục lệ cần giữ khi quàng xác

-Tại sao có tục đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng đôi đũa trên bát cơm, cài quả trứng vào giữa hai chiếc đũa rồi thắp hương đặt lên trên đầu người chết suốt trong thời gian chưa nhập quan?

-Tại sao người ta cắm một cái cọc bằng kim loại suốt chân giường người chết?

-Tại sao khi chưa nhập quan, người ta luôn luôn thắp hương nén (nếu không có nén thì thắp ngọn đèn dầu) cho đến khi hạ huyết không để tắt hương đèn?

-Tại sao hai bên hương án, phía gần kê áo quan, người ta đặt hai cây chuối con?

-Tại sao có tục dựng bó đuốc to ở giữa sân vào ban đêm trước lễ an táng (nếu để qua đêm), con cháu và thân nhân túc trực quanh linh cữu (lễ “Chúc thực” ban đêm, nghĩa là “lễ trồng bó đuốc”?).

-Tại sao có tục kiêng ngăn người nhà không được đứng cạnh thi hài mà khóc, tránh nhỏ nước mắt vào thi hài?

- Tại sao sau lễ nhập quan phải đốt lỗ hung (lỗ đào ở chính giữa giường người mới chết nằm khi chưa nhập quan. Chất đốt có thể dùng trấu, than, củi hoặc giẻ rách...).

-Tại sao lễ tang là việc buồn lại đốt pháo? (Tục này chỉ có ở thành phố đối với người già).

-Tại sao phải nhốt mèo khi nhà có người mới chết?

-Tại sao khi người chết trong nhà, người ta phải treo lên mái nhà dõ một vài viên ngói, hoặc lá tranh (đối với nhà bịt nóc và ít cửa)?

Những câu hỏi trên cùng có chung một câu trả lời: Đó là kinh nghiệm dân gian, dùng phép thuật điều hoà khí âm dương, thu hút tà khí để phòng chống hơi lạnh và phòng xa hiện tượng “Quý nhập tràng”. Xuất phát từ kinh nghiệm, dần dần trở thành phong tục.

Dùng khói lửa, ánh sáng mặt trời (đốt hương, nén, đèn, đuốc, than, trấu, dõ mái nhà, mở rộng cửa, đào lỗ hung, đốt pháo...) để triệt tiêu hơi lạnh. Dùng bát cơm, quả trứng, cây chuối... để thu hút hơi lạnh (nếu bỏ đôi quả trứng, có nhiều lòng đỏ đã trở nên xanh thẫm giống như những quả trứng dùng để đánh gió.). Nhốt mèo để phòng mèo nhảy qua xác chết, kiêng khóc nhỏ nước mắt vào thi hài hoặc cắm cọc kim loại dưới giường người chết, dõ mái nhà... là những thuật triệt tiêu luồng điện âm dương hút nhau.

Ngoài ra, những người đến dự lễ tang, nhất dự khâm liệm còn có những thuật khác để phòng chống hơi lạnh như: Ngậm gừng sống, uống nước lá nhót, ăn trầu và xông khói vỏ bưởi, bồ kết trước và sau khi đến lễ tang.

Lễ ba ngày (lễ tế ngu) tính từ sau khi mất hay sau khi chôn cất?

Tục này không thống nhất, có nơi tính ba ngày sau khi mất, có nơi tính ba ngày sau khi chôn. Xét trong điển lễ thì không có “lễ ba ngày” mà chỉ có “lễ tế ngu” gồm có: “Sơ ngu”, “tái ngu”, “tam ngu”. “Ngu” nghĩa là “yên”, tức là ba lần tế lễ cho yên hồn phách, theo “Thọ mai gia lễ” thì khi chôn xong, rước linh vị về đến nhà tế sơ ngu. Làm sơ ngu xong gặp ngày nhu, (tức là Ất, Kỷ, Tân, Quý)

làm lễ tái ngu, gặp ngày cương (tức là ngày giáp, bính, mậu, canh, nhâm) làm lễ tam ngu.

Dần dần về sau người ta giảm lược, kiêm cả ba lễ luôn, chỉ làm lễ tam ngu, vì thế nên gọi là lễ ba ngày. Vậy là tính ba ngày từ sau khi chôn, theo tục gọi là lễ mở cửa mả. Ngày đó con cháu ra sửa lại mồ mả, đắp cỏ, khơi rãnh thoát nước... Ngu là tế ngu, tế chỉ tế người chết, tế thần. Theo phong tục cũ thì rất ít trường hợp khi chết xong chôn ngay, thường còn để năm bảy ngày trong nhà. Khi chưa chôn làm lễ triêu tịch điện, tức cúng cơm hằng ngày vẫn theo lễ thờ người sống. Vậy tế ngu phải tính từ sau khi chôn.

Còn có một lập luận khác: Có ba điều không yên khiến phải làm lễ tế ngu:

-Đang sống hoạt động nay mọi hoạt động bỗng nhiên đình chỉ.

-Đang nhìn thấy bóng dáng, khi đã nhập quan không nhìn thấy bóng dáng nữa.

-Đang ở trên dương thế, nay xác về cõi âm, hồn vất vưởng lìa khỏi xác. Âm dương hoàn toàn cách biệt từ sau lễ thành phần. Sơ ngu, tái ngu, tam ngu là tế để làm cho yên hồn phách. Như vậy, phải tế sau khi mất, sau khi lễ nhập quan và sau khi lễ thành phần xong.

Thời nay cũng có trường hợp sau khi chết 4-5 ngày còn để trong nhà lạnh chưa chôn nên không thể làm lễ ba ngày trước lễ an táng.

10. Tục lệ trong hạ huyệt và cải táng

Người theo đạo Phật hay không theo tôn giáo nào ở miền Bắc, sau khi thân nhân mất thường địa táng (hung táng) và 3 năm sau thực hiện việc cải táng (cát táng). Ngoài việc xem ngày, chọn giờ thì việc tìm đất, đặt hướng và chọn màu gạch cũng rất được chú trọng.

Tục địa táng và cải táng

Sau khi thân nhân mất, trước khi kịp bắt đầu phân hủy, xác người chết đã được thực hiện một số nghi thức tống táng, thông thường nhất là Địa táng, Thiên táng, Thủy táng, Hoả táng, Điều

táng, Tượng táng và Điện táng. Trong đó ở Bắc bộ phổ biến là địa táng, chôn trong mả đất, thường là năm dài. Sau ba năm đoạn tang thì con cái lo việc cải táng, đưa vào mộ 墓 đắp đất (năm tròn) hay xây gạch hoặc xây lăng.

Tục cải táng khởi nguồn từ thời Bắc thuộc khi quan lại và thương lái Trung Quốc chết tại Nam mà gia đình có nhu cầu đưa xương cốt về chính quốc. Về sau thành lệ và thành phong tục bởi: Khi cha mẹ mất, không có tiền lo liệu, mua tạm một cỗ ván xấu, đợi xong ba năm thì cải táng, sợ ván hư nát thì hại đến di hài; vì chỗ đất mới kiến, nước lụt thì cải táng; các nhà địa lý, thấy chỗ mả vô cơ mà sụt đất hoặc cây cối ở trên mả tự nhiên khô héo, hoặc trong nhà có kẻ dâm loạn điên cuồng, hoặc trong nhà đau ốm, hoặc trong nhà có kẻ nghịch ngợm, sinh ra kiện tụng, thì cho là tại đất mà cải táng. Những người muốn cầu công danh phú quý, nhờ thầy địa lý tìm chỗ cát địa mà cải táng hay thấy nhà khác phát đạt, đem mả nhà mình táng gần vào chỗ mả nhà kia, để cầu được hưởng dư huệ.

Khi cải táng phải cất mộ ban đêm hoặc sáng sớm khi mặt trời chưa mọc, hoặc nếu làm ban ngày thì phải có lán che. Tục này sinh ra do cổ nhân cho rằng, âm dương cách biệt nên phải kiêng không để mặt trời trực tiếp dội vào. Khi cải táng xong cần xây mộ kiên cố, vì theo tập quán, không phải di chuyển xương cốt người chết thêm nữa, nếu không sẽ bị “động mả”. Nhưng cũng có ý kiến thấy có nhiều trường hợp, gặp đất dưỡng thi, hoặc ba điều tường thuy (tức mộ kết phát) không nên cải táng, phải lấp lại ngay. Trong trường hợp thi thể sau nhiều năm vẫn còn nguyên vẹn, nếu để ánh nắng mặt trời trực tiếp dội vào thì rửa ra ngay và teo lại.

Lúc cải táng thì khi đào lên sẽ gặp nhiều độc khí nên phải làm ban đêm đỡ ô nhiễm. Vì vậy, để phòng xa nên kiêng ánh mặt trời, lâu ngày trở thành phong tục chung.

Xem ngày và chọn giờ

Điều quan trọng nhất trong ngày giờ mai táng là tránh các ngày mà có các sao sau chiếu: Thiên cương, Thọ tử, Đại hao, Tử

khí, Quan phù (xấu trong mọi việc lớn), Bằng tiêu ngoạ giải (kiêng làm nhà và mọi việc lớn), Thổ cấm (kiêng động thổ), Trùng tang, Trùng phục (kỵ hôn nhân, mai táng, cải táng).

Ngoài ra, các ngày đại kỵ động thổ an táng là ngày gặp sao: Thái Tuế, Tuế Phá, Kiếp Sát, Diệt Sát, Tuế Sát, Ngũ Hoàng, Nguyệt Kiến, Nguyệt Phá, Nguyệt Yếm, Tứ Ly, tứ Tuyệt.

Tim đất đặt mộ

Trên thực tế ban đầu con người chú ý cả việc chọn đất làm nhà (dương cơ), dựng chùa...và đặt mả (âm phần), cổ nhân cho rằng Nhất dương thắng Thập âm. Nhưng về sau dương cơ chỉ cốt lấy hướng còn âm phần (nơi an táng của người thân) thì được quan tâm đến cả vị trí, thế đất, hình thù đám đất và hướng.

Giữa người sống và người chết, cùng chung một huyết khí, bao giờ cũng có sự thông cảm trực tiếp với nhau. Do vậy, nếu hài cốt được an táng vào một nơi đẹp mắt, tiền, hậu, tả, hữu đều có những phong cảnh tươi tốt, thì hài cốt nằm đó, cũng được thấm nhuần linh khí thiên địa, phát sinh được những tia điện thiêng liêng, để truyền tứ khí cho con cháu. Từ xưa thuyết Phong Thủy đã nhận thức được: Các kiểu đất quý, phần lớn đều có một vài nét khuyết điểm, nhẹ nặng tùy theo phúc trạch của ông cha, cách sống của cháu con. Đó là luật bù trừ rất nhiệm mầu kỳ bí của Hoá công. Nếu sự kết phát được nhiều hơn sự nguy hại, cũng đã là một điều đại hạnh. Trường hợp trong Gia cảnh có điểm chưa ưng, không nên đòi hỏi quá nhiều mà vô tình cưỡng lại mệnh trời, tạo thêm sự thất đức, làm giảm bớt cả tính cách linh ứng của kiểu đất. Bởi Thiên trợ táng (天助葬) sẽ hơn chân tự táng (人自葬). Dựa vào sự thuận mắt như ý muốn của mọi người nghĩa là phải chú trọng vào sự cân đối sáng sủa phong quan, có núi non, gò đồng có cây cối, sông ngòi có thể cải thiện, hóa giải phần nào.

Cổ nhân cho rằng địa điểm lý tưởng cho nơi đặt mộ là nơi thế đất vuông vức, nằm lưng chừng quả đồi giống hình chiếc ghế bành, xung quanh có Tứ quý che chở:

- Phía sau có Hậu chẩm là tựa vào Rùa đen (Huyền Quy, thuộc Thủy).

- Trước mặt có Minh đường là Phượng hoàng đỏ (Chu tước, thuộc Hỏa) thấp hơn như cái ghế để chân.

- Bên trái có Rồng xanh (tả Thanh Long, thuộc Mộc) nằm cao hơn.

- Bên phải có Hổ trắng (hữu Bạch Hổ, thuộc Kim) nằm thấp hơn bên trái.

Xa hơn về phía sau có tầng tầng lớp lớp núi cao dần, phía trước có dòng nước chảy quanh co coi như huyết mạch của đất. Hoặc thế đất có hình con gì thì tìm vị trí đắc địa nhất: Vòi voi, vai rùa.

Như vậy, địa điểm đặt một lành là phải có đủ Long (chân), Huyệt (đích), Sa (bao), Thủy (bọc) và tránh những đám đất méo mó, trước rộng, sau hẹp; đất có Bạch Hổ cao hơn Thanh Long hay trực đơn, thoát khí; Minh đường xung xạ, trực khuynh...

VIII. MỘT SỐ NGHI LỄ VÀ VĂN KHẤN TRUYỀN THỐNG TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN

1. Đối với người chết bị sét đánh

Theo quan niệm dân gian thì đây là loại chết không bình thường. Các nghi lễ an táng trong trường hợp này cũng không có gì khác với các trường hợp chết thông thường. Nhưng có một điều là: Gia đình tang chủ rất sợ kẻ gian đào trộm. Dân gian kể rằng: Bọn đạo tặc thường tìm cách đào trộm mả người chết bị sét đánh, rồi chặt lấy cánh tay trái (nếu người chết là nam), hoặc chặt cánh tay phải (nếu là nữ), để đi ăn trộm, tránh được sự phát giác của chủ nhà. Vì vậy, mộ của người qua đời do bị sét đánh thường được canh phòng rất cẩn thận tới ba tháng...). Ngày nay, tuy không ai tin như vậy, nhưng quan niệm xưa vẫn ám ảnh ở một số người.

2. Đối với người chết khi con cháu chuẩn bị làm lễ cưới

Tập quán xưa của dân ta là cấm kỵ con cháu làm lễ cưới trong thời kỳ để tang (mà đại tang là 3 năm). Đối với 3 năm trời là thời gian dài, mà đối với người con gái thì “cái tuổi đuổi cái xuân”. Rồi

đến khi gần hết tang, lại có tang mới, thì người con gái già mất. Vì vậy, các cụ thời xưa nghĩ ra cách “cưới chạy tang”. Có nghĩa là việc hiếu tạm hoãn, dành cho việc hiếu. Người mới qua đời vẫn nằm trên giường, đắp chăn chiếu, “để đấy”. Chưa nhập quan, cũng có thể gia đình làm thủ tục khâm liệm, nhập quan, nhưng chưa làm lễ phát tang và trong nhà không ai được khóc và mọi người chưa đến phúng viếng.

Một đám cưới như vậy thì được tổ chức rất nhanh gọn, giản lược nhiều thủ tục (như xin dâu, đón dâu, lễ tơ hồng...). Khách dự chủ yếu là người thân trong gia đình. Sau khi tổ chức xong đám cưới thì mới làm lễ phát tang. Lúc bấy giờ cô dâu (chú rể) đã là thành viên của gia đình và tùy mối quan hệ mà chịu tang theo tập quán.

Ngày nay, việc để tang không ảnh hưởng tới việc cưới vợ, cưới chồng, việc làm nghĩa vụ quân sự... không cần phải cưới chạy tang nữa, mà có thể lui ngày cưới lại một thời gian ngắn (nên để hết 49 hoặc 100 ngày là được). Thực tế, hiện nay nhiều đám cưới đã thực hiện như vậy, mà vẫn rất vui vẻ, hạnh phúc.

3. Những tuần tiết cần làm cho đến khi cải táng, mãn tang

Theo tập quán của nhiều dân tộc anh em sống trên đất nước ta, những gia đình có tang đều giữ lệ cúng 3 ngày, 49 ngày (hoặc 50 ngày), 100 ngày. (Theo thuyết duy tâm, dân ta quan niệm phải cúng 3 ngày, vì sau khi chết linh hồn lìa khỏi xác và đi phiêu diêu (chưa ổn định). Sau 3 ngày con cháu cúng lễ, linh hồn mới ổn định lại, định hình. Lúc này con cháu ra sửa sang lại mộ.

Quan sát những năm gần đây, ở nước ta, từ thành thị đến nông thôn (thậm chí cả các gia đình đảng viên và cán bộ trung cao cấp) đều vẫn giữ tục lệ này. Cũng trong ngày này, bạn bè, thân nhân, cơ quan... vì lý do nào đó mà không có điều kiện phúng viếng và đưa tang, cũng chờ dịp cúng 3 ngày, 49 ngày hoặc 100 ngày đến thắp hương hoặc ra thăm mộ phần.

Sở dĩ có sự khác biệt là 49 hoặc 50 ngày là dựa vào câu thành ngữ của nhân dân ta “trẻ đôi ra, già quạp lại”. Nghĩa là lễ tuần 49

ngày cho những người mất có tuổi thọ từ 60 tuổi trở lên, còn người mất dưới tuổi này thì lễ tuần đúng 50 ngày. Gia lễ xưa gọi lễ này là chung thất. Phật giáo cũng cho rằng, tuần này là đưa hương hồn người chết lên chùa để nương nhờ của Phật. Người ta thường đem vào chùa làm chay, nhờ nhà sư tụng kinh sám hối để cho vong hồn người quá cố được siêu thăng tịnh độ. Một số địa phương, đối với các già đã “ăn mày của Phật” thì tuần chung thất có thể vào thời kỳ 35 ngày.

Người ta thường giải thích 7 ngày 1 vía (nam 7 vía, nữ 9 vía). Lúc cúng 49 ngày cũng là dịp con cháu ra chăm lo phần mộ và nếu trước đây chưa đặt bia, thì đặt bia vào lúc này. Thật ra trong lĩnh vực này, còn có nhiều thuyết giải thích khác nhau.

Văn hoá tang lễ là văn hoá giành cho người sống, chứ không phải cho người chết. Vì khi con người đã qua đời, thì mọi nhu cầu về vật chất đến tinh thần của bản thân họ đều khép lại.

Tất cả mọi việc cúng lễ cho người chết, từ khi chôn cất đến giỗ hết đều do con người sống tiến hành. Mọi việc làm này xét theo nguồn gốc đều xuất phát từ nhân sinh quan của người sống, nhằm nâng đỡ người chết. Đó là tính nhân văn cố hữu của nhân loại. Tuy nhiên, nó biểu hiện ở mỗi tộc người, mỗi cộng đồng người đều mang những đặc trưng riêng, xuất phát từ tín ngưỡng hoặc tôn giáo mà cộng đồng đó tôn thờ.

Ở nước ta, trước hết là dân tộc Kinh, mọi người làm đủ các tuần tiết lễ lạt như: Cúng ba ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu, giỗ hết... Song, mọi người cúng theo phong tục, nhưng người biết từ nguồn gốc.

Phương Đông có quan niệm “sinh ký, tử quy”. Tức là sống ở cõi đời chỉ là nơi tạm gửi tấm thân, còn khi chết mới là về. “Về” đây tức là về cõi vĩnh hằng, cực lạc. Hoặc nếu chưa đạt tới cõi phúc thì lại phải đầu thai qua kiếp khác. Do đó, khi trong nhà có người chết, việc trước tiên phải lập ban thờ riêng cho người đó, treo ảnh và thất hồn bạch cùng các đồ tang lễ, đối, trướng...

Người chết được ba ngày thì cúng tam tiêu, xưa mọi người còn tế gọi là tế ngu. Ngu là yên. Ba ngày, con số 3 gồm một âm một dương, cúng để cho âm dương biến hoá, tiêu trướng.

Tới 7 ngày cúng tuần đầu, gọi là cúng giải vía. Theo quan niệm cổ xưa, con người có 7 lỗ (thất khiếu), để hấp thụ vật chất, tinh thần mà trưởng thành. Bảy lỗ đó là: Hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng. Đàn bà có thêm lỗ vú và lỗ sinh dục để đẻ và nuôi con. Khi hết chức năng sinh đẻ lại trở về thất khiếu. (Phật giáo phân biệt các động vật cao cấp khi đã có cửu khiếu (9 lỗ) đều có thể tu Phật. Vì vậy, trong lịch sử có Tôn Hành giả gốc từ con khỉ. Cửu khiếu ở đây kể cả đàn ông đàn bà, tính theo thế ổn định: 2 lỗ tai, 2 lỗ mắt, 2 lỗ mũi, miệng, lỗ sinh dục, lỗ bài tiết).

Khiếu có nghĩa là vía. Cúng 7 ngày là cúng giải 1 vía. Giải đủ 7 vía phải 7 tuần. Bảy tuần là 49 ngày. Cũng gọi là cúng “chung thất”. Chung thất là hết 7 tuần.

Cúng lễ cho người chết, tức là cầu cho họ sự mát mẻ, luân chuyển qua 10 cửa ngục (thập điện diêm vương).

Cúng 7 tuần tương ứng với 7 cửa ngục, cúng 100 ngày qua cửa ngục thứ 8. Giỗ đầu (tiểu tường) là cửa thứ 9. Giỗ hết (đại tường - lành nhiều) là cửa thứ 10. Cũng gọi là cửa chuyển luân, để đi đầu kiếp khác.

Về cúng 49 ngày, theo Phật giáo Mật tông Tây Tạng, người chết, ý thức chìm trong giấc ngủ say 3 ngày. Sau đó, lang thang trong vũ trụ cho đủ 49 ngày, nên các ngày đó người sống phải cúng, linh hồn người chết mới có cái ăn.

Cũng theo học thuyết này, mọi người sống trên trái đất chịu sự chi phối của 7 vị tinh quân: Mặt trời, mặt trăng, sao thủy, sao hỏa, sao mộc, sao kim, sao thổ. Mỗi vị tinh quân cai quản một cung, trong mỗi cung lại có 7 phân bộ, tất cả gồm 49 phân bộ. Con người sống không biết chịu sự chi phối của phân bộ nào, bởi vậy khi chết, muốn linh hồn siêu thoát phải cúng đủ 49 phân bộ.

Theo cách nhìn của phương Đông, số 49 là số đại diện bao hàm cả lưỡng nghi (âm dương), Tứ tượng, Bát quái của đại vũ trụ, cũng là số của tiểu vũ trụ: Con người.

Lưỡng nghi: Dương - số 1, âm - số 2. $1+2 = 3$.

Tứ tượng: gồm: Thái dương: 1; Thiếu dương: 2; Thiếu âm: 3; Thái âm: 4.

Như vậy: $1+2+3+4 = 10$

Bát quái: gồm: Càn (1), Cấn (2), Ly (3), Chấn (4), Tốn (5), Khảm (6), Đoài (7), Khôn (8).

Như vậy: $1+2+3+4+5+6+7+8 = 36$.

Lưỡng nghi + Tứ tượng + Bát quái = $3+10+36 = 49$.

Vậy là theo cả ba học thuyết Nho - Phật - Lão đều quy vào con số 49.

Ở đây có một ý nghĩa rất huyền bí, cho tới nay vẫn chưa lý giải được. Song hãy cứ nên tôn trọng. Còn tục cúng các lễ cho người chết như vậy là biểu hiện nơi cái tình của người sống, nhằm giúp đỡ người chết trong quá trình chuyển kiếp. Nó cũng là đạo lý chứ không có gì là dị đoan. Đồng thời, trong lễ cúng, không có sách nào dạy phải tam sinh hiến sinh, mà cốt ở lòng thành, không trọng nơi lễ vật. Người đời hiếu sự, bày vẽ ra, nên tốn kém. Ta nên trở về với tinh thần hồn nhiên giản dị, là hợp lẽ nhất. Đồng thời cũng trả lại sự trong sáng cho nét đẹp văn hoá sinh tử...”.

Một trăm ngày là tuần “tốt khốc”, có nghĩa đến tuần này mới thôi khóc.

Toàn bộ phần trên, chúng tôi giới thiệu những nghi lễ trong việc tang, nhằm cung cấp với bạn đọc những hiểu biết cơ bản, không có nghĩa là để áp dụng đầy đủ. Vì nghĩa tình với người quá cố, trước tiên là ở tình nghĩa giữa con người với con người từ những năm tháng còn sống. Việc làm lễ tiết cốt ở lòng thành, không phải làm cỗ bàn to tát, khách khứa tấp nập mới là hiếu nghĩa. Như chúng ta đã thấy, tục lệ nào cũng có thay đổi theo thời gian và trình độ nhận thức của mọi người.

Ở nước ta, khí hậu nhiệt đới, mưa gió thất thường, đất đai dễ sụt lở, nhân những ngày lễ này có tính định kỳ (mà không ai phải hỏi ai) cũng là dịp con cháu, họ hàng, bè bạn chăm lo phần mộ (đắp lại những chỗ sụt lở, phát cây, rẫy cỏ, thắp nén nhang...) cũng là điều nên làm.

Việc có tang cha mẹ và người thân, không ngăn cản bất cứ công dân nào thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng, nếu hoàn cảnh không cấp bách, những người ruột thịt của người

mới qua đời nên lui các cuộc vui riêng tới một thời gian thích hợp, được xã hội chấp nhận (như cưới hỏi, ăn mừng, liên hoan...). Thời gian ngừng các cuộc vui như vậy, không chỉ là tập quán riêng ở nước ta, mà còn là tập quán của nhiều dân tộc khác trên thế giới. Đó cũng là thể theo tâm lý, tình cảm chung, thể hiện đạo lý và trình độ văn hoá của những người trong xã hội văn minh.

Khi lấp huyệt đắp mộ xong, người ta làm lễ “tế thành phần”.



VĂN TẾ THÀNH PHẦN



Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Hôm nay là ngày..... Tháng năm..... (âm lịch)

Nhân ngày lễ thành phần, theo nghi lễ cổ truyền,

Kính dâng lễ mọn, biểu lộ lòng thành.

Chúng con trước mộ mà than rằng:

Xót xa thay con tạo đã đoan

Bể thăm thành cồn, ngao ngán nhẽ hoá cơ thay đổi.

Than ôi!

Kém một ngày không đi, muôn năm giấc mộng,

Đề âm dương chia rẽ đôi đường.

Thêm một ngày không ở, ba thước đào sâu,

Biết bao giờ cha (hay mẹ) con lại gặp.

Người thế ấy mà sao phận thế ấy,

Bồng đầu, số trời xui khiến

Côi âm dương đôi ngã xa vời.

Mắt trông thấy đào sâu lấp kín,

Tủi nỗi lòng chín khúc ngổn ngang.

Nhưng cũng: mừng thay sống trọn, thác toàn

Nay đã mồ yên mả đẹp

Tuy còn chôn đất đỏ, cỏ vàng

Cũng bởi trời cho trọn hiếu,

Gọi là nén hương, đài rượu

Trước mồ xin hãy thấu tình.

Kính trần bái tạ.

Hỡi ơi! Xin hưởng!

Sau khi đã mồ yên mả đẹp, con cháu về tới nhà, người ta làm lễ cáo trước linh toạ, xin rước thần chủ vào linh toạ, sau đó làm lễ phản khóc (khóc có nghĩa là khóc).



VĂN TẾ LỄ PHẢN KHỐC



Than ơi!

Thân phụ đi đâu, bỏ nơi trần thế

Mồ yên mả đẹp, di hài đã tìm được chốn đất lành.

Sống khôn, chết thiêng

Bài vị xin rước về nơi linh toạ.

Hôm mai thăm viếng, chốn từ đường đâu dám trễ lòng

Công đức cao dày; trên linh toạ chứng cho lễ bạc.

Theo tập quán truyền thống, dân ta có lệ cúng 3 ngày. Theo quan niệm dân gian: Sau khi chết, linh hồn lìa khỏi xác và đi phiêu diêu (chưa ổn định), sau 3 ngày con cháu cúng lễ, linh hồn mới ổn định lại định hình. Lúc này con cháu mới ra sửa sang mộ (theo tục xưa: tế ngu tức là tế yên. Ngày đầu là sơ ngu, ngày thứ hai là tái ngu và ngày thứ ba là tam ngu).

Theo sự giải thích của cổ lễ: Mục đích của tế ngu là cốt để cho hồn, phách người chết được yên ổn nơi bên kia thế giới.

Ngày nay dân ta chỉ còn lệ cúng 3 ngày mà thôi. Cúng 3 ngày còn gọi là cúng tam tiêu. Ba ngày, con số 3 gồm một âm một dương (số 1 là dương, số 2 là âm), cúng để cho âm dương biến hoá, tiêu trưởng.



BÀI VĂN TẾ NGU

(Cúng ba ngày)



Hôm nay là ngày..... tháng Năm (âm lịch)

Chúng con kính sửa: trâu, rượu, lễ vật dâng lên

Trước linh toạ than rằng:

Than ôi!

Vật đổi sao dời, mây bay, trăng khuyết,

Khá trách thay tạo hoá đa đoan,

Chi đến nỗi đàn con đau đớn.

Nhớ cha (mẹ) xưa tính nét thảo hiền:

Dưới nhường, trên kính

Ngoài làng trong họ, kẻ mến người yêu.

Tưởng cảnh tượng đoàn viên,

Trời cho sống tròn tám, chín, mười mười tuổi

Để đền công ba năm bú mớm

Sẻ ngọt chia bùi tưởng một nhà sum họp;

Trời cho sống đủ ba vạn sáu ngàn ngày,

Để đền ơn chín tháng cưu mang, để đau mang nặng.

Thương ơ!

Tóc tơ chưa báo, công đức chưa đền

Bỗng đâu một phút hơi tàn

Âm cung hạ cánh muôn năm giấc mộng, chia rẽ Bắc Nam

Đành rằng phách lạc bơ vơ, tàng hiềm đã yên một giấc

Hồn bay phảng phất, biết đâu định sở mà về.

Dấu khóc vẫn than dài, tìm đâu cho thấy;

Dẫu tối kêu sớm gọi, khôn nổi dò la.

Thôi thì thôi!

Hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi;

Không còn sớm tối trông nom, khuyên răn lũ cháu.

Sống mỗi người một nét, chết mỗi người một chứng;

Không còn người ngày đêm dạy bảo, săn sóc đàn con.

Nay tể ngu dânng chút lòng thành:

Đĩa muối lưng cơm, chén canh đài rượu.

Công đức cao dày, trên linh toạ chứng tình chay nhạt

Khóc than kể lể, họa may chín suối anh linh, được về yên thoả.

Ôi! Thương ôi! Thương hưởng!



VĂN TẾ CÚNG 49 NGÀY

(Chung thất)



Hôm nay là ngày tháng năm(âm lịch)

Tại

Con trai trưởng (hoặc cháu đích tôn) là Vâng theo lệnh của mẫu (phụ) thân và các chú cùng các anh em trai gái, dâu rể và các cháu nội, ngoại kính lạy.

Nhân ngày lễ 49 ngày (chung thất) theo nghi lễ cổ truyền

Kính cẩn sắm các thứ lễ vật gồm.....

Chúng con kính dâng lễ mọn, biểu lộ lòng thành.

Trước linh tọa của

Xin kính cẩn thưa rằng:

Núi Hố (hoặc Di) sao mờ, nhà thung (hay huyên) bóng xế.

Tình nghĩa cha sinh, mẹ dưỡng biết là bao;

Công ơn biển rộng, trời cao không kể xiết.

Mấy lâu nay: than thở trầm mọng mơ màng;

Tưởng nhớ âm dung vắng vẻ.

Thác thì kể tháng ngày, buồn tênh mọi lễ;

Ngày qua tháng lại, tính đến nay chung thất tới tuần;

Lễ bạc lòng thành với nén hương thơm;

Kính mời

Cùng các vị tiên linh, tổ bá, tổ thúc.....

Cùng các vong linh phụ thờ theo Tiên Tổ cùng về hâm hưởng.

Chúng con lại kính cáo:

Liệt vị tôn thần cai quản trong xứ này

*Cùng chứng giám và phù hộ cho toàn gia chúng con
Được mọi sự yên lành, tốt đẹp.*

Cẩn cáo!



Khi vừa tròn 100 ngày tính từ ngày người đó qua đời thì con cháu không khóc nữa. Vào tuần này, con cháu cúng tế lần cuối gọi là cúng tuần tốt khốc (khốc là khóc) còn gọi là tuần bách nhật, nghĩa là cúng 100 ngày. Tuần cúng này cũng có tế lễ và nghi thức như các cuộc tế khác.

Văn tế tuần tốt khốc thường giống như văn tế của lễ tuần chung thất, người ta chỉ cần thay vào văn tế chữ tuần tốt khốc là được; đồng thời, có thể thêm vào bài văn tế một đoạn văn sau đây:

Ngày tháng thoi đưa, tới tuần tốt khốc

Cây lặng gió lay, khóc làm sao được;

Lưng cơm, đĩa muối, gọi chút đèn ơn;

Cha (mẹ) từ khi khuất mặt, tưởng linh hồn như ở linh sàng.

Con khó có lòng, thờ lúc chết như lúc sống.

Tất cả mọi việc cúng lễ dành cho người từ trần, từ khi chôn cất đến giỗ hết đều do người sống tiến hành. Mọi việc làm này xét theo nguồn gốc đều xuất phát từ nhân sinh quan của người sống nhằm nâng đỡ người chết. Đó cũng là tính nhân văn cố hữu của nhân loại. Tuy nhiên, nó biểu hiện ở mỗi tộc người, mỗi cộng đồng người lại mang những đặc trưng riêng, xuất phát từ tín ngưỡng hoặc tôn giáo mà cộng đồng đó tôn thờ.

Người phương Đông có quan niệm “sinh ký, tử quy”. Tức là sống ở cõi đời chỉ là nơi tạm gửi tấm thân, còn khi chết mới là về. Từ về ở đây tức là cõi vĩnh hằng, cực lạc, về với tổ tiên.

4. Những bài văn tế cho người qua đời trong từng giai đoạn

VĂN KHẤN LỄ TẠI NGHĨA TRANG (NƠI CHÔN CẤT MỘ)



Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

Hoàng thiên Hậu Thổ, chư vị Tôn thần.

Các ngài Thần linh bản xứ cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày.... tháng..... năm..... (âm lịch)

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện: Hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày ra trước án, kính mời chư vị Tôn thần về chứng giám.

Chúng con xin ký táng ngôi mộ của.....

Tại xứ này, chúng con xin kính cáo các đấng Thần linh, Thổ công, Long mạch và các Liệt vị Tôn thần cai quản ở trong khu vực này.

Thiết nghĩ: Tôn thần thông minh chính trực, đức lớn, công lao, nhân từ hiếu sinh, hộ nhân giúp vật. Nay xin thương xót tín chủ chúng con, tời đây chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho vong linh được an nhàn, yên ổn, siêu thoát.

Lại phù hộ cho chúng con toàn gia mạnh khỏe, an khang, bốn mùa thịnh vượng, khiến cho tất cả đều được thấm nhuần, tắm gội ánh quang của chư vị phúc thần.

Giải tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

BÀI VĂN KHẤN TẠI MIẾU THẦN LINH NGHĨA ĐỊA



Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

*Tín chủ là: đồng gia quyến hiện ở tại thôn.....
xã (phường)..... huyện..... tỉnh (thành phố).....*

Kính lạy: Chư vị Thần linh Thổ địa, Long mạch chính thần.

Hiện có mộ phần Chân linh..... (là cố phụ, cố mẫu.....)

Táng tại bản xứ.....

*Nay tín chủ thiết kêu thiết cầu, mong chư vị lai lâm giám
chiếu.*

Độ cho vong linh an nhàn yên ổn, siêu thoát u đồ.

Gia ân cho tín chủ chúng con bình an, mạnh khỏe.

Gọi là có chút lễ mọn, bày tỏ tác thành

Cảm cung cáo vu, kính xin chứng giám.

Cẩn cáo!

Đọc xong vái bốn vái. Khi sắp tàn nhang thì vái tạ, đốt tiền,
vàng và cả sớ tấu (văn khấn) nếu có.



Trong những năm gần đây nhiều địa phương, nhiều dòng họ đã quy tụ được mộ phần vào chung một khu vực tại nghĩa địa, lại xây dựng cả lễ đài, tường bao, đường ra vào, trang trí cây cảnh cho khu vực lăng mộ dòng họ nhà mình, nên việc bảo tồn cũng như thăm viếng rất thuận lợi.

Những trường hợp như thế này, đứng trước lăng mộ Tổ tiên người ta thường khấn bái văn riêng sau đây:



BÀI VĂN KHẤN TẠI KHU LĂNG MỘ



Thắp hương xong, vái 4 vái rồi đọc:

Nhân tiết Thanh minh năm

Hôm nay là ngày tháng..... năm.....

Tử tôn trong họ tộc gồm.....

Hiện ngụ tại.....

Đứng trước phần mộ Tổ tiên gồm có..... hiện táng tại.....

Kính mong các đấng Thần linh, Thổ phủ, Long mạch, Tiên Chu tước, Hậu Huyền vũ, Tả Thanh long, Hữu Bạch hổ.

Cùng liệt vị Tôn thần cai quản bản địa.

Cúi lạy, xin được gia ân, gia hộ cho mồ mả bình yên.

Nhân tiết Thanh minh, toàn họ tộc nghiêng mình kính cẩn (vái bốn vái).

Kính lạy chư vị Tổ Tiên..... (gồm những vị nào)

Đứng trước phần mộ, con cháu gần xa, lễ bạc tâm thành, nhất tâm bái thỉnh.

Kính mong chư vị, lai đáo dương cơ, giám cách giáng lâm nạp thụ lễ vật.

Ban tài ban lộc, bồi đắp hậu sinh.

Tống ách khai hanh, phúc duy thượng hưởng.



BÀI VĂN KHẤN VONG LINH NGOÀI MỘ

(Dùng trong các ngày tảo mộ, sửa mộ, xây đắp mộ)



Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần).

Kính lạy hương linh.....

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....
(âm lịch)

Chúng con là.....

Nhân tiết Thanh minh, chúng con và toàn thể gia đình con cháu, nhờ công ơn đức cao dày, gây dựng cơ nghiệp của.....

Chạnh lòng nghĩ đến âm phần ở nơi hoang vắng, thành tâm sửa biện: Hương hoa, lễ vật và các thứ cúng dâng, cáo yết tôn thần xin sửa sang phần mộ cho thêm vững chắc.

Nhờ ơn Phật, Thánh phù trì, đội đức trời che đất chở, cảm niệm thần linh phù độ, khiến cho được chữ bình an, âm phù dương trợ.

Con cháu xin vì hương linh, phát nguyện tích đức tu nhân, lấy phúc này hướng về tiên tổ.

Cúi xin linh thiêng chứng giám, thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì con cháu: Che tai cứu nạn, ban tài tiếp lộc, điều lành mang đến, điều dữ xua đi. Độ cho gia đạo hưng long, cháu con vui hưởng lộc trời, già trẻ nhuần ơn Phật Thánh.

Giải tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!



BÀI VĂN KHẤN TRONG DỊP CÚNG BA NGÀY

(còn gọi là tế ngu)



Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....
Nhân dịp tế ngu (cúng ba ngày) chúng con kính sửa trầu rượu
cụ soạn mọi vật dâng lên trước linh tọa khóc mà than rằng:

Than ơi!

Vật đổi sao rời, mây bay, trăng khuyết
Khá trách thay tạo hóa đa đoan, chỉ đến nỗi đàn con đau đớn.
Nhớ cha (mẹ) xưa tính nét thảo hiền, dưới nhường trên kính,
Ngoài làng trong họ, kẻ mến người yêu,
Tưởng cảnh tượng đoàn viên,
Trời cho sống tròn tám chín mười mười tuổi;
Để đền công ơn ba năm bú mớm, sẻ ngọt chia bùi một nhà
sum họp.

Trời cho sống đủ ba vạn sáu ngàn ngày,
Để đền ơn chín tháng cưu mang, để đau mang nặng.
Thương ơi! Tóc tơ chưa báo, công đức chưa đền,
Bỗng đâu một phút hơi tàn, âm cung Hạ cách muôn năm
giấc mộng;

Chia Bắc rẽ Nam, đành rằng phách lạc bơ vơ;

Tàng hiểm đã yên một giấc,

Hồn bay phảng phất, biết đâu mà về.

Dấu khóc vẫn, than dài, tìm đâu cho thấy;

Dấu tôi kêu sớm gọi, khôn nổi dò la.

Thôi thì thôi! Hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi;

Không còn sớm tôi trông nom, khuyên răn lũ cháu.

Sống mỗi người một nét, chết mỗi người một chứng;

Không còn người ngày đêm dạy bảo, săn sóc đàn con.

Nay sơ ngu tế (tái, tam ngu tế) dâng chút lòng thành
Đĩa muối, lưng cơm, chén canh, dài rượu.
Công đức cao dày; trên linh tọa chứng tình chay nhạt;
Khóc than kẻ lữ, dưới suối vàng thỏa chí vầy vùng.
Cẩn cáo!



BÀI VĂN CÚNG TRONG DỊP 49 NGÀY HOẶC 100 NGÀY



Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Nhân tuần chung thất (hoặc 100 ngày)

Chúng con và toàn gia kính sửa trầu rượu, cỗ bàn mọi vật dâng lên cha (mẹ).

Than ôi!

Thân phụ (mẫu) đi đâu, vội vàng chi mấy;

Trời cao có thấy, thảm thiết muôn phần thương thay!

Người đời giấc mộng, hình ảnh phù vân;

Ngày tựa chim bay, tiết vừa bốn chín (hoặc trăm ngày);

Thoi đưa thấm thoát nay đã bảy tuần (hoặc trăm ngày).

Cây lặng gió lay, khóc làm sao được;

Lưng cơm đĩa muối, gọi chút đèn ân.

Cẩn cáo!



VĂN TẾ TIỂU TƯỜNG, ĐẠI TƯỜNG

(GIỖ ĐẦU, GIỖ ĐOẠN)



Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Chúng con cùng cả họ, nhân ngày tiểu tường (đại tường) kính dâng chay nhặt;

Trước linh tọa khóc mà than rằng:

Than ôi!

Mây giăng, gió giữ làm chi sớm độc địa hồi trời!

Hơn một ngày không ở. Đành rằng tử sinh có mệnh, kém một ngày không đi.

Nhờ những lúc một nhà sum họp; cha trước, mẹ sau.

Bỗng từ đâu hai ngã chia phôi, kẻ còn người khuất.

Thương ôi!

Công đức chưa đền, đau đớn như chưa chan giọt lệ.

Âm cung xa cách. Xót xa thay bối rối ruột tằm.

Tính đốt ngón tay, kể tháng đã hai năm (13 tháng);

Tiểu tường tế duyên, chưa khô hàng lệ.

Tính ngày vừa ba trăm sáu một ngày, giỗ đầu diện lễ. (Nếu đại tường thì đổi hai câu này: Tính đốt ngón tay đã bảy trăm hai mươi một ngày - là tuần giỗ đoạn)

Chay nhặt dâng lên;

Dưới chín suôi cha (mẹ) già chứng giám;

Khóc than kẻ lẻ: Trước linh sàng con trẻ khấu đầu; cúi xin hàm hưởng.

Cẩn cáo!

VĂN TẾ TRỪ BỎ TANG PHỤC (ĐÀM TẾ)



Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Con là..... (tự tử - con thờ tự) cùng cả họ nhân dịp tuần Đám tể, kính sửa lễ bạc cùng mọi thứ lễ vật, dâng lên hương hồn cha (mẹ) mà rằng:

Than ôi!

Thân phụ (mẫu) đi đâu, côi trần vắng mặt, trời cao có thấu;

Mỗi mắt trông chờ, giọt lệ chứa chan.

Kể từ khi cưỡi hạc linh lên cõi thần;

Kể tháng đã ba năm hai mươi sáu tháng, qua tiết đại tường.

Kể từ lúc bóng câu qua cửa sổ;

Tính ngày vừa bảy trăm tám mươi ngày; là tuần Đám tể.

Thôi từ đây, tang sự hết rồi. Lễ hung thành cát.

Đạo con phụng sự. Lòng hiếu tâm thành.

Trên linh tọa một tuần chay nhạt;

Dưới suối vàng cha (mẹ) hãy chứng tình.

Cẩn cáo!



BÀI VĂN TẾ CẢI TÁNG (BỐC MỘ)



Than ôi!

Cha (mẹ) bỏ cõi trần, tiếng thơm còn lại;

*Sự của nhà thuở vẫn được yên, nhưng ngôi mộ còn chưa
phù hợp.*

Nay tìm đất tốt, xin rời sang, yên ổn nằm xương.

Tâm sửa lễ nghi, xin chứng lấy tâm thành;

Từ nay được chốn, cầu hôn phách tam yên.

Không ngại về sau; cháu con vui vẻ;

Cẩn cáo!



BÀI VĂN KHẤN TẠ MỘ

(Nhân dịp Thanh minh hoặc dịp thăm mộ)



Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Hoàng thiên Hậu thổ, chư vị Tôn thần.

- Các ngài Thần linh bản xứ cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ chúng con là.....

Ngụ tại:.....

Nhân tiết Thanh minh (hoặc con có dịp về thăm phần mộ)

Thành Hoàng bản thổ nơi đây

Đất lành chim đậu, đất dày thanh cao

Gửi lành họa phúc công lao

Có kết, có phát nhờ vào thần quan

Tôn thần Long mạch cao sang

Nhị thập tứ hướng - Nhị thập tứ sơn quanh vùng

Chọn đây an táng mộ phần

Thỏa yên muôn thuở, hồng ân đời đời.

Gia ân mãi mãi không thôi

Chúng con xin có vài lời cầu xin

Bái tạ thủ một thần quan

Cho chân linh dưỡng, cho hài cốt nguyên vẹn toàn

Phù hộ con cháu trần gian

An khang mạnh khỏe, ăn làm gặp may.

Sông có nước, rừng có cây

Nhớ ngày giỗ tết hương bay ngạt ngào

Lòng thành lễ mọn thỉnh chào

Tùy theo ngôi thứ thấp cao tôn thờ
 Nay nhân ngày.....
 Họ tên (vợ, chồng, con, cháu)..... địa chỉ.....
 Đăng ký vong linh: Họ tên người chết.....
 Phần mộ ký táng tại.....
 Cung thỉnh thần linh chấp kỳ lễ bạc
 Chứng minh công đức.
 (Khấn vái 3 lần rồi đốt vàng, tiền).



5. Ngày giỗ

Theo phong tục Việt Nam, để tưởng nhớ sâu sắc và lâu dài công ơn cha mẹ, hàng năm đúng vào ngày qua đời của cha mẹ, người ta đều làm giỗ. Mặc dù, dân ta không có tập quán làm ngày sinh (sinh nhật), nhưng tập quán làm giỗ lại rất trọng hậu. Khi ông bà, cha mẹ “ra đi” thì sự tử cũng như sự sinh, phụng dưỡng người đã chết như người còn sống.

Việc cúng giỗ người đã chết không phải là một tôn giáo, mà là một tập tục. Nhà nước không ghi thành phép tắc, song nó lại là một điển lệ trong phong tục. Phong tục nhiều khi ràng buộc hành vi của con người chắc chắn hơn luật pháp rất nhiều.

Ngày giỗ là ngày kỷ niệm lúc lâm chung của người quá cố hàng năm, anh em, con cháu, bà con họ hàng thân thích tưởng nhớ đến người đã khuất, ôn lại cội nguồn, giáo dục truyền thống. Nhận thức đúng ý nghĩa của ngày giỗ, thì không nên bày vẽ cỗ bàn linh đình, ăn uống chè chén lãng phí, xa hoa.

Trong dịp ngày giỗ, con cháu thường tổ chức ra thăm mộ, đắp thêm đất vào mộ, bù vào những đất thiếu hụt do mưa nắng lâu ngày sụt lở (nếu như mộ chưa xây) và thắp lên mộ những nén nhang tưởng niệm.

Ngày giỗ cũng là dịp gia đình, thân tộc kiểm lại việc thực hiện di chúc của người quá cố. Nếu có việc gì chưa làm được thì phân công, nhắc nhở nhau làm cho tròn những điều ước vọng của người đã khuất. Thiết tưởng đó là một trong những cách tốt nhất để tưởng nhớ và trả ơn ông bà, cha mẹ... đã có công sinh thành và nuôi dưỡng mình.

Trong tập quán cổ truyền về việc tang, người ta còn phân ra các ngày giỗ như sau:

Lễ ba ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu (Tiểu tường), giỗ hết (Đại tường) và cuối cùng là lễ Đám (Đàm tế). Tất cả các ngày lễ kể trên đều là lễ trọng, không được bỏ qua một loại lễ nào, dù trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào. Lễ ba ngày, bốn

chín ngày, một trăm ngày đã được trình bày ở phần trên. Dưới đây xin được trình bày giỗ Tiểu tường, Đại tường và giỗ Đàm.



Giỗ đầu (tiểu tường)

Tiểu tường có nghĩa là diêm lành nhỏ. Theo tập quán xưa, các cụ thường giải thích rằng: Người chết sau một năm thì hương hồn đã được yên vị nơi cửu tuyền (chín suối), tà ma không dám tới quấy nhiễu nữa. Có người đã thành thần hay đi đầu thai kiếp khác. Nếu như trong đời sống trần thế trước đây có công đức và đạo hạnh cao. Cũng trong lúc ấy, ở trần thế, sự đau đớn của con cháu đã vơi đi nhiều phần.

Giỗ đầu là đúng tròn một năm (theo âm lịch), con cháu tụ tập để làm giỗ, dù cho những ngày này con cháu có bận rộn đến đâu, cũng phải thu xếp mọi công việc để làm giỗ đầu cho thật chu đáo. Từ sau lễ này con cháu mới bỏ các hung phục (tang phục) như đồ sô gai, mũ, gậy... Ngày nay, nhiều gia đình thường bỏ mũ, áo trong dịp lễ bốn chín ngày hoặc một trăm ngày, mà trong ngày này chỉ còn giữ tục cúng lễ.

Theo tập quán xưa, trước ngày giỗ chính thức, con cháu phải làm lễ “cáo giỗ”. Ngày cáo giỗ còn gọi là ngày “tiên thường”. Ngày này, con cháu báo cáo cho người đã khuất việc cúng giỗ ngày hôm sau. Trong ngày cáo giỗ, gia chủ phải làm lễ cáo với Thổ công, Thần linh, xin phép cho vong hồn được cúng giỗ về thụ hưởng. Đồng thời, cũng xin Thổ Công cho phép các linh hồn gia tiên nội,

ngoại nhà mình về dự giỗ. Người ta tin rằng “đất có Thổ công, sông có Hà bá”, những hương hồn muốn về thăm con cháu đều phải xin phép Thổ Công vào ngày “tiên thường”, tức là trước ngày giỗ chính một ngày.

Ngày “tiên thường” này, con cháu phải ra mộ khấn mời vong hồn người chết về hưởng giỗ. Sửa sang lại phần mộ cho chu đáo (nếu mộ chưa xây thì phát cỏ, đắp đất thêm, dọn dẹp xung quanh...). Lau rửa bàn thờ, chuẩn bị các đồ lễ. Khi cúng cáo giỗ phải khấn Thổ công trước, rồi sau đó mới khấn tổ tiên và người được cúng giỗ.

Theo cổ lệ, chỉ có những ngày giỗ lớn mới có cáo giỗ, còn những ngày giỗ nhỏ, con cháu chỉ cúng ngày chính giỗ. Những ngày giỗ lớn là giỗ ông bà nội, cha mẹ, chồng vợ.

Tục xưa, trong “tiểu tường” gia chủ thường sắm đồ mã bằng giấy, biểu trưng những đồ dùng hàng ngày của người đã qua đời ở thế giới bên kia cần đến như: Quần áo, vàng, bạc (ngày nay, người ta còn làm cả tử lạnh, ti vi, nhà lầu, xe hơi... thật là quá đáng). Trên thực tế, vàng mã chỉ là tượng trưng ý niệm của con người.

Thời cổ đại, khi chôn cất người qua đời, người ta thường chôn theo những đồ vật thường dùng (gọi là đồ tùy táng). Có một số đồ vật quá lớn như nhà ở, giếng nước, trâu bò, ngựa xe... không thể chôn theo trong mộ được, người ta làm mô hình nhỏ lại để chôn theo (gọi những thứ này là đồ minh khí). Rồi về sau này, do tư duy trừu tượng của con người phát triển, người ta mới làm bằng giấy thay thế cho các đồ tùy táng và đồ minh khí (gọi chung là đồ mã). Đến ngày giỗ, hoặc ngày rằm tháng bảy, sau khi cúng kiếng, người ta đốt đi để người ở thế giới bên kia nhận được. Riêng đối với ngày rằm tháng bảy, người ta thường đốt mã trước ngày 14 tháng 7 âm lịch để đồ mã được kịp chở đến cho người ở cõi âm.

Những gia đình có người mới chết cũng nhân dịp này mời tăng ni tới làm chay, tụng kinh, đốt vàng mã. Ngày nay, tục này cũng vẫn phổ biến, người ta sắm cho người đã khuất các đồ mã như: Áo, quần, mũ, giày, tiền, vàng, bạc... Cùng với sự hiện đại hoá làm đồ mã như: Nhà lầu, xe hơi, ti vi, tử lạnh... rất tốn kém. Thiết nghĩ,

đồ mã chỉ là biểu trưng, mà làm thế nào để thể hiện tốt tâm ý của mình nhớ về cội nguồn là được.



Giỗ hết (đại tường)

Người ta gọi là giỗ đoạn, lành nhiều, giỗ hết tang (hoặc đoạn tang). Có nghĩa là đúng hai năm kể từ ngày từ trần và là giỗ lần thứ hai, được coi là chấm dứt (hết việc). Mặc dù hết việc, nhưng theo tục lệ, phải hai ba tháng sau, người ta chọn một ngày để làm lễ trừ phục, hay còn gọi là lễ đàm (đàm tế) thì mới thực sự là hết việc. Gọi là lễ trừ phục bởi vì sau lễ này, tất cả các đồ tang phục đều được đem đốt. Từ đấy, những người để tang trong nhà mặc lại thường phục như trước kia.

Cũng trong ngày “lễ đàm”, người ta rước linh vị vào bàn thờ chính, bỏ bàn thờ tang (thờ vong). Linh vị mới thường phải được chép sẵn từ trước, phủ giấy hay vải đỏ. Khi “đàm tế” ở bàn thờ tang xong thì đốt linh vị cũ, đốt cả băng đen phủ khung ảnh và văn tế. Sau đó, rước linh vị, bát hương, ảnh chân dung đặt lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới.

Thực tế là thời gian từ “đại tường” tới lễ “trừ phục” (lễ đàm) chỉ trong vòng 3 tháng trở lại, cộng với 2 năm trước, là hai mươi bảy tháng. Dân gian có câu vợ khóc chồng rằng: “Ba năm hai mươi bảy tháng chàng ơi!”. Trong thi văn Việt Nam, nhiều tác phẩm cũng nói tới thời gian này. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương khóc chồng có hai câu kết như sau: “Hai mươi bảy tháng trời là mấy chốc. Trăm

năm quan phủ Vĩnh Tường ơi!”. Như vậy, vợ để tang chồng cũng hai mươi bảy tháng, giống như con để tang cha mẹ.

Theo tập quán của nhân dân ta, thì sau khi đoạn tang (lễ đám), bàn thờ người quá cố mới được hủy bỏ và nhập vào bàn thờ chung. Bát hương sau khi đoạn tang, mới được nhập vào bát hương chung của tổ tiên. Nếu không nhập vào bát hương chung, thì bát hương này phải nhỏ hơn và thấp hơn bát hương của tổ tiên.

Từ ngày giỗ đầu (tiểu tường), đến các giỗ những năm sau, việc cúng giỗ đều do người con trai trưởng thực hiện. Nếu người này đã chết thì do cháu đích tôn (tức cháu nội - con của anh cả) đảm nhiệm. Vì hai người này là trưởng một chi nhánh trong họ. Những người con thứ, cháu thứ, con gái và cháu ngoại vẫn có bốn phận và không thể quên được giỗ cha mẹ, ông bà. Những người con thứ, cháu thứ, con gái, cháu... trước ngày giỗ đều “gửi giỗ” bằng tiền mặt hoặc đem lễ vật đến cúng. Con cháu ở xa hay vì một lý do nào đó mà không về được, người ta cũng “gửi giỗ” và thậm chí hàng xóm cũng “gửi giỗ”. Tiền mặt “gửi giỗ” hoặc lễ vật nhiều hay ít thường do khả năng tài chính của từng gia đình, hoặc do sự liên hệ xa - gần giữa người sống với người chết. Quan trọng là nơi tấm lòng người về dự giỗ. Ở xa không về được, nếu có “gửi giỗ” hay không cũng có thể làm giỗ ở nhà mình, gọi là cúng vọng, vì quan niệm “con ở đâu, cha mẹ ở đó”.

Ngày giỗ, ngoài con cháu họ tộc, người ta vẫn mời bà con xóm phố, bè bạn thông gia... Khách khứa đến “ăn giỗ” luôn mang đồ lễ tới cúng, rộng rãi thì có nhiều thứ trên một cái mâm, cái đĩa nếu không thì chai rượu trắng cũng là quý. Ngày nay, một số khách đến đám giỗ còn đem thẻ nhang và cái phong bì (tiền), (vì cũng không biết mua cái gì cho hợp), cũng là góp vào để tùy gia chủ mua sắm cho thiết thực. Tất cả lễ vật này đều được đặt trên bàn thờ trước khi khách làm lễ. Khách thắp hương, lễ trước bàn thờ (có thể lạy hoặc vái). Khi khách lễ, gia chủ phải tự thân đáp lễ. Ngoài tính cách lễ nghi, chuyện này còn có liên quan tới trình độ kiến thức của con người Việt Nam và cũng là một phép xã giao,

phù hợp với hành vi đẹp của thuật đối nhân xử thế (nếu hiểu theo quan điểm thời nay).

Lễ vật trong ngày giỗ thường bao gồm: trâu, rượu, các món ăn, hương hoa, oản quả, đồ mã... Nhiều gia đình còn chuẩn bị các món ăn mà lúc sinh thời, người quá cố ưa thích (như món lươn om xương xông lá lốt, bò kho, gà rang mỡ...).

Trong ngày giỗ thời nay, người ta cũng làm rất thoáng. Có gia đình, con cháu ưa thích món thịt chó, thì con cháu thịt một con chó, hoặc mua thịt chó 7 món ở ngoài tiệm ăn đem về. Còn trên bàn cúng giỗ chỉ làm vài món thanh khiết.

Cúng giỗ phải có khăn vái. Người xưa có văn khấn riêng. Lời khấn cho dầu thế nào, hương hồn người chết cũng cảm thông và hưởng những lễ vật của con cháu dâng lên. Khăn vái do tâm thành mà có. Tâm có thành cả quỷ thần cũng chứng giám (Tâm động quỷ thần tri).

Ngày giỗ năm thứ hai, còn được gọi là giỗ hết. Trong ngày giỗ này bà con thân thuộc hay nói: “Nhanh thật! Mới ngày nào! Sống thì lâu, chứ chết không mấy chốc đã ra người thiên cổ”.

Theo quan niệm dân gian, trong ngày giỗ hết, người ta cũng đốt mã cho người đã khuất và năm nay đốt lại nhiều hơn năm trước. Tục ta tin rằng, đốt mã năm trước là mã biểu vì người nhận đồ dùng của con cháu đốt trong ngày Tiểu tường phải đem biểu các ác thần, để tránh những sự quấy nhiễu.

Cổ bàn trong ngày giỗ hết cũng linh đình hơn. Vì sau ngày giỗ này, hương hồn người khuất sẽ thừa về thăm con cháu hơn trước đây, nên con cháu muốn dâng cúng thịnh soạn hơn.

Khi đồ lễ đã bày đầy đủ lên bàn thờ, người chủ gia đình quần áo chỉnh tề, đốt đèn nến, thắp 3 nén nhang dâng cắm lên bát hương (bàn thờ) ông Công ông Táo, rồi vái lạy, xin Thổ Công, Thần linh cho phép hương hồn người quá cố về hưởng giỗ. Tiếp đó thắp hương dâng cắm lên bát hương gia tiên và cuối cùng mới thắp hương dâng cắm lên bát hương ở ban thờ người quá cố. Sau một tuần nhang, người ta lại thắp thêm một tuần nhang nữa, khi gần tàn nhang thì vái tạ, rồi hoá vàng.

Khi hoá vàng, không thể tùy tiện hoá ở đâu cũng được, mà phải chọn chỗ sạch sẽ, thuận tiện theo chiều gió. Nếu có chậu chuyên hoá vàng càng tốt, không thì phải chọn chậu nhôm hoặc chậu sắt tráng men (có thể lót tầu lá chuối để khỏi đen chậu). Khi vàng, tiền giấy cháy hết (tro vàng đang còn hồng) thì đổ vào một chén rượu cúng, hoặc phun vào một ngậm rượu (dân gian cho rằng làm như vậy, vàng và tiền ấy mới trở thành vàng thật và tiền thật ở thế giới bên kia. Như vậy, cỏi âm mới nhận được số tiền, vàng đồ mã, mà cỏi dương chuyển đến).

Có lẽ ông cha ta xưa cũng rất tinh tường, vì rằng rượu cháy ở 40 độ, nên khi than của vàng, tiền đang còn hồng hồng lại gặp rượu đổ vào nó sẽ cháy bùng lên, làm cho vàng, tiền và đồ mã cháy thật hết. Mặt khác, cũng đáp ứng được niềm tin tâm linh của người sống. Hoá vàng xong, mọi người ăn cỗ hưởng lộc của các cụ một cách vui vẻ. Trước khi ra về, mọi người được gia chủ gửi quà biếu (gọi là lộc) cho các cháu ở nhà, nhằm cho con cháu ai cũng được hưởng lộc.

Những ngày giỗ sau ngày giỗ hết chỉ là những ngày giỗ thường hay kỵ nhật và việc cúng lễ sẽ cử hành như những người đã qua đời trước. Vì vậy, ngày giỗ hết là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả những ngày giỗ đối với người qua đời. Quan trọng nhất, vì nó đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời của người còn sống cũng như đối với vong linh của người đã khuất. Vì với người đang sống là thời kỳ hết tang, người ta trở lại đời sống thường nhật (thời xưa, chỉ sau khi hết tang, người vợ góa mới có thể đi bước nữa, con người mới được tham gia các hội hè đình đám...).

Những ngày giỗ từ năm thứ ba trở đi, người ta gọi là ngày giỗ thường hay cát kỵ. Nếu giỗ Tiểu tường và giỗ Đại tường là lễ giỗ trong vòng tang, còn mang nặng những xót xa, tủi hận, bi ai thì ngày giỗ thường lại là ngày vui của con cháu nội, ngoại.

Dân gian có câu:

“Trâu bò được ngày phá dỡ,
Con cháu được ngày giỗ ông.”

Đây là dịp để mọi người trong gia đình, họ tộc gặp nhau, thăm viếng sức khoẻ và cố kết cộng đồng, gia đình, dòng họ.

Ngày giỗ lại còn tuỳ phong tục của từng địa phương, từng dân tộc, từng gia cảnh mà việc tổ chức ngày giỗ có khác nhau. Điều quan trọng là nhân ngày này, thế hệ con cháu tưởng nhớ đến người đã khuất, thể hiện lòng thành với vong linh tổ tiên. Nếu như nén hương, chén nước, đĩa muối, lưng canh mà thành tâm thì cũng giữ được đạo hiếu và lòng biết ơn tổ tiên.

Cúng giỗ người đã khuất cốt thể hiện lòng “nhân”, đạo “hiếu”, tác dạ “thủy chung” của những người đang sống. Đây cũng là nét đạo lý làm người trong truyền thống văn hoá Việt Nam.



VĂN KHẤN TỔ TIÊN NGÀY GIỖ



Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy Tổ tiên nội, ngoại!

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....(âm lịch).

Chính ngày (Tiểu tường, Đại tường, Cát ky) của.....

Thiết nghĩ vắng xa trần thế, không thấy âm dung.

Năm qua tháng lại, vừa ngày huỷ lâm.

Ôn võng cực xem bằng trời biển,

Nghĩa sinh thành không lúc nào quên

Càng nhớ công ơn, gây cơ tạo nghiệp

Càng cảm thâm tình, khôn bề dải tỏ

Nhân ngày chính giỗ

Chúng con và toàn gia con cháu

Nhất tâm sắm sửa lễ vật kính dâng

Đốt nén tâm hương giải tỏ tác thành.

Thành khẩn kính mời.....

Mất ngày..... tháng..... năm.....(âm lịch).

Phần mộ táng tại.....

Cúi xin chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Độ cho con cháu bình an,

Gia cảnh hưng long thịnh vượng.

Con lại kính xin: Các cụ Tổ tiên nội, ngoại:

Tổ khảo, Tổ tỷ, Bá thúc, Cô di và toàn thể hương linh

Gia tiên đồng lai hâm hưởng.

Tín chủ con lại xin kính mời:

Ngài Thổ Công, Táo Quân đồng lai thượng hưởng.

Cẩn cáo!

VĂN KHẤN THỔ THẦN LONG MẠCH

(Ngày tiên thường - cáo giỗ)



Trước khi cúng giỗ tổ tiên hoặc ông bà, cha mẹ đều phải cáo với gia thần ở trong nhà, hoặc ngoài mộ như: Thổ Công, Táo Quân, Long mạch.

Nam mô A Di đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

Hoàng Thiên hậu Thổ chư vị tôn thần.

Các ngài thần linh cai quản trong xứ này

Hôm nay là ngày tháng năm (âm lịch)

Tín chủ con là

Ngụ tại

Nhân dịp sáng mai ngày giỗ

Chúng con cùng toàn thể gia quyến

Tuân theo nghi lễ cổ truyền,

Sửa biện hương hoa, lễ vật và các thứ cúng dâng.

Trước án toạ tôn thần, cùng chư vị uy linh

Kính cẩn tâu trình

Cúi xin các ngài chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Kính cáo bản gia Thổ Công, Táo Quân, Long mạch và các vị thần linh, cúi xin chứng minh, phù hộ cho toàn gia chúng con bình an, thịnh vượng.

Xin cho phép các tiên linh, vong linh gia tiên chúng con và những vong hồn trong thân tộc được cùng về hâm hưởng.

Cẩn cáo!

VĂN TẾ TIỂU TƯỜNG, ĐẠI TƯỜNG

(Giỗ đầu, giỗ hết)



Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Đức Đường niên bản cảnh Thành hoàng chư vị đại vương.
- Đông Trù tư mệnh Táo phủ thần quân.
- Chư vị gia tiên cao tăng tổ tỷ.

Hôm nay là ngày Tháng năm (âm lịch)

Con là vâng lệnh của phụ (mẫu) thân và các chú cùng các anh chị em trai gái, dâu rể, con cháu nội ngoại

Kính lạy:

Nhân ngày giỗ đầu - tiểu tường (hoặc giỗ đoạn - đại tường) theo nghi lễ cổ truyền,

Kính dâng lễ mọn, với tấm lòng thành.

Trước linh vị

Kính cầu thưa rằng:

Than ôi!

Chôi Thung (Huyền) tuyết phủ, núi Hổ (Dữ) mây che

Làm chi sớm độc địa hồi trời;

Hơn một ngày không ở, sớm một ngày không đi,

Đành tử sinh có mệnh.

Nhớ những lúc một nhà sum họp;

Cha trước mẹ sau.

Bỗng từ đâu hai ngã chia phôi - kẻ còn người khuất.

Thương ôi!

Công đức chưa đền. Đau đôn như chứa chan giọt lệ.

Âm cung xa cách. Xót xa thay bồi rối ruột tầm.

Tính đốt ngón tay, kể tháng đã 12 tháng (hoặc 24 tháng).

Tiểu tường tế duyên, chưa khô hàng lệ.

Tính ngày vừa ba trăm sáu một ngày - giỗ đầu diện lễ.

(Nếu đại tường thì đổi thành: Tính đốt ngón tay, đã bảy trăm hai mươi một ngày - là giỗ đoạn)

Lễ bạc lòng thành, chay nhạt dâng lên

Nhà đơn bạc còn nhiều bề khiếm khuyết;

Hương thơm, nến đỏ, việc lễ nghi tạm gọi theo thời;

Dưới chín suối cha (mẹ) già chứng giám.

Khóc than kể lễ: trước linh sàng con trẻ khấu đầu;

Kính cáo: Liệt vị tôn thân, Táo Quân, Thổ Công... cùng chứng giám và phù hộ cho toàn gia được mọi sự yên lành, tốt đẹp.

Cẩn cáo!



Theo tập quán của nhân dân ta thì sau khi đoạn tang, bàn thờ tạm thời của người quá cố mới được hủy bỏ và nhập vào bàn thờ chung. Bát hương của người quá cố sau khi đoạn tang mới được nhập vào bát hương chung của tổ tiên.

Theo phong tục truyền thống thì sau lễ đại tường 3 tháng thì mới làm lễ trừ bỏ tang phục, dân ta gọi lễ này là lễ đàm. Nghĩa là 27 tháng kể từ khi để tang, người ta chọn ngày tốt để làm lễ đàm tế. Ngày ấy cất khăn tang, rước linh vị vào bàn thờ chính, bỏ bàn thờ tang tạm thời, thu cất (hoặc hoá) các bức trướng, câu đối.

Linh vị mới phải được chép sẵn từ trước, phủ giấy hay vải đỏ, khi tế đàm ở bàn thờ xong thì đốt linh vị cũ, băng đen phủ khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương, ảnh chân dung đặt lên bàn thờ chính (đặt ở hàng dưới). Làm lễ cáo yết tổ tiên.



VĂN KHẤN LỄ ĐÀM TẾ

(Hết việc tang)



Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Đức Đường niên bản cảnh Thành hoàng chư vị đại vương.
- Đông Trù tư mệnh Táo phủ thần quân.
- Chư vị gia tiên cao tăng tổ tỷ.

Hôm nay là ngày.....tháng.....năm

Con là Vâng theo lệnh của mẫu (phụ) thân và các chú, cùng với anh chị em dâu rể, con cháu nội ngoại kính lạy:

Theo nghi lễ cổ truyền, nhân ngày lễ đàm tế

Chúng con kính dâng lễ mọn, biểu lộ lòng thành.

Trước linh vị của

Kính cầu thưa rằng:

Than ôi!

Nhớ bóng phụ (mẫu) thân, cách miền trần thế

Kể năm đã quá đại tường;

Tính tháng nay là đàm tế.

Tuy lễ hưng biến cát, tang phục kết trừ;

Lễ bạc kính dâng,

Dưới suôi vàng, như có thấu chằng,

Hoạ may tổ, trời kinh đất nghĩa.

Kính mời cùng các vị tiên linh tổ bá, tổ thúc, tổ cô và các vong linh phụ thờ theo tiên tổ về hâm hương.

Kính cáo:

Liệt vị tôn thần, Táo Quân, Thổ Công, Thánh sư, Tiên sư, Ngũ tự gia thần cùng chứng giám và phù hộ cho toàn gia được an khang, thịnh vượng.

Cẩn cáo!

IX. CẢI TÁNG VÀ NHỮNG VIỆC CẦN LÀM

1. Phong tục cải táng người Việt

Cư dân vùng đồng bằng Bắc bộ thường có tập quán mai táng hai lần: Thời kỳ chôn cất lúc đầu được gọi là hung táng - người chết chôn tạm thời ở nghĩa trang (có nơi còn gọi là ký táng), sau ba hoặc bốn năm cải táng, đưa lên nghĩa trang vĩnh viễn gọi là bốc mộ (cải táng).

Khi nhập quan, người ta thường lót ở đáy quan tài một tấm ni lông (hoặc loại vải nào khác không mục nát trong khoảng thời gian từ 3 - 5 năm). Chuẩn bị thêm 4 túi ni lông hoặc túi vải ni lông để bọc hai bàn tay và hai bàn chân, nhằm khi bốc mộ, các đốt xương tay, xương chân không lẫn với bùn đất khác, mà vẫn nằm gọn trong túi.



Tục cải táng có nhiều nguyên nhân, song có một nguyên nhân tâm lý là người ta tin rằng cái huyết mạch của tổ tiên và con cháu có quan hệ với nhau. Nếu hài cốt tổ tiên có ấm, thì con cháu mới mát mặt, nếu hài cốt không yên thì con cháu cũng không yên ổn.

Thông thường gia chủ phải chọn ngày, giờ cải táng cho hợp với mùa, với thời tiết và với nhu cầu của gia đình. Nhân dân vùng đồng bằng Bắc bộ có thói quen cải táng vào mùa đông (từ tiểu hàn đến đại hàn).

Giờ giấc cải táng (bốc mộ) chỉ nên làm vào sáng sớm và được tính toán rất chi tiết, làm sao phải hoàn tất trước khi sáng rõ mặt người. (Theo quan niệm dân gian Việt Nam: khi còn trời tối ở dương gian, là ban ngày ở âm phủ. Mặt khác, theo sự hiểu biết của chúng tôi, nhân dân ta tránh làm công việc này vào ban ngày cũng là để giữ vệ sinh chung, và cũng không muốn để mọi người xung quanh trông thấy mình đang làm một công việc hệ trọng và thiêng liêng).

Mọi người làm nhiệm vụ bốc mộ đều phải đeo khẩu trang, rửa tay bằng rượu, nước ngũ vị (nếu dùng gừng tay cao su thì càng tốt). Những người tham dự bốc mộ chỉ nên đứng đầu gió để tránh ô nhiễm.

Thông thường trước hôm cải táng, gia chủ phải làm lễ cáo yết tổ tiên. Đêm hôm cải táng phải làm lễ khấn thổ công nơi để mả mới táng. Toàn bộ hài cốt thu được trong quan tài phải rửa thật cẩn thận bằng nước ngũ vị (hoặc rửa bằng rượu), xương sọ được rửa kỹ hơn, nhất là hai hốc mắt. Nhiều người quan niệm rằng: có rửa sạch hai hốc mắt thì con cháu được “phù hộ” làm ăn tinh tường. Sau đó, tất cả được lau khô bằng giấy bản và xếp vào tiểu sành theo đúng vị trí cấu trúc của cơ thể thu nhỏ. Xương sọ được xếp ngay ngắn, đệm bằng những xương nhỏ cho chặt, đảm bảo xương quai hàm dưới ở tư thế như được gắn liền.

Các xương chân tay được xếp ở hai bên (xương bên phải được xếp ở bên phải, xương bên trái được xếp ở bên trái). Tất cả các xương khác xếp giữa. Tiếp theo, trải các xương sườn úp xuống thành hai hàng bên phải và bên trái. Tuy nhiên, trước khi xếp hài cốt, cần phải lót giấy màu hoặc vải vào trong tiểu sành và hai bên thành tiểu, rồi phủ vải hoặc giấy lên trên. Xong, dây nắp tiểu bằng những viên gạch đặt nằm ngang một lượt (gạch này được chọn lựa rất cẩn thận - gạch được nung đúng độ lửa, phẳng phiu, độ dày mỏng đều đặn).



Sau khi cải táng, hài cốt được chôn vĩnh viễn. Lúc này có thể xây mộ cẩn thận để tránh xói mòn, sụt lở do mưa nắng. Kiểu dáng ngôi mộ được xây tùy theo thị hiếu và thiết kế của từng gia đình, nhưng không nên quá cầu kỳ, tốn kém, hoặc quá lớn làm ảnh hưởng đến quy hoạch chung của nghĩa trang.



VĂN KHẤN LONG MẠCH, THỔ THẦN

(Khi cải táng)



Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Hoàng thiên hậu Thổ chư vị tôn thần

- Các ngài thần linh cai quản trong xứ này

Hôm nay là ngày Tháng năm (âm lịch)

Tín chủ con là

Ngụ tại

Nhân ngày cải cát của

Phần mộ tại

Chúng con cùng toàn thể gia quyến

Sửa biện hương hoa, lễ vật cùng các thứ cúng dâng.

Trước án toạ tôn thần, Long Mạch và các vị thần linh

Cúi xin chứng giám

Phù hộ cho toàn gia chúng con bình an, thịnh vượng.

Cẩn cáo!



VĂN KHẤN LỄ BỐC MỘ



Hôm nay là ngày tháng năm (âm lịch)

Con là cùng toàn thể gia quyến

Kính cẩn than rằng:

Than ôi!

Cha (mẹ) bỏ cõi trần, tiếng tăm còn lại

Sự của nhà thuở vẫn được yên,

Ngôi mồ mả vẫn còn chưa hợp.

Nay tìm đất tốt, xin rời sang yên ổn nắm xương,

Tâm sửa lễ nghi,

Xin chứng lấy tiến thành một chút, từ nay được chôn;

Cầu hồn phách tạm yên, không ngại về sau

Cháu con vui vẻ.

Cẩn cáo!



Theo cổ tục và cho đến nay nhiều người vẫn tin là có những trường hợp người ta cho rằng “mả kết” không nên cải táng (thuật ngữ xưa gọi là tường thụ) tức là mả phát, tốt đẹp. Thông thường “mả kết” là người ta căn cứ vào một số hiện tượng sau đây:

- Thấy có con rắn vàng sống ở mả hoặc có khí vật gì. Chúng tỏ đất nơi đây thịnh, mả kết nên rắn hoặc khí vật mới ở trong đó (long xà khí vật).

- Khi mở nắp quan tài thấy dây leo tơ hồng quấn quýt ở chỗ áo quan, hoặc có những giọt nước trắng như sữa ở bên ngoài hoặc trong áo quan. Những giọt nước này hơi ẩm. Mả như vậy có sinh khí và đã kết.

- Một hơi ẩm tiết ra ở mộ, trong huyết lại khô ráo.

- Những xương cốt dính liền vào nhau kết thành tượng...

- Mặc dù mộ nằm dưới đất trũng, đất ruộng, nhưng mả tự nhiên được bồi đất lớn ra, như vậy là mả phát, gia đình con cháu làm ăn phát đạt, giàu có hay đỗ đạt.

Khi bốc mộ mà gặp những trường hợp trên thì người ta làm thủ tục lấp ngay và có cúng kiếng chu đáo. Chúng tôi nghĩ rằng, đây là những trường hợp rất hiếm hoi, thật khó có loại mộ có đủ yếu tố này. Nhưng đó là niềm tin của dân chúng.

Một số địa phương, trong những năm gần đây, có những họ tộc lại quy mộ các cụ nhiều đời vào một ngôi mộ lớn, rồi xây thành nhà mồ. Việc đó rất tốt, vừa đỡ được diện tích đất, vừa tập trung vào một khu vực, thuận tiện cho những lúc đi thăm mộ trong những ngày giỗ, tết...

Những nơi không có tập quán mai táng hai lần, thì đào sâu chôn chặt một lần cũng là hợp lẽ. Trường hợp này phải làm rất cẩn thận. Thường thì trong quan, ngoài quách. Nếu không làm quách có sẵn, thì dùng xi măng cốt sắt kiên cố.

Dù đào sâu chôn chặt, hoặc cải táng thì bao giờ nơi mộ cũng phải để lỗ thông thoáng (người ta thường gọi là lỗ thông thiên). Cần lưu ý là lỗ thông thoáng có thể trên nắp mộ hoặc bên hông phía trên thành mộ, nhưng phải có lưới sắt bảo vệ, tránh chuột hoặc rắn rết chui vào.

Tuy nhiên, cách cải táng như đã nói ở trên, không đảm bảo vệ sinh môi trường, có hại đến sức khỏe của những người trực tiếp bốc mộ. Ngay cách mai táng một lần (đào sâu chôn chặt) cũng gây ô nhiễm trực tiếp tới các mạch nước ngầm.

Xu hướng chung của mọi quốc gia, mọi dân tộc văn minh trên thế giới là thực hiện hoả táng hoặc điện táng - đó là hình thức mai táng khoa học, văn minh, vệ sinh và lợi ích nhất.

Bác Hồ trước lúc đi xa, đã để lại cho nhân dân ta lời căn dặn tâm huyết trong bản di chúc lịch sử: “Tôi mong rằng cách hoả táng dần dần được phổ biến. Vì như thế, đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao giờ ta có nhiều điện, thì điện táng càng tốt hơn” (Di chúc của Bác Hồ, tr. 37).

Trong khi chuẩn bị tiến tới hình thành tập quán mới về “hoả táng, điện táng”, chúng ta vẫn còn phải duy trì tập quán mai táng như đã nói ở trên thêm một thời gian nữa. Vì vậy, việc hoàn thiện lễ tang truyền thống của dân tộc Việt ở vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ là việc làm có ý nghĩa tích cực trong xã hội ngày nay.

2. Chọn lựa thời điểm

Chọn lựa thời điểm để cải táng là một việc rất quan trọng. Theo phong tục của người Việt Nam, người mất sau 3 năm thì cải táng, cũng là lúc con cháu mãn tang, tức là hoàn toàn hết để tang vong linh. Vì thế, việc cải táng thường được tiến hành sau 3 năm chôn hưng táng. Tuy nhiên, hiện nay thực tế môi trường địa lý và khí hậu có nhiều thay đổi, các hoá chất được sử dụng nhiều trong đất để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Hiện tượng sau 3 năm xác người chết chưa phân huỷ diễn ra khá phổ biến, nên nhiều gia đình lựa chọn giải pháp là để thời gian cải táng lâu từ 4 - 5 năm để tránh hiện tượng trên.

Năm để tiến hành cải táng phải lựa chọn theo tuổi của vong, tránh những năm xung sát. Ngoài ra, còn phải căn cứ theo tuổi của trưởng nam trong nhà, vì khi vong đã mất thì mọi sự may rủi đều gánh trên vai của người trưởng nam.

Năm để tiến hành cải táng cũng phải được phù hợp với tuổi của người trưởng nam. Một vấn đề được quan tâm nhiều nhất, đó là trường hợp mộ kết. Theo quan niệm của Phong Thủy, khi được chôn vào huyệt tốt thì sau một thời gian mộ sẽ kết phát. Nếu mộ kết phát thì con cháu sẽ thuận lợi, nhiều thành tựu, may mắn. Nếu mộ kết mà tiến hành cải táng thì không những mộ bị mất kết mà còn gặp nhiều điều rủi ro cho gia đình. Vì thế, cần thẩm định kỹ mộ trước khi cải táng xem mộ có phải là mộ kết hay không. Nhìn mộ có thể đoán định được bằng các đặc điểm sau:

- Huyệt đất trước khi tiến hành hung táng là một huyệt đất mới chưa được đào xới. Mộ có đất vững chắc, nếu lấy một cây gậy cắm vào mộ thì đất rất chắc, khó có thể cắm được. Mộ không có nứt lún hoặc các hang hốc do các loài vật làm tổ.

- Khí của mộ tươi tốt, cỏ cây trên và xung quanh mộ được xanh tươi

- Đất của mộ nổi cao lên rõ rệt, xung quanh và trên mộ đất dần lên trông thấy kích thước phát triển quá mức ban đầu. Do đó, nên nhờ một thầy chuyên gia có kinh nghiệm Phong Thủy tiến hành xem xét cẩn thận trước khi cải táng.

3. Chọn lựa huyệt đất mới

Khi đã chọn lựa được thời điểm tiến hành thì người trong gia đình sẽ phải chọn lựa một huyệt đất mới để chuyển hài cốt sang. Ngày xưa, điều kiện đất đai còn rộng lớn thì việc này tương đối dễ dàng. Ngày nay, diện tích đất dành cho người chết cũng rất hạn chế. Thường ở địa phương sẽ tiến hành bố trí cho gia đình một huyệt đất mới ở cùng nghĩa trang nơi hung táng. Nếu các gia đình có nhu cầu chọn lựa phải mua đất ở nơi khác rồi chuyển hài cốt về. Việc chọn lựa huyệt đất là tương đối khó khăn, để tìm được vị trí mới tốt lành, cần lưu ý các điểm sau đây:

- Huyệt mộ là nơi đất mới chưa từng bị chôn lấp, đào xới. Khí đất của huyệt tươi tốt, đất rắn chắc tươi tắn. Nếu là vùng đồng bằng thì đất tươi mịn, có mùi thơm, đào lên phía dưới độ

60 -70cm đất đặc quánh, có màu vàng nhạt hoặc màu nâu đậm. Nếu là miền sơn cước thì đất mịn màng, tuy khô nhưng có màu vàng nhạt.

- Kỵ nhất là huyết là nơi đất tối xốp, có chứa nhiều rác rưởi, hoặc có nguồn nước thải bị ô nhiễm. Đào lên ở đáy huyết phải có mạch nước ngầm chảy dưới huyết. Màu sắc của nước trong xanh, mùi thơm, tránh nước bị ô nhiễm hoặc nước có mùi hôi. Những huyết ở đồng bằng thì kỵ không có nước ở dưới huyết.

- Ở các vùng nghĩa trang nơi quy tập nhiều mộ, thường bị tình trạng quá tải về diện tích, các mộ chen lấn nhau. Tránh huyết bị các mộ xung quanh lấn chiếm, hoặc nằm án ngữ ngay trước phần mộ, hoặc đâm xuyên vào 2 bên cạnh mộ. Nếu chọn được huyết phía trước rộng thoáng, lại nhìn ra ao hồ hay sông suối là đặc cách. Trường hợp đất đai quá hiếm không chọn được huyết có phía trước thoáng rộng thì tối thiểu cũng phải có một khoảng đất trống nằm ngay phía trước huyết mộ.

- Quan sát cẩn thận hệ thống đường đi xung quanh huyết. Nếu huyết có đường đi đâm thẳng vào giữa hoặc đâm xuyên sang hai bên thì chủ về phá bại không thể dùng. Đường đi sát ngay phía sau huyết cũng tối kỵ chủ tổn hại nhân đinh. Tốt nhất chọn huyết nơi yên tĩnh xa cách với đường đi lối lại quanh khu vực mộ.

- Ở vùng núi non thì cần thẩm định huyết theo những tiêu chí của địa lý chính tông. Huyết cần được bao bọc có long hổ hai bên ôm lấy huyết, phía sau có cao sơn che chắn, phía trước có minh đường thủy tụ .

4. Các bước tiến hành

Bước 1: Chọn ngày giờ Hoàng đạo: Cần tiến hành chọn lựa thời điểm phù hợp, tháng được chọn nên tránh tháng xung khắc với tuổi trưởng nam, tuổi của vong linh. Trong tháng chọn ra 2 ngày tốt gần nhau để tiến hành việc đào huyết, xây mộ mới và ngày giờ tiến hành đưa hài cốt sang huyết mộ mới. Ngày giờ tiến hành xây huyết mộ mới thường chọn trước ngày bốc mộ khoảng 1 tuần. Những giờ tiến hành bốc thường là các giờ về đêm, theo quan

niệm âm dương, hài cốt thuộc âm thì nên tiến hành vào các giờ âm để tránh xung hại. Các giờ này là các giờ Hợi, Tý, Sửu, Dần (11 giờ đêm)



Bước 2: Nghi thức tiến hành: Vào ngày tiến hành động thổ xây huyết mộ mới. Trước giờ khởi công, trưởng nam cùng gia đình sắm sửa lễ để cúng quan thần linh. Vì theo quan niệm của tín ngưỡng Việt nam, trước khi làm việc gì cũng phải xin phép Thần Linh bản cảnh chứng giám để gia đình tiến hành công việc được thuận lợi. Lễ vật gồm: Hoa quả, tiền vàng, lễ mặn, gạo muối. Sau khi khấn Thần Linh thì tiến hành động thổ xây dựng. Huyệt thường được đào và xây vuông xung quanh huyết, phía dưới không xây chỉ để lớp đất bằng để hạ quách dựng hài cốt xuống. Lưu ý: Kích thước xây chỉ vừa đủ rộng hơn quách mỗi chiều khoảng 10 - 20cm. Phía dưới không được lảng xi măng để tránh bị âm dương ngăn cách. Nếu đất rắn chắc thì không cần xây tường xung quanh huyết. Độ nông sâu của huyết cũng cần được xem xét rất cẩn thận, phải đào hết lớp đất mặt, thường đào đến lớp đất thịt khoảng 50 - 60 cm. Tuy nhiên, cần phải nhờ một thầy có kinh nghiệm thẩm định độ nông sâu của huyết. Công việc chính và quan trọng nhất là tiến hành đưa hài cốt sang huyết mộ mới. Hài cốt sau khi được bốc, xếp gọn gàng vào tiểu sành sẽ được đưa sang huyết mới để hạ

xuống và lấp đất lên. Sau đó, gia đình sẽ tiến hành hoàn thiện phần xây dựng mộ. Mộ xây dựng bao giờ cũng phải có phần thông thiên, tức khoảng đất trên mặt mộ để dương khí giáng xuống.

Bước 3: Hoàn tất, Sau khi mọi việc xây dựng đã hoàn tất, bước cuối cùng là nghi lễ tiến hành lễ tạ phần mộ và cúng cho vong linh được yên ổn, siêu thoát. Theo phong tục truyền thống, lễ vật chuẩn bị bao gồm lễ mặn và lễ chay, ngoài ra còn có đồ mã như ngựa, quần áo, vàng mã. Sau đó, gia đình tiến hành lễ tạ quan Thần Linh, lễ điền hoàn long mạch. Những gia đình có truyền thống Phật giáo thì tổ chức nghi lễ cầu siêu cho vong linh được siêu thoát.

5. Quan niệm về thuyết phong thủy và mộ táng của người xưa

Trong lịch sử cổ đại của người Việt Nam cũng như Trung Quốc đã từng xuất hiện một tín ngưỡng truyền thống, một tập tục rất phổ biến quan niệm rằng: Việc chọn đất mai táng tổ tiên (âm trạch), cũng như chọn đất để làm nhà cho người sống (dương trạch) có quan hệ mật thiết đối với cuộc sống tồn vong, họa, phúc của con cháu. Người ta thường nói: “táng tiên ảm hậu tức là chọn đất mai táng tổ tiên để tổ tiên phù hộ cho con cháu được hưởng phúc lộc. Tất cả những hoạt động có liên quan đến việc chọn đất mai táng hoặc đất làm nền nhà được người xưa gọi là thuyết phong thủy hoặc thuật phong thủy. Những người am hiểu các lý thuyết phong thủy, biết làm những pháp thuật huyền bí như quan sát địa hình, địa thế để tìm long mạch, để định vị phương hướng là các thầy địa lý hoặc thầy phong thủy. Những người này lấy hoạt động phong thủy làm nghề mưu sinh và phục vụ cho nhu cầu bức thiết của xã hội, cũng được xã hội coi trọng.

Thuyết phong thủy được phát triển gắn liền với tên tuổi của Quách Phác và trước tác nổi tiếng do ông soạn là: “Táng thư, còn được gọi là “Táng kinh”. Quách Phác đời Tấn là người đầu tiên giải thích khái niệm phong thủy và từ đó thuyết phong thủy có cơ sở lý luận ổn định phát triển. Trong “Táng thư”, Quách Phác viết:

“Việc mai táng là để tích tụ sinh khí. Sinh khí gặp gió thì tản đi, gặp nước ngăn thì dừng lại. Vì vậy, gọi là thuật phong thủy. Khi chú giải “Táng thư”, ông Phạm Nghi Tân (đời Thanh), viết thêm rằng: “Không có nước ngăn lại thì sinh khí sẽ bị gió cuốn làm cho tan đi, có dòng nước ngăn lại thì sinh khí ngưng tụ và gió cũng không còn nữa. Vì thế hai chữ Phong và Thủy (gió và nước) là hai yếu tố quan trọng nhất của thuyết địa lý, mà trong đó đặc thủy (chỉ chỗ đất có dòng nước chảy quanh) là điều quan trọng hơn hết. Sau đó, mới kể đến tàng phong hay tụ phong (tức là thu giữ gió hay kiêng tránh gió) là điều quan trọng thứ hai

Như vậy, theo lý thuyết kinh điển về phong thủy, chỉ có trong điều kiện tàng phong và đặc thủy thì mới tích tụ và giữ gìn được sinh khí. Vậy sinh khí là gì? Sách Lã Thị Xuân Thu giải thích rằng sinh khí là do dương khí thịnh mà phát tiết ra. Sinh khí là nguyên tố đem lại sức sống cho mọi sinh vật, là cái khí làm cho mọi vật nảy nở và trưởng thành. Sinh khí luôn luôn tồn tại, vận hành trong lòng đất. Tùy theo hình thế cao thấp của đất mà sinh khí vận động, khi chuyển đi, khi tụ lại, biến hóa mà phát sinh ra vạn vật, kể cả phát sinh ra con người. Chính vì vậy mà muôn vật đều xuất phát, đều bắt nguồn từ trong lòng đất mẹ vĩ đại. Cho nên thuyết phong thủy quan niệm đất là Đại mẫu. Thuyết phong thủy lấy âm dương ngũ hành làm nguyên lý cơ sở. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là 5 yếu tố cơ bản cấu thành thế giới. Trong đó, Thổ là yếu tố quan trọng bậc nhất (là Trung ương), mà Thổ thuộc quẻ Khôn tức là thuộc âm tính, là giống cái.

Sinh khí bao hàm trong nó 2 yếu tố âm và dương, cũng như 5 yếu tố: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ chúng kết hợp, nương tựa, tác động lẫn nhau. Đồng thời, cũng ức chế lẫn nhau theo quy luật tương sinh, tương khắc. Sinh khí biến hóa, vận động, di chuyển trong lòng đất phát sinh ra muôn vật. Các nhà phong thủy quan niệm rằng: Sinh khí không phải chỉ tồn tại và vận hành trong lòng đất, mà dĩ nhiên cũng tồn tại trong bản thân mỗi con người. Con người cũng như mọi vật đều do sinh khí cấu tạo thành.

Thuyết phong thủy cho rằng: Muốn đưa sinh khí trở về với hài cốt, muốn sinh khí được bảo lưu, được tích tụ và duy trì được lâu dài thì phải biết chọn đất mai táng (âm trạch), nơi có nhiều sinh khí. Nhưng làm thế nào để tìm được một huyệt đất có nhiều sinh khí?

Xác định Long mạch:

Thuyết phong thủy cho rằng sinh khí vận hành trong lòng đất dựa theo hình thế của núi. Cần xem xét núi bắt đầu từ đâu và dừng lại nơi nào? Nơi núi dừng lại có địa thế bằng phẳng rộng rãi, có dòng nước chảy uốn quanh kề gần, huyệt đất đó sẽ tích tụ được nhiều sinh khí, huyệt đất đó có long mạch, tức là nơi cát địa hay phúc địa.

Núi bắt đầu từ xa chạy đến gọi là thế. Nơi núi dừng lại gọi là hình. Thế thì bao quát, hình thì cụ thể. Thế càng cao xa thì hình càng có chỗ dựa vững chắc, nơi cát địa đó sẽ mang lại nhiều phúc lộc cho con cháu.

Muốn tìm được cát địa, phải sát sa tức là phải quan sát, xem xét những ngọn núi xung quanh huyệt mộ (âm trạch), phải đạt được các tiêu chí sau đây:

- Huyệt mộ phải dựa lưng vào ngọn núi cao gọi là Huyền Vũ. Bên tả có núi gọi là Thanh Long, bên hữu có núi gọi là Bạch Hổ, hai ngọn núi này đứng chầu vào huyệt mộ, tạo thành vòng tay ngai che chống những luồng ác phong (gió độc), bảo vệ sinh khí không bị gió xua tan. Phía trước mặt huyệt mộ có một hòn núi nhỏ án ngữ gọi là Án Sơn (được gọi là Chu Tước), như người đứng khoanh tay, vái chào huyệt mộ. Ngoài xa cũng có một ngọn núi chầu về huyệt mộ gọi là Triều Sơn (núi chầu).

Khi sát sa thấy có đủ hình thế tứ linh (Long, Lân, Quy, Phượng- bốn con giống theo thần thoại) thì huyệt đất đó có đủ điều kiện để tích tụ sinh khí, tức là có long mạch.

Quan thủy:

Đây là phương pháp rất quan trọng. Vì theo thuyết phong thủy thì đắc thủy mới là yếu tố hàng đầu.

Thuyết phong thủy cho rằng khí là cha mẹ của nước, là bản thể của nước. Nơi nào có sinh khí, ở đó có nước. Nước là cái khí hữu hình, trong khi khí là vô hình. Ngược lại nơi nào có nước, chứng tỏ ở đấy có sinh khí.

Mặt khác, thổ là hình thể của khí. Trong điều kiện Thổ bị dòng nước cắt ngăn và giới hạn lại thì khí cũng theo Thổ mà dừng lại, không di chuyển phân tán được. Các thầy địa lý khảo sát, xem xét các dòng sông, dòng suối, ao hồ xung quanh huyệt mộ (tức âm trạch). Dòng sâu, nguồn dài là khí vượng, dòng cạn, nguồn ngắn thì phúc lộc ít. Dòng nước chảy tới quanh co, uốn khúc hoặc chảy ngang qua mà vòng quanh trở lại bao bọc âm trạch, dòng nước chảy du dương, êm đềm là rất tốt. Nếu dòng chảy xói thẳng vào huyệt như tên bắn, chảy sát huyệt mộ gây xói lở thì rất xấu.

Sau khi đã xác định được Long mạch và quan thủy, thầy địa lý (phong thủy) mới tiến hành điểm huyệt và xác định Minh đường. Việc điểm huyệt và xác định Minh đường yêu cầu phải rất thận trọng, vì đây là mục đích cuối cùng phải đạt được khi ứng dụng thuyết phong thủy.

Đất điểm huyệt phải là nơi tích tụ được sinh khí, không hề làm cho sinh khí tiêu tán. Đồng thời, không ngừng hấp thụ được nguồn sinh khí của tự nhiên, của đất mẹ, thường xuyên tiềm ẩn và vận hành trong lòng đất.

Khoảng đất bằng phẳng rộng rãi bao bọc xung quanh huyệt mộ gọi là Minh đường.

Tiểu minh đường là quãng đất hẹp kề ngay trước huyệt mộ.

Trung minh đường (nội minh đường) là khoảng không ở phía trong các núi.

Thanh Long, Bạch Hổ.

Đại minh đường (ngoại minh đường) ở phía ngoài Án Sơn.

Minh đường và hình thế của núi có quan hệ mật thiết, cần đạt được tỷ lệ thích hợp. Mạch núi từ xa đến thì Minh đường rộng; Mạch núi ở gần thì Minh đường hẹp. Nếu Minh đường quá khoáng dang thì sinh khí dễ phát tán. Nếu Minh đường quá chật hẹp thì phúc lộc không được lâu bền.

Trong việc xác định huyết mộ (âm trạch) và nền nhà (dương trạch), thuật phong thủy còn có nhiều bí quyết để cấm kỵ hoặc trấn yểm.

Như vậy, ứng dụng thuyết phong thủy, sử dụng các thủ pháp chuyên môn, các nhà phong thủy (thầy địa lý) có thể phát hiện và điều chỉnh những khu đất có nhiều sinh khí để mai táng hoặc để xây dựng các công trình kiến trúc như nhà ở, cung điện, thành trấn, thôn lạch.

Tại sao việc chọn đất có sinh khí để mai táng tổ tiên lại có thể đem phúc lộc cho con cháu, tức là táng tiên lại có thể âm hậu?

Trong trước tác Táng thư, Quách Phác đã nêu luận điểm: “Khí cảm như ứng, quỷ phúc cập nhân, có nghĩa là những vật đồng chất với nhau có quan hệ cảm ứng lẫn nhau. Quỷ mà Quách Phác viết trong Táng thư là cha mẹ hoặc tổ tiên sau khi đã chết (theo cổ tự quỷ có nghĩa là quy, là về, là chết). Thuyết phong thủy quan niệm chết là về với đất, về với đại mẫu để chuẩn bị cho giai đoạn tái sinh kiếp sau. Vậy quỷ chính là tổ tiên, là cha mẹ đã chết, con nhân là những con cháu đang sống, là di thể của cha mẹ để lại.

Vì vậy, tổ tiên, cha mẹ và hậu duệ con cháu là đồng khí, là một chất, chúng có quan hệ cảm ứng với nhau. Cho nên quỷ phúc cập nhân nghĩa là tổ tiên mang lại phúc âm cho con cháu. Trong sách “Táng thư”, Quách Phác còn giải thích thêm: “Thi dĩ đồng sơn Tây bằng, linh chung đồng ứng, mộc hoa vu xuân, lật nha vi thất. Nghĩa là mỏ đồng ở phía Tây bị sụt lở thì chuông thiêng ở phía Đông cũng ứng theo (chuông tự kêu). Mùa xuân cây lật nở hoa thì quả lật ở trong phòng cũng nảy chồi. Như vậy, ý của Quách Phác nói: Chuông đồng và mỏ đồng cùng một khí chất, cây lật và quả lật cùng một khí chất, mặc dầu chúng để ở nơi cách biệt nhau, nhưng vẫn có quan hệ cảm ứng theo lẽ tự nhiên của tạo hoá. Vì thế tổ tiên, cha mẹ tuy đã chết, nhưng vẫn có thể phù hộ cho con cháu, hậu duệ của mình bằng cảm ứng.

Như vậy, từ thời xưa thuyết phong thủy hướng dẫn cho con người tìm huyết đạo cát địa (phúc địa) để mai táng tổ tiên, cha mẹ hoặc làm nhà ở, dựng cung điện, thành quách đã có tác động đến

đời sống của con người, đã trở thành một bộ phận văn hoá phương Đông nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng.

6. Tục tảo mộ trong tâm thức người Việt



Tảo mộ người thân

Hàng năm, cứ vào khoảng ngày 24, 25 tháng chạp nhiều gia đình người Việt đi tảo mộ. Người ta đi thăm viếng, vun lại những nấm mộ, phát cỏ dại, chặt cây cối quanh mộ, sửa sang, tu bổ mộ phần những người quá cố trong gia đình và cả những phần mộ của tổ tiên nhiều đời trước.

Để tưởng nhớ người đã khuất, những người còn sống mỗi năm đều cúng giỗ. Vào mỗi dịp năm cũ sắp qua, năm mới sắp đến, người ta còn lo sửa sang, thăm viếng mộ mả, làm sạch đẹp nơi an nghỉ của ông bà tổ tiên, người thân của mình.

Truyền thống tâm linh người Việt tin rằng, khi năm mới đến tất cả mọi thứ đều phải được chuẩn bị, sửa sang cho mới mẻ, kể cả nơi an nghỉ của ông bà, người thân.

Tục ngữ Việt Nam có câu “cao nấm ấm mồ”. Vì vậy, sửa sang nấm mồ cũng là một trong những việc hiếu đạo của con cái, thể hiện lòng kính trọng đối với đấng sinh thành và các bậc tổ tiên đã khuất.

Tục tảo mộ cuối năm, ngoài là một phong tục phổ biến của người dân Việt khắp mọi miền đất nước, còn là một hoạt động mang tính dòng tộc rõ nét. Đặc biệt, những dòng tộc lớn thường có

những ngày tảo mộ được quy định rất cụ thể, thường ghi trong gia phả như một truyền thống của dòng tộc để con cháu ở các thế hệ sau tiếp tục thực hiện. Đồng thời, cũng để thắt chặt tình yêu thương, đoàn kết, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

Về quê tảo mộ mỗi dịp xuân về đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Đó cũng là việc làm thể hiện của tình cảm hướng về với nguồn cội. Người ta ví: “Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn, nước có nguồn mới bể rộng sông sâu”.

Đối với cư dân thành thị, những người đã khuất được mai táng trong các nghĩa trang ở thành phố, do vậy thường khó duy trì việc những người trong gia đình, dòng họ khi khua núi được chôn cất gần gũi, đầm ấm với nhau như ở thôn quê. Nhưng cứ mỗi dịp cuối năm, khi sắp đến Tết Nguyên đán, người thành thị cũng luôn sắp xếp thời gian để đi thăm viếng, chăm sóc phần mộ ông bà, cha mẹ, người thân của mình để tỏ lòng hiếu thuận.

Thăm viếng phần mộ tổ tiên cũng là nét đặc trưng của văn hóa cổ truyền, một tục lệ trong đạo thờ ông bà của dân tộc ta vốn từ lâu đã trở thành truyền thống. Dù bận rộn trong cuộc mưu sinh, dù cả năm bôn ba làm ăn ở nơi xa, nhưng chốn quay về vẫn là gia đình. Nhiều gia đình cho rằng: Mỗi dịp tảo mộ cũng là một dịp giải bày với ông bà, tổ tiên những chuyện đã xảy đến trong năm với cả gia đình, dòng họ; cũng là để thành tâm mời ông bà tổ tiên chuẩn bị cùng về ăn Tết với gia đình.

Do đó, theo sau phong tục này nhân dân có tục rước ông bà vào trưa ngày 30 âm lịch và đưa ông bà, thường là vào trưa mùng 3 hoặc mùng 4, tùy theo tập quán ở mỗi địa phương, cùng với nếp sống của mỗi gia đình. Thường thì ngày tiễn đưa ông bà cũng là ngày cuối cùng của những ngày nghỉ ngơi vui Tết, mọi người trong gia đình lại quay trở về với cuộc sống thường nhật, với những công việc phải làm, cùng với lòng tin là sẽ được tổ tiên phù hộ cho những ngày tiếp sau đó.

Tại sao khi cải táng phải cất mộ ban đêm hoặc sáng sớm khi mặt trời chưa mọc hoặc nếu làm ban ngày thì phải có lán che?

Có lý luận cho rằng: Âm dương cách biệt nên phải kiêng không để mặt trời trực tiếp dội vào. Có nhiều trường hợp, gặp đất dưỡng thi, hoặc ba điều tường thuy (tức mộ kết phát) không nên cải táng, phải lấp lại ngay.

Có những ngôi mộ cỏ do kỹ thuật ướp xác, trải qua hàng trăm năm da thịt vẫn còn nguyên không hoại. Nhưng còn có những ngôi mộ lâu đời da thịt vẫn nguyên do chôn vào đất dưỡng thi.

“Đất dưỡng thi” là một môi trường trong đó cả vi khuẩn hiếu khí và yếm khí đều bị huỷ diệt.

Tại sao kiêng không đắp mộ trong vòng tang?

Theo phong tục, sau ba ngày an táng là làm lễ mở cửa mả. Trong buổi đó, sửa sang mộ cao ráo, đắp cỏ xung quanh làm rãnh thoát nước, chặt bỏ cây bụi xung quanh để phòng rễ mọc lan, xuyên vào mộ, chọc thủng áo quan. Kể từ ngày đó, con cháu đến viếng thăm, thắp hương chỉ lấy đất xung quanh đắp bổ sung vào những chỗ đất bị sụt lở, không được trèo lên mộ, không được động thổ, cuốc vào.

Trong ba năm đó áo quan và thi thể đang trong thời kỳ tan rữa, đã xảy ra những trường hợp do không biết để phòng mà mồ mả bị sập. Sập mả, động mả mặc dù là hiện tượng tự nhiên cũng gây cho tang gia nhiều điều lo lắng.

Lễ cúng giỗ có nguồn gốc từ đâu?

Theo tập quán lâu đời, dân ta lấy ngày giỗ (ngày mất) làm trọng, cho nên ngày đó, ngoài việc thăm phần mộ, tùy gia cảnh và tùy vị trí người đã khuất mà cúng giỗ. Đây cũng là dịp gặp mặt người thân trong gia đình trong dòng họ, họp mặt để tưởng nhớ người đã khuất và bàn việc người sống giữ gìn gia phong.

Ngày giỗ theo âm Hán là huy nhật hay kỵ nhật, tức là lễ kỷ niệm ngày mất của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, cũng có nghĩa là ngày kiêng kỵ.

Nguyên ngày trước, “Lễ Giỗ” gọi là “Lễ chính kỵ”: Chiều hôm trước lễ chính kỵ có “Lễ tiên thường” (Nghĩa là nếm trước), con cháu sắm một ít lễ vật, dâng lên mời gia tiên nếm trước. Ngày

xưa, những nhà phú hữu mời thông gia, bà con làng xóm đến mời ăn giỗ cả hai lễ tiên thường và chính kỵ. Dần dần vì khách đông phải chia ra hai lượt; lại có những nhà hàng xóm mời cả hai vợ chồng nên luân phiên nhau, người đi lễ tiên thường, người đi lễ chính kỵ, ở nông thôn tùy theo thời vụ, muốn “Vừa được buổi cày vừa hay bữa giỗ”, buổi chiều đi làm đồng về, sang hàng xóm ăn giỗ tiện hơn nên có nơi lễ tiên thường đông hơn là lễ chính kỵ. Dần dần hoặc vì bận việc hoặc vì kinh tế eo hẹp hoặc vì thiếu người phục dịch, người ta giản lược đi, chỉ mời khách một lần nhưng hương hoa, trầu rượu vẫn cúng cả hai lễ. Một vài nhà làm, những người khác thấy thuận tiện bắt chước, dần dần trở thành tục của địa phương. Việc cúng ngày sống (tức lễ tiên thường vào chiều hôm trước, nguyên xưa chỉ cúng vào buổi chiều vì buổi sáng còn phải mua sắm nấu nướng và ra khấn ở mộ yết cáo với thổ thần, long mạch xin phép cho gia tiên về nhà dự lễ giỗ). Cúng ngày sống hay cúng ngày chết, hay nói cách khác lễ tiên thường hay lễ chính kỵ, lễ nào là lễ quan trọng hơn? Nếu vận dụng đúng phong tục cổ truyền phổ biến trong cả nước thì trước ngày chết (lễ tiên thường) phải cúng chiều, cúng đúng ngày chết (lễ chính kỵ) phải cúng buổi sáng kể cả chiều hôm đó mới chết.

MỤC LỤC

Lời nói đầu

I.	NGƯỜI CHẾT VÀ NHỮNG VIỆC CẦN LÀM	7
1.	Quan niệm về cõi chết của người việt	7
2.	Viết di chúc khi sắp qua đời	9
3.	Đáp ứng nguyện vọng của người sắp qua đời	10
4.	Chọn đất làm huyệt mộ	12
II.	NHỮNG VIỆC PHẢI LÀM TRONG LÚC HẤP HỐI	16
1.	Thụy hiệu	16
2.	Chúc khoáng	16
3.	Khiết xỉ	17
4.	Hạ tịch	17
5.	Phục hồn	17
6.	Thiết hồn	17
7.	Mộc dục	18
8.	Thay quần áo	18
9.	Phạn hàm	18
III.	BÁO TANG, KHÂM LIỆM CHO NGƯỜI CHẾT	19
1.	Những việc cần làm cho người qua đời	19
2.	Việc chuẩn bị áo quan (quan tài)	22
3.	Khâm, liệm	23
4.	Các nghi thức được thực hiện khi nhập quan	26
5.	Lễ khâm niệm nhập quan	29
6.	Các nghi thức sau đám tang	35
7.	Những trường hợp đặc biệt	37

IV.	NGHI THỨC TỔ CHỨC TANG LỄ	39
1.	Cổ lễ quy định chi tiết việc khâm liệm, nhập quan	39
2.	Cách thức chiếu liệm	41
3.	Lễ phát tang	44
4.	Lập ban lễ tang	45
5.	Quàn linh cữu, đặt bàn thờ	46
6.	Lập bàn thờ tưởng niệm tạm thời	49
7.	Phúng viếng người đã qua đời	53
V.	CHUẨN BỊ TANG LỄ	54
1.	Tang chủ và phụ tang chủ	54
2.	Tướng lễ, hộ tang, tư thư, tư hóa	54
3.	Cáo phó	54
4.	Áo quan	55
5.	Các phụ gia	56
VI.	NHẠC TANG VÀ TANG PHỤC	56
1.	Nhạc tang	56
2.	Tang phục	59
VII.	PHÚNG VIẾNG, ĐƯA TANG, HẠ HUYỆT, ĐÁP MỘ	69
1.	Tổng quan và lễ viếng	69
2.	Đưa tang	72
3.	Điều văn	73
4.	Đưa linh cữu ra xe tang	75
5.	Thứ tự đưa tang	77
6.	Hạ huyệt	80
7.	Đắp mộ	81
8.	Tang lễ theo phong tục người Việt	82
9.	Nhạc hiếu dân gian người Việt	86
10.	Tục lệ trong hạ huyệt và cải táng	95

VIII. MỘT SỐ NGHI LỄ VÀ VĂN KHẤN TRUYỀN THỐNG TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN	98
1. Đối với người chết bị sét đánh	98
2. Đối với người chết khi con cháu chuẩn bị làm lễ cưới	98
3. Những tuần tiết cần làm cho đến khi cải táng, mãn tang	99
4. Những bài văn tế cho người qua đời trong từng giai đoạn	111
5. Ngày giỗ	124
XI. CẢI TÁNG VÀ NHỮNG VIỆC CẦN LÀM	138
1. Phong tục cải táng người Việt	138
2. Chọn lựa thời điểm	144
3. Chọn lựa huyệt đất mới	145
4. Các bước tiến hành	146
5. Quan niệm về thuyết phong thủy và mộ táng của người xưa	148
6. Tục tạo mộ trong tâm thức người Việt	153

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Nhà B15, Mỹ Đình 1, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 0462872630

NGHI LỄ MỘ PHẦN NGƯỜI VIỆT

TRƯƠNG THÌN

(Biên soạn)

ĐẠI ĐỨC THÍCH MINH NGHIÊM

(Hiệu đính)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Biên tập: **HÔNG TÚ- NGUYỄN THẮNG**

Vẽ bìa: **TRÍ VIỆT**

Trình bày: **SACHONLINE.COM.VN**

Kỹ thuật vi tính: **HASONBOOK**

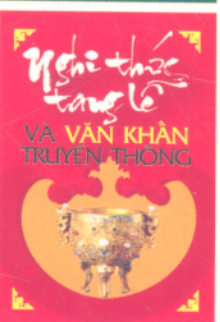
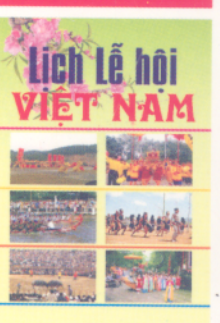
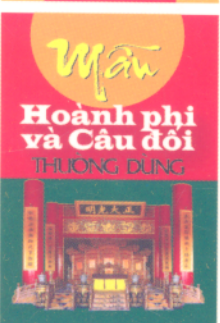
Sửa bản in: **HÀ SƠN**

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24. In tại Nhà in Báo Thể Thao Việt Nam.

Giấy phép xuất bản số: 1014 – 2009 / CXB / 43 / 01 -18./TĐ.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2010.

MỜI CÁC BẠN TÌM ĐỌC



Trí Việt

NGHI LỄ MỘ PHẦN NGƯỜI VIỆT



8 936046 526797

GIÁ: 31 000VNĐ

Sách phát hành tại: Công ty TNHH văn hóa và truyền thống Trí Việt
Địa chỉ: Số 40, ngõ 113 Thái Thịnh, Hà Nội. Tel: 04.3 5626332. Fax: 04.3 5626883